

Đặc san

# GIÁO DỤC ĐẠI HỌC QUỐC TẾ

International Higher Education  
Trường Đại học FPT

No.123  
(#4/2025)



### **Trường ĐH FPT được Coursera vinh danh thành tựu xuất sắc đổi mới AI**

***Tại Hội nghị thường niên lần thứ 13 của Coursera diễn ra tại Las Vegas (Mỹ) tháng 9/2025, Trường ĐH FPT được vinh danh là đối tác có thành tựu xuất sắc về đổi mới sáng tạo trong ứng dụng AI dành cho những đơn vị có sáng kiến nổi bật trong dạy và học.***

Theo Coursera, hạng mục giải thưởng này dành cho các đơn vị nổi bật trong việc khai thác công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) để xây dựng chương trình học sáng tạo, cá nhân hóa và mang lại hiệu quả cao. Trường ĐH FPT là một trong số ít đơn vị trong khu vực được vinh danh, cùng các đối tác quốc tế uy tín.

Hạng mục giải thưởng được xét chọn dựa trên năm tiêu chí chính: tầm nhìn, tác động, gắn kết, khả năng mở rộng và truyền cảm hứng. Ở cả năm phương diện này, Trường ĐH FPT đều để lại dấu ấn rõ nét.



*Trường ĐH FPT được Coursera vinh danh là đối tác có thành tựu xuất sắc về đổi mới sáng tạo trong ứng dụng AI.*

### **Swinburne Việt Nam tổ chức Hội thảo bàn về tính bền vững trong ngành logistics**

***Hội thảo Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng 2025 do Swinburne Việt Nam tổ chức tại TP. HCM có chủ đề “Thương mại điện tử và chuỗi cung ứng toàn cầu trong bối cảnh bất định toàn cầu: Thách thức và chiến lược thích ứng”.***

Trong bối cảnh thương mại điện tử, hậu cần và thương mại xuyên biên giới phát triển với tốc độ chưa từng có, Hội thảo được tổ chức nhằm mang đến những chia sẻ, kinh nghiệm thực tế về logistics xanh, ứng dụng công nghệ trong hành trình khử carbon, tạo cơ hội cho các doanh nghiệp, học giả và các nhà lãnh đạo ngành tìm kiếm chiến lược sáng tạo để tăng trưởng bền vững.

Được biết, Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng cũng là chương trình đào tạo mới của Swinburne Việt Nam từ năm 2025, theo chuẩn chương trình đào tạo quốc tế từ Swinburne University of Technology (Úc).



*Hội thảo Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng 2025 do Swinburne Việt Nam tổ chức là diễn đàn trao đổi thúc đẩy logistics bền vững.*



*Tạp chí Giáo dục Đại học Quốc tế* (tên tiếng Anh là *International Higher Education*, viết tắt là *IHE*) là ấn phẩm định kỳ hàng quý của Trung tâm Giáo dục Đại học Quốc tế (CIHE – Boston College).

Tạp chí phản ánh sứ mệnh của Trung tâm nhằm tạo tầm nhìn quốc tế hỗ trợ cho việc xây dựng và thực thi chính sách một cách sáng suốt. Thông qua *Tạp chí Giáo dục Đại học Quốc tế*, mạng lưới các học giả trên thế giới cung cấp thông tin và bình luận về những vấn đề chính yếu của giáo dục đại học toàn cầu. *IHE* được xuất bản bằng Tiếng Anh, Hoa, Pháp, Nga, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha và Việt Nam. Độc giả có thể xem các ấn bản điện tử này tại

<https://www.internationalhighereducation.net>

Hợp tác với **University World News (UWN)**

Từ tháng 1/2017, CIHE đã hợp tác với UWN - một bản tin cùng các bình luận trực tuyến được phổ biến rộng rãi về bức tranh hiện tại của giáo dục đại học quốc tế. Chúng tôi hân hạnh được tích hợp các nội dung của UWN trên *IHE* và ngược lại - tích hợp các nội dung của *IHE* trên Website và bản tin hàng tháng của của UWN.



Đăng ký tạp chí *IHE* tại  
[ihe@fpt.edu.vn](mailto:ihe@fpt.edu.vn)

Tháng 12/2025, Tạp chí *IHE* phiên bản tiếng Việt do Trường Đại học FPT phối hợp với Boston College đã tổ chức kỷ niệm 10 năm phát hành tại Việt Nam.

Từ 2026, phiên bản tiếng Việt của Tạp chí *IHE* sẽ ngưng phát hành bản giấy nhằm thực hiện hiện chính sách paperless (không dùng giấy) phục vụ chuyển đổi số của Trường Đại học FPT.

Cũng từ 2026, Trường Đại học FPT sẽ áp dụng giải pháp dịch tự động sử dụng các công cụ AI.

Thông tin chi tiết sẽ được thông báo trên website:

<https://ihe.fpt.edu.vn/>.

**Mời quý độc giả cùng nhìn lại một số hình ảnh tại sự kiện tổ chức kỷ niệm 10 năm phát hành *IHE* phiên bản tiếng Việt tại Việt Nam:**



Hình ảnh bản in các số Tạp chí *IHE* bản tiếng Việt đã được xuất bản trong 10 năm qua.



TS. Lê Trường Tùng (Chủ tịch Hội đồng trường Trường Đại học FPT) chia sẻ về việc phối hợp cùng Boston College xuất bản Tạp chí *IHE* phiên bản tiếng Việt tại Việt Nam.



Đội ngũ thực hiện Tạp chí *IHE* bản tiếng Việt.

# MỤC LỤC

## LỜI BAN BIÊN TẬP

### GIỚI THIỆU

03 — **Chuyển đổi giáo dục đại học toàn cầu: Cuộc khủng hoảng quốc tế năm 2025**  
Hans de Wit, Philip G. Altbach và Chris R. Glass

06 — **30 năm giáo dục đại học quốc tế: Một lĩnh vực nghiên cứu và một ấn phẩm**  
Hans de Wit, Philip G. Altbach

### ĐỊA CHÍNH TRỊ VÀ TỰ DO HỌC THUẬT

08 — **Biến động quốc gia-quốc tế đang làm mất ổn định giáo dục đại học**  
Simon Marginson

10 — **Chiến trường tri thức: Định hướng các yêu cầu an ninh trong học thuật toàn cầu**  
Alma Maldonado-Maldonado

12 — **Các giá trị cơ bản tại ngã rẽ chính trị, chính sách và nghiên cứu**  
Sjur Bergan

15 — **Tự do học thuật ở ngã ba đường**  
Daniela Craciun

### AI, DỮ LIỆU VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

17 — **Trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và vai trò của trường đại học**  
Rajani Naidoo

19 — **Kinh tế chính trị của dữ liệu hóa và nền tảng hóa: Chuyển đổi số trong giáo dục đại học**  
Janja Komljenovic và Ben Williamson

21 — **Dữ liệu lớn và nghiên cứu về nghề nghiệp học thuật: Hướng tới một chương trình nghiên cứu mới**  
Marek Kwiek

24 — **Bảng xếp hạng trong thời đại chủ nghĩa tư bản giám sát**  
Ellen Hazelkorn

### TÁI TẠO QUỐC TẾ HÓA

26 — **Quốc tế hóa năm 2025 và xa hơn: Mang quốc tế hóa đến cho dân chúng**  
Laura E. Rumbley

28 — **Nhìn nhận lại quốc tế hóa giáo dục đại học: Một trải nghiệm giáo dục có sức mạnh biến đổi**  
Betty Leask

30 — **Con sóng trở lại: Chính trị hóa và tương lai của giáo dục đại học quốc tế**  
Santiago Castiello-Gutiérrez

### DỊCH CHUYỂN SINH VIÊN VÀ HỌC GIẢ

32 — **Thay đổi cách nghiên cứu về sinh viên quốc tế từ ghi nhận trải nghiệm sang chuyển đổi thực tiễn**  
Jenna Mittelmeier

34 — **Đón nhận sự phức tạp: Những chuyển biến của xu hướng du học quốc tế trong bối cảnh bất ổn toàn cầu**  
Liz Shchepetylnykova và Sevgi Kaya-Kaşıkçı

36 — **Giá trị du học vượt ngoài lợi ích thị trường lao động**  
Georgiana Mihut

### CÔNG BẰNG, TIẾP CẬN VÀ KINH TẾ CƠ HỘI

38 — **Giáo dục đại học đang bị chỉ trích: Chính sách công bằng trong một thế giới phân cực**  
MJamil Salmi

41 — **Công bằng trong giáo dục đại học: Công việc chưa hoàn thành**  
N.V. Varghese

44 — **Hỗ trợ tài chính sinh viên: Một kích cỡ không thể phù hợp cho tất cả**  
Ariane de Gayardon

### GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

46 — **Trung tâm dịch chuyển: Vai trò mới nổi của Nam bán cầu trong tương lai giáo dục đại học**  
Marcelo Knobel

48 — **Hai thách thức đối với giáo dục đại học ở các quốc gia thu nhập thấp và trung bình**  
Roberta Malee Bassett và Koen Geven

50 — **Tương lai tài chính bấp bênh của giáo dục đại học Nam bán cầu**  
Rebecca Schendel

52 — **Xu hướng quốc tế về giáo dục đại học và phát triển bền vững**  
Tristan McCowan

54 — **Định hình giáo dục đại học châu Phi: Những hướng nghiên cứu trong tương lai**  
Wondwosen Tamrat

### GIÁO DỤC ĐẠI HỌC TƯ

56 — **Giáo dục đại học tư: Mở rộng tri thức**  
Daniel C. Levy

58 — **Giáo dục đại học tư thực đang làm thay đổi cục diện**  
Elizabeth Buckner

### CHẤT LƯỢNG

60 — **Xu hướng toàn cầu trong kiểm định và đảm bảo chất lượng: Những khả năng đầy thách thức**  
Gerardo Blanco và vares Bernasconi

62 — **Làm rõ các giá trị nền tảng thông qua khung đảm bảo chất lượng châu Âu**  
Maria Kelo

64 — **Nạn tham nhũng trong đại học: Vấn đề cũ, thách thức mới**  
Elena Denisova-Schmidt

### ĐÀO TẠO TIẾN SĨ

66 — **Định nghĩa bằng tiến sĩ ở châu Phi: Hướng tới mục đích phù hợp với bối cảnh**  
Sioux McKenna và Patrick Onyango

68 — **Đào tạo tiến sĩ: Đối mặt với những thay đổi lớn trong môi trường học thuật**  
Maria Yudkevich

### CÔNG BỐ HỌC THUẬT

69 — **Cuộc đua công bố khoa học: Áp lực và hệ quả**  
Yingxin Liu và Hugo Horta

71 — **Kệ sách học thuật ngày càng eo hẹp**  
Gregory M. Britton



# Chuyển đổi giáo dục đại học toàn cầu: Cuộc khủng hoảng quốc tế năm 2025

*Hans de Wit, Philip G. Altbach và Chris R. Glass*

Giáo dục đại học đã phải đối mặt với nhiều thách thức trong lịch sử phát triển lâu dài của mình, gồm cả 30 năm khi tạp chí Giáo dục đại học quốc tế (IHE - International Higher Education) được phát hành. Một số cuộc khủng hoảng này được gọi là hiện sinh, chẳng hạn như động thái hướng tới chủ nghĩa tân tự do vào đầu thế kỷ XXI, cuộc khủng hoảng tài chính năm 2008 và đại dịch COVID-19, cũng như một số cải tiến công nghệ, chẳng hạn như giáo dục từ xa, MOOCs và hiện tại là trí tuệ nhân tạo (AI). Mỗi khi giáo dục đại học phục hồi, bản chất của nó đối với nền kinh tế và xã hội, đối với đối mới sáng tạo và thay đổi đã được tái khẳng định.

Tuy nhiên, giáo dục đại học toàn cầu hiện nay đang chịu những áp lực chưa từng có. Nhiều đặc điểm của cuộc khủng hoảng hiện tại trong giáo dục đại học mang tính độc nhất. Như Angel Calderon đã nêu trong University World News: "Cộng đồng khoa học nghiên cứu và giáo dục đại học toàn cầu đang bước vào lãnh thổ chưa được khám phá và điều này có khả năng dẫn đến những tác động bất lợi cho chương trình nghị sự phát triển bền vững". Trong bài này, chúng tôi mô tả một số đặc điểm chính của cuộc khủng hoảng hiện tại với các câu hỏi: Cuộc khủng hoảng quốc tế năm 2025 có thực sự khác biệt không? Liệu nó có biến đổi giáo dục đại học một cách cơ bản không? Sự thống trị của phương Tây trong giáo dục đại học có sắp kết thúc không?

**Thực tế địa chính trị, sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa dân túy**  
Những điều đáng quan tâm nhất vào năm 2025 là các xung đột địa chính trị rõ ràng

ở nhiều nơi trên thế giới, kết hợp với sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa dân túy. Theo nhiều cách, giáo dục đại học là một quân cờ trong một tập hợp phức tạp các thực thể địa chính trị cơ bản và thay đổi nhanh chóng. Những điều này đều đã được biết đến. Xung đột giữa Trung Quốc và thế giới phương Tây vẫn tiếp diễn. Cuộc xung đột Nga - Ukraine chưa có dấu hiệu tích cực và dẫn đến sự rạn nứt giữa giáo dục đại học Nga và thế giới phương Tây, phần lớn là khôi phục lại sự chia rẽ của thời kỳ Chiến tranh Lạnh, ngoại trừ một ngoại lệ quan trọng là dưới thời chính quyền Trump, châu Âu không còn coi Hoa Kỳ là đồng minh đáng tin cậy nữa. Các cuộc chiến thuế quan do Tổng thống Trump khởi xướng, hiện đang diễn ra, có thể tác động đến giáo dục đại học bằng cách gia tăng sự thù địch giữa các quốc gia. Mối quan ngại về an ninh tri thức quốc gia và khu vực đang làm lu mờ giá trị của sự hợp tác học thuật quốc tế.

Vấn đề nhập cư cũng có tầm quan trọng tối cao ở hầu hết các quốc gia có thu nhập cao. Mặc dù phức tạp và có nhiều biến thể quốc gia, nhưng chính trị của thế giới giàu có ngày càng phản đối nhập cư quy mô lớn, bất chấp các lập luận kinh tế hợp lý hay nhu cầu nhân đạo. Tất nhiên, chính sách nhập cư có tác động trực tiếp đến tính di động của sinh viên và giảng viên - trong hầu hết các trường hợp khiến việc tiếp cận học tập hoặc làm việc trở nên khó khăn hơn.

Sự thống trị của Bắc bán cầu - kết quả của sự hợp tác chặt chẽ trong các lĩnh vực thương mại, quốc phòng, giáo dục và nghiên cứu - đang phải chịu mỗi đe dọa

nội bộ to lớn do lập trường "Nước Mỹ trên hết" mang tính hướng nội của chính quyền Trump tại Hoa Kỳ. Điều này làm tăng sự tự tin của châu Á, đặc biệt là Trung Quốc và Ấn Độ, để định vị mình là cường quốc toàn cầu mới. Những tác động đối với giáo dục đại học và nghiên cứu trên toàn cầu vẫn chưa được nhìn thấy, nhưng các sự kiện gần đây chắc chắn sẽ có tác động rất lớn. Việc cắt giảm ngân sách cho giáo dục đại học ở Hoa Kỳ và cả ở nhiều nước châu Âu cũng đang lần đầu tiên làm ảnh hưởng đến các trường đại học nghiên cứu, từ đó làm suy yếu năng lực khoa học ở phương Tây.

**Mặc dù công nghệ thông tin đã có ảnh hưởng trong các trường đại học trong nhiều thập kỷ, nhưng những tiến bộ hiện tại trong AI đại diện cho một sự thay đổi cơ bản có tiềm năng chuyển đổi trong giảng dạy, nghiên cứu và quản trị tổ chức.**

### **Những hạn chế về tài chính và nhân khẩu học**

Giáo dục đại học phải đối mặt với sự kết hợp của những thách thức về tài chính, do sự kết hợp của nhiều yếu tố diễn ra ở nhiều quốc gia và do thực tế nhân khẩu học thay đổi. Ở Bắc bán cầu, việc đại chúng hóa tuyển sinh đã đạt được. Nhiều quốc gia hiện đang phải đối mặt với tình trạng suy giảm số lượng người trẻ, dẫn đến tình trạng suy giảm tuyển sinh và khủng hoảng tài chính đi kèm. Ở nhiều nước Nam bán cầu, thách thức lại ngược lại - hỗ trợ đại chúng hóa và số lượng sinh viên tìm kiếm cơ hội tiếp cận giáo dục đại học ngày càng tăng. Với hơn 250 triệu sinh viên đang theo học tại hơn 22 ngàn trường đại học trên toàn thế giới, giáo dục đại học vẫn tiếp tục là một sân chơi toàn cầu thực sự. Tuy nhiên, với việc nguồn tài trợ công ngày càng giảm và nhu cầu liên tục, chúng ta sẽ chứng kiến sự tư nhân

hóa hơn nữa của khu vực công và sự mở rộng của giáo dục sau trung học tư nhân, bao gồm cả giáo dục trực tuyến. Điều này sẽ làm đẩy lên thêm những lo ngại về đạo đức và chất lượng.

### **Dữ liệu lớn, công nghệ và AI**

Giáo dục đại học trên thế giới đang nhanh chóng được tái định hình bởi các công nghệ kỹ thuật số mới nổi, dữ liệu lớn và AI. Mặc dù công nghệ thông tin đã có ảnh hưởng đến các trường đại học trong nhiều thập kỷ, nhưng những tiến bộ hiện tại trong AI đại diện cho một sự thay đổi cơ bản có tiềm năng chuyển đổi trong giảng dạy, nghiên cứu và quản trị tổ chức. Một mặt, các công cụ do AI thúc đẩy có thể nâng cao đáng kể hiệu quả, cho phép hiểu sâu hơn thông qua phân tích dữ liệu và cá nhân hóa trải nghiệm giáo dục, có khả năng dân chủ hóa quyền truy cập vào giáo dục đại học chất lượng trên toàn cầu. Mặt khác, những công nghệ tương tự này lại gây ra những vấn đề nan giải về mặt đạo đức và thách thức thực tế đáng kể. Các vấn đề xung quanh quyền riêng tư dữ liệu, sự thiên vị của thuật toán và các mối đe dọa tiềm ẩn đối với tính toàn vẹn của học thuật và khoa học là những mối lo ngại ngày càng tăng mà các tổ chức phải giải quyết khẩn cấp. Ngoài ra, sự phân chia kỹ thuật số giữa các tổ chức tiên tiến về công nghệ và các tổ chức hạn chế về nguồn lực có nguy cơ làm gia tăng bất bình đẳng trong giáo dục đại học toàn cầu. Khả năng của các trường đại học trên toàn thế giới trong việc thích ứng một cách chu đáo và có đạo đức với những thay đổi công nghệ nhanh chóng này sẽ định hình sâu sắc bối cảnh tương lai của giáo dục đại học. Giáo dục đại học toàn cầu đang ở giai đoạn đầu chịu tác động của AI, nhưng kết quả chắc chắn sẽ sâu rộng hơn những thay đổi từ các cải tiến công nghệ trước đó.

### **Từ phương Tây hóa đến quốc tế hóa?**

Cuối cùng, giáo dục đại học toàn cầu,



lần đầu tiên trong lịch sử gần đây, đang trở nên ít mang tính quốc tế hơn. Trong nhiều thế kỷ qua, giáo dục đại học ngày càng trở nên quốc tế hơn (mặc dù phần lớn do châu Âu và Bắc Mỹ thống trị), do tính di động của sinh viên, của học giả và của các ý tưởng.

Hiện nay có hơn 6 triệu sinh viên di động mỗi năm - phản ánh các mô hình di động toàn cầu phức tạp bao gồm sự di chuyển đáng kể từ Nam ra Bắc, các luồng di chuyển từ Nam xuống Nam, từ Bắc xuống Nam và từ Bắc lên Bắc ngày càng tăng - cũng như một số lượng không xác định các nghiên cứu sinh sau tiến sĩ, giáo sư di động và những người khác. Các cơ sở chi nhánh quốc tế, hiện có hơn 300 cơ sở, và các loại hình giáo dục xuyên quốc gia khác cũng là một phần của môi trường toàn cầu này. Số lượng sinh viên tham gia các chương trình và tổ chức xuyên biên giới hiện gần vượt quá số lượng sinh viên di động quốc tế. Tương tự như trường hợp dịch chuyển của sinh viên, trong việc cung cấp dịch vụ xuyên biên giới, sự thống trị truyền thống của Bắc bán cầu có khả năng bị đe dọa do các sự kiện gần đây. Hệ sinh thái quốc tế hóa hiện tại, sự lưu động bằng cấp của sinh viên Nam - Bắc và sự lưu động Bắc - Nam trong giáo dục xuyên quốc gia, hợp tác phát triển và công nhận sẽ bị thách thức nghiêm trọng, mặc dù tại thời điểm này, không thể dự đoán chính xác các xu hướng cụ thể.

Cho đến nay, quốc tế hóa là một khái niệm của phương Tây. Bây giờ, sự thống trị của nó đang bị thách thức hơn bao giờ hết, bản thân nó là một sự phát triển tốt và cần thiết. Điều đáng lo ngại hơn là thực tế các giá trị cốt lõi mà phương Tây và đặc biệt là Hoa Kỳ luôn ủng hộ - chẳng hạn như tự do học thuật, tính toàn vẹn học thuật, cũng như trách nhiệm của xã hội đối với giáo dục đại học và của giáo dục đại học đối với xã hội - không còn được đảm bảo nữa. Người ta vẫn chưa biết liệu những giá trị học thuật này có tồn tại được trong quá trình chuyển đổi hiện tại cũng như những thách thức khác được nêu ở đây hay không.

Các bài viết trong ấn bản kỷ niệm đặc biệt này, kỷ niệm 30 năm ra đời của tạp chí IHE, tìm cách giải quyết nhiều thực tế phức tạp, đầy thách thức và nói chung là tiêu cực này, như mọi khi, hãy nhìn nhận theo góc nhìn toàn cầu và nhấn mạnh những tác động đối với quốc tế hóa giáo dục đại học. Thật không may, tại thời điểm hiện tại, chúng ta không thể đưa ra một tương lai tươi sáng cho một trong những sân chơi trí tuệ và kinh tế quan trọng nhất thế giới - giáo dục đại học toàn cầu. Tuy nhiên, chúng ta có thể cung cấp một nền tảng để đưa ra chương trình nghị sự nghiên cứu có thể giúp giảm thiểu nhiều thách thức này và thậm chí có thể giúp bảo vệ tương lai của giáo dục đại học.

## 30 năm giáo dục đại học quốc tế: Một lĩnh vực nghiên cứu và một ấn phẩm

**Hans de Wit và Philip G. Altbach**

*Hans de Wit và Philip G. Altbach là Giáo sư danh dự và là thành viên danh dự tại Trung tâm Giáo dục Đại học Quốc tế, Boston College, Hoa Kỳ.*

*Email: dewitj@bc.edu và altbach@bc.edu.*

Trong 30 năm, qua 123 số của tạp chí Giáo dục Đại học Quốc tế, cả thế giới và giáo dục đại học đã thay đổi rất nhiều. Ấn phẩm đã theo dõi những thay đổi này và thực hiện các điều chỉnh cho phù hợp, nhưng về bản chất, các nguyên tắc chỉ đạo cũng như vị thế độc đáo của nó vẫn giữ nguyên.

Trong số đầu tiên (kỳ Xuân 1995), Philip G. Altbach đã viết rằng Giáo dục Đại học Quốc tế (International Higher Education - IHE) sẽ cung cấp những thông tin, những phân tích không có ở nơi nào khác và đóng vai trò là diễn đàn thông tin, tranh luận và thảo luận về các vấn đề cốt lõi mà giáo dục đại học phải đối mặt, đặc biệt quan tâm đến các trường đại học ở nơi ở thời điểm đó được gọi là Thế giới thứ ba. Ông tuyên bố: "Giáo dục Đại học Quốc tế là ấn phẩm đầu tiên tiếp cận giáo dục đại học với cam kết khám phá trách nhiệm tinh thần và đạo đức của các tổ chức học thuật và cộng đồng học thuật trên toàn thế giới". 30 năm và 123 số sau đó, cả thế giới và giáo dục đại học đã thay đổi rất nhiều. IHE đã tuân theo những thay đổi này và thực hiện các điều chỉnh cho phù hợp, nhưng về bản chất, các nguyên tắc chỉ đạo cũng như vị thế độc đáo của tạp chí vẫn giữ nguyên. Năm 2020, một nghiên cứu về 100 số đầu tiên của IHE đã xác nhận rằng nội dung của tạp chí vẫn đa dạng về mặt địa lý và phong phú về chủ đề, tạo tiếng nói cho nhiều học giả, nhà hoạch định chính sách từ mọi khu vực trên toàn cầu. Điều này không thay đổi trong năm năm qua. Cuốn sách *International Dimensions and Trends in Higher Education in Troubled Times* xuất bản năm 2024, cung cấp tuyển tập 100 bài

báo của IHE được xuất bản từ năm 2018 đến năm 2023, minh họa rõ ràng điều này. Cuốn sách cho thấy "nỗ lực thúc đẩy bản sắc, giá trị và trách nhiệm xã hội chung, đồng thời thách thức các chuẩn mực hiện có và ủng hộ tính bao trùm và sự tham gia của công dân". Như Philip G. Altbach đã viết trong số 120 năm 2024: "Chúng tôi đã duy trì các sứ mệnh cốt lõi này trong suốt ba thập kỷ diễn ra những thay đổi mạnh mẽ trong bối cảnh giáo dục đại học toàn cầu - đáng chú ý là sự đại chúng hóa mạnh mẽ, sự xuất hiện của nền kinh tế tri thức toàn cầu, sự nở rộ của quốc tế hóa và gần đây là những căng thẳng địa chính trị đáng kể".

### Điều gì làm nên sự độc đáo của IHE?

Vào thời điểm thành lập Trung tâm Giáo dục Đại học Quốc tế (CIHE) và IHE vào năm 1995, như chúng tôi đã viết trong bài tường thuật về lịch sử của CIHE, "Chưa có lĩnh vực nào được xác lập rõ ràng nhấn mạnh vào giáo dục sau trung học trong bối cảnh toàn cầu. Và mặc dù lĩnh vực này đã và đang hoàn thiện, nhưng vẫn còn rất nhỏ so với tầm quan trọng của nó". Đã có những trung tâm và ấn phẩm khác đề cập đến giáo dục đại học quốc tế, nhưng tính liên tục của CIHE và IHE là duy nhất. Phần lớn là do hoạt động của chúng như một mạng lưới quốc tế, một

mô hình cung cấp nền tảng toàn cầu để phân tích, thảo luận và phổ biến. Những khía cạnh nào khác làm nên sự độc đáo của IHE? Nó đã là quyền truy cập mở trước khi khái niệm này tồn tại và vẫn tiếp tục như vậy. Quyền truy cập mở của tạp chí đã cho phép lưu hành rộng rãi các bài viết của tạp chí, thông qua quan hệ đối tác với University World News, Hiệp hội các trường đại học quốc tế (IAU) và các hiệp hội các trường đại học ở châu Phi và Ấn Độ. Tạp chí không chỉ được xuất bản bằng tiếng Anh, mà còn được dịch sang tiếng Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Việt Nam và cho đến gần đây là tiếng Nga. Có một phiên bản tiếng Trung với một số bài viết được chọn lọc từ IHE. Vào năm 2025, ấn bản thường niên đầu tiên của Ta'leem sẽ được xuất bản, với một số bài viết được chọn lọc từ IHE và dịch sang tiếng Ả Rập. Những yếu tố này khiến IHE có khả năng trở thành ấn phẩm về giáo dục đại học được phân phối và đọc rộng rãi nhất trên thế giới.

**Chúng tôi đã duy trì các sứ mệnh cốt lõi này trong ba thập kỷ bối cảnh giáo dục đại học toàn cầu diễn ra những thay đổi mạnh mẽ - đáng chú ý là sự đại chúng hóa mạnh mẽ, sự xuất hiện của nền kinh tế tri thức toàn cầu, sự phát triển mạnh mẽ của quốc tế hóa và gần đây là những căng thẳng địa chính trị đáng kể.**

Một yếu tố khác là phong cách của tạp chí. IHE không phải là tạp chí tin tức hay tạp chí học thuật. IHE tập trung vào chính sách và thực tiễn trong giáo dục đại học quốc tế. Cung cấp tin tức không phải là trọng tâm chính của tạp chí, có những nguồn khác cũng làm như vậy. Nó cũng không bao gồm các tài liệu tham khảo (mặc dù hiện nay có bao gồm các liên kết đến các nguồn khác) và không chỉ dựa trên nghiên cứu, mặc dù nó được tham khảo và trích dẫn khá thường xuyên trong các ấn phẩm học thuật và chuyên môn.

**Tương lai nào cho IHE?**

Với sự gia tăng sự chú ý và phổ biến các xu hướng và phát triển trong giáo dục đại học quốc tế, liệu IHE có còn cần thiết trong những thập kỷ tới không? Quá trình phát triển trong suốt 30 năm qua đã chuẩn bị cho tương lai của IHE. Nó này đã phát triển từ một ấn phẩm in nhỏ được gửi qua thư đi khắp thế giới thành một ấn phẩm trực tuyến cho phép truy cập vào toàn bộ các ấn phẩm lẫn từng bài viết riêng lẻ. Sau một giai đoạn ngắn đáng ghi nhận kéo dài năm năm với nhà xuất bản Đức DUZ Verlags-und Medienhaus (các ấn bản 100-120), IHE đã trở về nhà với CIHE, đảm bảo tính tự chủ và phổ biến mà không phải trả phí đăng ký.

Như chúng tôi đã viết trong cuốn sách năm 2024, IHE "là lời mời tái đánh giá sự hiểu biết của chúng ta về các chiều kích quốc tế của giáo dục đại học trên quy mô toàn cầu, nhấn mạnh bản chất không ngừng phát triển của lĩnh vực này".



## Biến động quốc gia - quốc tế đang làm mất ổn định giáo dục đại học

**Simon Marginson**

*Simon Marginson là Giáo sư về giáo dục đại học tại Đại học Bristol, Vương quốc Anh, Giáo sư danh dự tại Đại học Oxford, Vương quốc Anh và Giáo sư danh dự tại Đại học Thanh Hoa, Trung Quốc.*

*E-mail: [simon.marginson@education.ox.ac.uk](mailto:simon.marginson@education.ox.ac.uk).*

Giữa chủ nghĩa bản địa và sự phản kháng di cư ngày càng gia tăng trong chính trị phương Tây, cùng với xung đột địa chính trị giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc, bản sắc địa phương và quốc gia của các tổ chức giáo dục đại học Anh ngữ và châu Âu ngày càng căng thẳng với hoạt động toàn cầu và cam kết hợp tác xuyên biên giới dựa trên tự do học thuật.

Giáo dục đại học hoạt động trên nhiều quy mô địa lý. Các trường đại học có nguồn gốc từ các thành phố, khu vực và quốc gia. Chúng cũng mang tính chất quốc tế và toàn cầu. Hầu hết các chương trình nghị sự quốc gia và toàn cầu của các tổ chức giáo dục đại học đều có sự tương tác với nhau.

Tuy nhiên, tại những thời điểm, địa điểm cụ thể và trong bối cảnh địa chính trị toàn cầu, giáo dục đại học quốc gia và toàn cầu, tính chất quốc gia và toàn cầu trong giáo dục đại học có thể rơi vào trạng thái căng thẳng. Chúng ta hiện đang ở một trong những thời điểm đó.

Tính chất địa lý kép của giáo dục đại học rất quan trọng đối với bản sắc và tính tự chủ. Các trường đại học tiếp nhận ý nghĩa, nguồn lực và con người từ địa phương và quốc gia, đồng thời sứ mệnh toàn cầu của họ củng cố một bản sắc không bao giờ bị chi phối hoàn toàn bởi các cơ quan có thẩm quyền ràng buộc lãnh thổ. Các hình thức và nội dung về kiến thức mang tính phổ quát, đặc biệt là trong khoa học tự nhiên và khi những ý tưởng và con người không bị cản trở dễ dàng di chuyển qua biên giới. Điều này đã đúng từ lâu, từ các tu viện Phật giáo ở Bắc Ấn Độ từ năm 500 TCN đến năm 1200 CN, đến các trường

đại học châu Âu thời trung cổ và các trường madrasa học thuật Hồi giáo.

Giáo dục đại học chưa bao giờ được quốc tế hóa nhiều như khoảng thời gian 20 năm sau năm 1995, vốn được thúc đẩy bởi Internet, giá đi lại rẻ hơn và sự phát triển rộng rãi trong việc tham gia giáo dục, cơ sở hạ tầng đại học và khoa học nghiên cứu, và được tạo điều kiện thuận lợi bởi sự hỗ trợ rộng rãi của hầu hết các chính phủ quốc gia đối với các kết nối xuyên biên giới mở. Đó không phải là một quá trình quốc tế hóa công bằng hay bình đẳng - nó thường mang hình thức thực dân mới, do các quốc gia nói tiếng Anh thống trị và thúc đẩy tình trạng chảy máu chất xám và chuyển vốn từ Nam bán cầu sang Bắc bán cầu, nhưng sự cởi mở và hợp tác mang lại lợi ích toàn diện.

Tuy nhiên, trong khi sự tham gia và nghiên cứu tiếp tục tăng lên, ở hầu hết các nước Tây Âu - Mỹ, các điều kiện chính sách thuận lợi cho hoạt động xuyên biên giới đã biến mất. Sự đồng thuận về hội nhập toàn cầu cũng không còn. Tính đa cực trong kinh tế chính trị, khoa học và giáo dục đại học, đặc biệt là sự trỗi dậy của Trung Quốc, đã làm rung động những giả định của phương Tây về quyền tối cao tự nhiên. Trong một thế giới đang mất

kiểm soát, các nhà chiến lược người Mỹ hiện đánh giá rằng thương mại tự do giúp Trung Quốc và Nam bán cầu nhiều hơn là đất nước của họ. Các cộng đồng giai cấp công nhân phương Tây không được hưởng lợi gì từ toàn cầu hóa phản đối mọi sự cởi mở xuyên biên giới. Thương mại trơn tru đã nhường chỗ cho các cuộc chiến tranh thương mại và hợp tác đa phương về biến đổi khí hậu đang bị phá vỡ. Các trường đại học, được coi là thành trì của chủ nghĩa thế giới tự do, đang bị chỉ trích dữ dội ở một số quốc gia bao gồm cả Hoa Kỳ.

**Địa lý kép của giáo dục đại học rất quan trọng đối với bản sắc và quyền tự chủ. Các trường đại học thu hút ý nghĩa, nguồn lực và con người từ địa phương và quốc gia, đồng thời sứ mệnh toàn cầu của họ củng cố một bản sắc không bao giờ bị chi phối hoàn toàn bởi các nhà chức trách ràng buộc bởi lãnh thổ.**

Kể từ Brexit và cuộc bầu cử Trump đầu tiên vào năm 2016, phiên bản “máu và đất” đơn nhất theo chủ nghĩa bảo thủ dân túy về bản sắc dân tộc và sự phản kháng đối với di cư đã định hình lại nền chính trị phương Tây. Khi các đảng cực hữu mạnh lên trong các cuộc thăm dò và bầu cử, các đảng phái chính trị và chính phủ chính thống ngày càng nhường chỗ cho chủ nghĩa bản địa. Trong khi cơn thịnh nộ chống nhập cư chủ yếu nhắm vào người tị nạn, không phải sinh viên quốc tế, các chính phủ chịu áp lực cắt giảm người nhập cư và được các doanh nghiệp yêu cầu duy trì di cư kinh tế đang hạn chế và cắt giảm số lượng sinh viên quốc tế. Sinh viên là mục tiêu chính sách mềm. Động thái này đã làm giảm mạnh số lượng người nhập

cư vào Úc, Canada, Đan Mạch và Vương quốc Anh và đe dọa sẽ làm như vậy ở Hà Lan (chính phủ Trump cũng có thể đi theo). Các mục tiêu doanh thu quyền lực mềm đang suy giảm. Quyền lực cứng và an ninh hóa hiện quan trọng hơn.

Sự thay đổi nguy hiểm nhất đã được kích hoạt bởi bối cảnh địa chính trị Hoa Kỳ/Trung Quốc. Chính phủ Hoa Kỳ muốn làm chậm sự trỗi dậy của Trung Quốc bằng cách cắt giảm mạnh mẽ hợp tác trong các trường đại học, khoa học và công nghệ. Chiến lược này khó có thể thành công - nó thúc đẩy tính tự cung tự cấp ở Trung Quốc thay vì làm suy yếu khoa học của nước này - nhưng đã gây ra thiệt hại to lớn, làm giảm hợp tác khoa học cởi mở thành chủ nghĩa dân tộc công nghệ và chính trị an ninh quốc gia. Sáng kiến phân biệt đối xử với Trung Quốc năm 2018 tại Hoa Kỳ không dẫn đến bất kỳ vụ truy tố nào về tội "gián điệp", nhưng lại khiến hàng chục giảng viên người Mỹ, chủ yếu là người gốc Hoa, trở thành nạn nhân. Số lượng thị thực sinh viên và giảng viên cho công dân Trung Quốc nhập cảnh vào Hoa Kỳ đã giảm 2/3 kể từ năm 2015. Đã có những vụ quấy rối biên giới nghiêm trọng. Các Viện Khổng Tử trên khắp phương Tây đang đóng cửa và các hiệu trưởng trường đại học Hoa Kỳ không còn đến thăm Trung Quốc nữa. Hoạt động đồng sáng tạo giữa Trung Quốc và Hoa Kỳ đã đạt hiệu quả cao nhất trong khoa học thế giới, nhưng các dự án và bài báo chung hiện đang giảm mạnh.

Sự can thiệp mang tính cưỡng bức của các chính phủ quốc gia đặt ra thách thức hiện hữu đối với giáo dục đại học, đặc biệt là đối với các trường đại học nghiên cứu hàng đầu. Họ sẵn sàng hoạt động độc lập với chính phủ trong bối cảnh quốc tế đến mức nào để duy trì sứ mệnh toàn cầu của mình và các nguyên tắc cơ bản về quyền tự chủ của tổ chức và tự do học thuật?

## Chiến trường tri thức: Định hướng các yêu cầu an ninh trong học thuật toàn cầu

**Alma Maldonado-Maldonado**

*Alma Maldonado-Maldonado là Nhà nghiên cứu tại Phòng Nghiên cứu Giáo dục (Departamento de Investigaciones Educativas) thuộc Trung tâm Nghiên cứu và Đào tạo Tiên tiến (CINVESTAV) tại Thành phố Mexico, Mexico và là Biên tập viên blog giáo dục hàng tuần của tạp chí Nexos (<https://educacion.nexos.com.mx>).*

*Email: [almaldo2@gmail.com](mailto:almaldo2@gmail.com).*

Bài báo này khám phá mối tương tác giữa học thuật và địa chính trị, cho thấy các trường đại học đã trở thành chiến trường cho lợi ích an ninh quốc gia như thế nào. Bài báo vạch trần bốn khía cạnh: Những hạn chế quốc tế hóa do an ninh thúc đẩy, sức hấp dẫn của sự dịch chuyển nhân tài toàn cầu, gián điệp kỹ thuật số trong môi trường học thuật và chính trị hóa tri thức. Trong một thế giới cạnh tranh ngày càng gay gắt, bài báo đặt ra những câu hỏi cấp thiết về việc bảo vệ tự do học thuật giữa những khát vọng quốc gia đối đầu, trong bối cảnh giáo dục đại học đóng vai trò then chốt cho sự phát triển và đổi mới.

Giáo dục đại học gắn liền sâu sắc với các động lực địa chính trị và an ninh quốc gia, các trường đại học chịu ảnh hưởng của quốc tế, các vấn đề an ninh, chương trình nghị sự chính sách và lợi ích quốc gia. Các chủ đề liên quan trong lĩnh vực của chúng tôi bao gồm sinh viên quốc tế và an ninh quốc gia; hợp tác nghiên cứu và gián điệp; chủ nghĩa cực đoan và cực đoan trong khuôn viên trường; hợp tác khu vực; di cư của người có tay nghề cao; quyền lực mềm; chủ nghĩa độc tài và đàn áp trong khuôn viên trường và tác động toàn cầu của Trung Quốc. Ở bài này, tôi tập trung vào bốn chủ đề: quốc tế hóa và những khó khăn về an ninh; tính di động và an ninh của nhân tài; an ninh mạng và gián điệp kỹ thuật số trong các trường đại học; việc chính trị hóa và vũ khí hóa tri thức.

### Những khó khăn về quốc tế hóa và an ninh

Các sự kiện hiện nay xung quanh các cơ sở giáo dục đại học tại Hoa Kỳ cho thấy giáo dục đại học là một nơi diễn ra xung đột chính trị. Việc chính phủ ra lệnh cấm

tất cả các văn phòng liên quan đến sự đa dạng, công bằng và hòa nhập hợp tác với các cơ sở giáo dục đại học, việc cắt giảm ngân sách cho các dự án hợp tác quốc tế, việc hủy bỏ 83% các dự án hợp tác của USAID và việc ngừng cấp học bổng Fulbright mà không cần thông báo trước đều minh họa cho những cách thức mà giáo dục đại học có thể bị lợi dụng cho các mục đích địa chính trị.

Sau sự kiện 11 tháng 9 năm 2001, những lo ngại về động lực quốc tế hóa và trao đổi sinh viên dự kiến sẽ tiếp tục diễn ra về việc thu hút nhân tài quốc tế và hạn chế một số công dân trong nước du học hoặc học một số chuyên ngành nhất định. Chủ nghĩa dân tộc cũng ảnh hưởng đến mối quan hệ giữa các cơ sở giáo dục đại học và chính quyền quốc gia: Mức độ hoạch định chính sách mang tính dân tộc cao hơn trùng khớp với những nỗ lực ngày càng tăng của chính phủ nhằm kiểm soát hoạt động của giới học thuật và nghiên cứu.

Tuy nhiên, hiện tượng này không chỉ giới hạn trong bối cảnh nước Mỹ. Ba sự kiện



được ghi chép rõ ràng minh họa cho một động thái tương tự đang diễn ra ở những nơi khác trên thế giới: việc chuyển hoạt động của Đại học Trung Âu tại Hungary sang Vienna; chính phủ tiếp quản Đại học Tự trị Quốc gia Nicaragua, sự phá hủy dần dần các tổ chức như Trung tâm Nghiên cứu và Giảng dạy Kinh tế (CIDE trong tiếng Tây Ban Nha) ở Mexico.

**Trong một thế giới đầy căng thẳng địa chính trị và ngờ vực, nghiên cứu giáo dục đại học cần xem xét các cách thức để duy trì năng lực, tính cởi mở và hợp tác của giáo dục đại học. Điều này nên trở thành một phần quan trọng trong chương trình nghị sự về học thuật và an ninh quốc gia toàn cầu.**

#### Tính di động và an ninh nhân tài

Tính di động nhân tài là một lĩnh vực gây tranh cãi khác. Bên ngoài Liên minh Châu Âu, biên giới khu vực mở cho người di cư và sinh viên có tay nghề cao đã không tồn tại từ nhiều thập kỷ trước. Mặc dù Bắc Mỹ là khu vực đầu tiên ký kết hiệp định thương mại tự do, nhưng tính di động nhân tài đã bị loại trừ. Tuy nhiên, các quốc gia riêng lẻ đã ban hành các chính sách để thu hút nhân tài. Ví dụ, Úc, Canada, New Zealand, Vương quốc Anh và thậm chí cả Trung Quốc và Ấn Độ, từ lâu được biết đến là các quốc gia chủ yếu gửi người đã điều chỉnh chính sách di cư của họ để trở thành quốc gia tiếp nhận.

Cần có thêm nhiều nghiên cứu so sánh để hiểu rõ những thay đổi và mô hình chính sách, đồng thời đưa ra những giải thích lý thuyết đằng sau những thay đổi này. Chúng ta cần nghiên cứu các trường hợp như Mỹ Latinh, vốn không nằm trong bối cảnh trao đổi nhân tài toàn cầu, mặc dù đã có những nỗ lực tham gia. Mỹ Latinh hiện chỉ tiếp nhận khoảng 2,2% sinh viên quốc tế trên thế giới mỗi năm. Việc di chuyển ra khỏi khu vực này cũng đặt

ra những câu hỏi quan trọng. Hơn 50% người nhập cư có tay nghề cao từ Mỹ Latinh tại Hoa Kỳ làm những công việc không phù hợp với trình độ đào tạo của họ. Tương tự, Brazil và Mexico mỗi nước chỉ chiếm khoảng 0,5% đơn xin thị thực H-1B (thị thực dành cho người di cư có tay nghề cao) được chấp thuận tại Hoa Kỳ, một con số rất nhỏ so với các quốc gia khác như Ấn Độ (60%).

#### An ninh mạng và gián điệp kỹ thuật số trong các trường đại học

Một trong những thách thức chính đối với các trường đại học là tăng cường năng lực của họ trong khi vẫn duy trì tính cởi mở và hợp tác. Mối lo ngại về gián điệp và mất mát sở hữu trí tuệ dự kiến sẽ tiếp tục gia tăng ở nhiều quốc gia do các chính sách phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, cũng như kiểm soát dòng người di cư có tay nghề cao. Mối lo ngại về an ninh ảnh hưởng đến quan hệ với một số quốc gia, chẳng hạn như trường hợp của Trung Quốc tại Hoa Kỳ. Học giả thuộc một số quốc gia nhất định (ví dụ: Iran hoặc Nga) cũng phải đối mặt với những hạn chế về việc làm ở nhiều nơi trên thế giới.

#### Chính trị hóa và vũ khí hóa tri thức

Giáo dục đại học có thể đóng vai trò quan trọng trong việc tác động đến hệ tư tưởng, áp đặt chương trình nghị sự và đạt được lợi thế công nghệ. Một vấn đề quan trọng cần được đưa vào chương trình nghiên cứu là các cuộc thảo luận xoay quanh các chính sách nhằm duy trì độc lập trong khi cân bằng an ninh quốc gia và toàn cầu.

Các quốc gia sử dụng các tổ chức học thuật để phát huy quyền lực mềm, giành lợi thế công nghệ hoặc tấn công các kẻ thù tư tưởng. Ví dụ bao gồm các tình huống chính trị dưới thời chính phủ Jair Bolsonaro ở Brazil (2019-2022), với sự can thiệp tư tưởng vào việc lựa chọn hiệu trưởng đại học (chủ tịch); Evo Morales ở Bolivia (2006-2019), với việc gia tăng quyền kiểm

soát chính trị đối với hệ thống đại học công lập; và Nayib Bukele ở El Salvador (từ năm 2019 trở đi), với việc giám sát các học giả chỉ trích chính sách của chính phủ.

Mặc dù có sự khác biệt về mặt tư tưởng, nhưng tất cả các chế độ này đều coi các tổ chức giáo dục đại học là kẻ thù của chính phủ và sử dụng đòn bẩy tài chính để tác động đến các chính sách của tổ chức.

### Lời kết

Trong một thế giới đầy căng thẳng địa chính trị và ngờ vực, nghiên cứu giáo dục đại học cần xem xét các phương pháp để duy trì năng lực, tính cởi mở và hợp tác của giáo dục đại học. Điều này nên là một phần quan trọng trong chương trình nghị sự về an ninh quốc gia và học thuật toàn cầu.

## Các giá trị cơ bản tại ngã rẽ chính trị, chính sách và nghiên cứu

*Sjur Bergan*

*Sjur Bergan là Chuyên gia giáo dục độc lập và là Cựu Giám đốc Bộ phận giáo dục của Hội đồng châu Âu, Strasbourg, Pháp. Email: [sjur.bergan@gmail.com](mailto:sjur.bergan@gmail.com).*

Các giá trị cơ bản của giáo dục đại học đã trở thành chủ đề của các cuộc tranh luận chính trị, các biện pháp chính sách và sự chú ý ngày càng tăng của giới học thuật, phần lớn là do sự phản đối dân chủ hơn là do bất kỳ mối quan ngại nào về chất lượng. Bài viết này mô tả những diễn biến như vậy ở châu Âu và đề xuất các yếu tố có thể được đưa vào một chương trình nghiên cứu tăng cường có liên quan đến học thuật, cũng như chính trị và chính sách.

**T**rong 10-15 năm qua, các giá trị cơ bản của giáo dục đại học đã chuyển từ việc bị coi là hiển nhiên sang trở thành chủ đề của các cuộc tranh luận chính trị, các biện pháp chính sách và sự chú ý ngày càng tăng của giới học thuật. Những giá trị này hiện đang bị công kích ở một số quốc gia ở châu Âu và hơn thế

nữa. Do đó, một số tổ chức châu Âu đã chọn cách tái khẳng định tầm quan trọng của những giá trị cơ bản này đối với hoạt động của giáo dục đại học. Khi Belarus - một quốc gia có những hạn chế đáng kể về các giá trị dân chủ, bao gồm tự do học thuật, quyền tự chủ của tổ chức và quyền tự do tổ chức - nộp đơn xin gia nhập Khu

vực Giáo dục Đại học châu Âu (EHEA - European Higher Education Area) vào năm 2015, EHEA đã phản hồi bằng cách xây dựng một lộ trình với sự tham chiếu rõ ràng đến các giá trị cơ bản của giáo dục đại học để đi kèm với việc gia nhập của quốc gia này. Bản thân EHEA cũng đã thông qua một bộ giá trị được xác định và một sự hiểu biết chung, trong khi đó, trong Chiến lược châu Âu dành cho các trường Đại học, Ủy ban châu Âu đang xây dựng các nguyên tắc chỉ đạo cho các giá trị học thuật cơ bản.

Sự nổi bật trở lại của các giá trị cơ bản này gần như hoàn toàn xuất phát từ những lo ngại về làn sóng phản đối dân chủ ở châu Âu và các khu vực khác trên thế giới. Lập luận cho rằng các giá trị cơ bản cũng rất cần thiết để đảm bảo chất lượng giáo dục đại học và nghiên cứu đã ít được đề cập trong các cuộc tranh luận công khai. Các Tiêu chuẩn và Hướng dẫn về Đảm bảo Chất lượng trong EHEA (ESG - European Standards and Guidelines) không đề cập đến các giá trị và các đề xuất sửa đổi tiêu chuẩn này, bao gồm việc xem xét các giá trị đã bị các bên đảm bảo chất lượng ở châu Âu tiếp nhận với thái độ hoài nghi. Nhiệm vụ do hội nghị bộ trưởng Tirana giao về việc xem xét ESG cũng không đề cập đến các giá trị cơ bản mặc dù Thông cáo nêu rõ rằng “giáo dục đại học chỉ có thể phát triển đầy đủ sứ mệnh của mình khi các giá trị cơ bản của nó được tôn trọng”.

Mối liên hệ chặt chẽ giữa các giá trị cơ bản và chính sách đặt ra một số thách thức đối với nghiên cứu, vốn phần lớn được thực hiện dựa trên giả định rằng dân chủ - cũng là các giá trị cơ bản của giáo dục đại học - là điều đáng mong muốn. Những thách thức đối với các giá trị này, và có lẽ đặc biệt là đối với tự do học thuật và quyền tự chủ của các tổ chức, hầu như chỉ đến từ bên ngoài giới học thuật, ngay cả khi hành động và lập luận của một số thành viên trong cộng

đồng học thuật cung cấp lý lẽ bào chữa cho phe cánh hữu dân túy, đặc biệt là với những cáo buộc về “sự thức tỉnh” và chủ nghĩa bài Do Thái.

**Cuối cùng, câu hỏi then chốt cho cả nghiên cứu và phát triển chính sách có thể là: Những điều kiện và biện pháp nào đặc biệt quan trọng để đảm bảo giáo dục đại học và nghiên cứu đóng góp vào loại xã hội mà chúng ta mong muốn sống, đặc trưng bởi dân chủ, hòa nhập và chất lượng? Câu trả lời cho câu hỏi này chỉ có thể được tìm thấy thông qua nghiên cứu và suy ngẫm liên tục.**

### **Hướng tới một chương trình nghị sự nghiên cứu**

Trước những phong trào chính trị đặt câu hỏi về giá trị và sự phù hợp của kiến thức học thuật, nhu cầu tăng cường nghiên cứu xung quanh các giá trị cơ bản trở nên quan trọng hơn bao giờ hết. Mặc dù đã có nhiều nghiên cứu sâu rộng về tình trạng tự do học thuật và quyền tự chủ của các tổ chức, các nhà nghiên cứu lại ít tập trung vào các giá trị cơ bản khác.

Do đó, việc tìm hiểu tính chính trực trong học thuật, sự tham gia của sinh viên và giảng viên vào quản trị giáo dục đại học, cũng như trách nhiệm công đối với giáo dục đại học và của giáo dục đại học nên là một phần quan trọng của chương trình nghiên cứu. Cuối cùng, cần nghiên cứu về cách thức tương tác giữa các giá trị này. Liệu chúng có hỗ trợ lẫn nhau hay có mâu thuẫn thực sự hoặc tiềm ẩn giữa chúng? Liệu một cơ sở giáo dục hoặc hệ thống giáo dục đại học có thể tôn trọng các giá trị cơ bản bằng cách thực hiện một số giá trị trong khi bỏ qua những giá trị khác hay không?

Ở châu Âu, khía cạnh chủ đạo của quyền tự chủ thể chế và ở một mức độ nào đó là các giá trị khác, chính là mối quan hệ pháp lý giữa các cơ quan công quyền và cộng đồng học thuật. Cần có nghiên cứu để phát triển sự hiểu biết sâu sắc hơn về các giá trị cơ bản cũng như vai trò và mối quan hệ phù hợp giữa các cơ quan công quyền và các tổ chức giáo dục đại học. Việc thiếu nghiên cứu về vai trò của các giá trị cơ bản trong việc nâng cao chất lượng khiến cộng đồng học thuật thiếu những lập luận có thể thuyết phục những người ít tiếp thu các lập luận về dân chủ. Nghiên cứu như vậy có thể giải quyết các câu hỏi như: Liệu các giá trị cơ bản có nâng cao chất lượng giáo dục đại học và nghiên cứu không? Nếu có, thì cần những biện pháp chính sách nào và như thế nào?

Việc đánh giá mức độ hiện thực hóa các giá trị cơ bản không phải là một nhiệm vụ dễ dàng và là một thách thức nghiên cứu rõ ràng mà EHEA đã bắt đầu thực hiện, nhưng điều đó vẫn đòi hỏi phải tăng cường nghiên cứu trong những năm tới, bao gồm cả ở các khu vực khác trên thế giới ngoài châu Âu.

Cuối cùng, câu hỏi then chốt cho cả nghiên cứu và phát triển chính sách có thể là: Những điều kiện và biện pháp nào đặc biệt quan trọng để đảm bảo giáo dục đại học và nghiên cứu đóng góp vào loại xã hội mà chúng ta mong muốn, được đặc trưng bởi dân chủ, hòa nhập và chất lượng? Câu trả lời cho câu hỏi này chỉ có thể được tìm thấy thông qua nghiên cứu và suy ngẫm bền bỉ.



## Tự do học thuật ở ngã ba đường

**Daniela Craciun**

*Daniela Craciun là Trợ lý Giáo sư về chính sách giáo dục đại học tại Trung tâm Nghiên cứu Chính sách Giáo dục Đại học, Đại học Twente, Hà Lan.*

*Email: d.craciun@utwente.nl.*

Công trình này được hỗ trợ bởi khoản tài trợ khởi đầu từ Bộ Giáo dục, Văn hóa và Khoa học Hà Lan.

Tự do học thuật đang bị xói mòn, không chỉ trong bối cảnh độc tài mà còn trong bối cảnh dân chủ. Những thách thức mới nảy sinh từ căng thẳng địa chính trị và sự thay đổi hệ tư tưởng chính trị đang đe dọa tự do học thuật. Sự trỗi dậy của "các trường đại học bay" (flying universities) như những phản ứng sáng tạo của thể chế trước những thách thức này đã thu hút sự chú ý đến nhu cầu phối hợp chính sách giữa các chủ thể và bối cảnh. Nghiên cứu liên khu vực và liên ngành là rất cần thiết.

Trong 30 năm qua, câu nói nổi tiếng của bộ phim Forrest Gump năm 1995 - "Cuộc sống giống như một hộp sôcôla, bạn không bao giờ biết mình sẽ nhận được gì" - đã được chứng minh là đúng trên nhiều phương diện. Đối với giáo dục đại học, giai đoạn này đã mang lại những chuyển đổi sâu sắc, đặc biệt là sự mở rộng hợp tác quốc tế và tính di động của sinh viên, cùng với sự gia tăng tự do học thuật và quyền tự chủ của các trường đại học. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, những xu hướng này ngày càng bị đặt câu hỏi, thách thức và thậm chí bị phá bỏ, khi căng thẳng địa chính trị, chính sách dân tộc chủ nghĩa và sự chuyển dịch hệ tư tưởng sang chủ nghĩa dân túy, dân chủ phi tự do và chế độ chuyên quyền đang định hình lại bối cảnh giáo dục đại học toàn cầu. Theo nhiều cách, những diễn biến này đã khiến giáo dục đại học gặp bất ngờ.

Tự do học thuật - tức là quyền tự do của giảng viên và sinh viên trong việc nghiên cứu, giảng dạy, học tập và phổ biến kiến thức trong và ngoài lĩnh vực giáo dục đại học là một ví dụ. Trong những năm gần đây, chúng ta đã chứng kiến sự xói mòn tự do học thuật trên toàn cầu, ngay cả trong các nền dân chủ. Chỉ số Tự do Học thuật, một chỉ số theo dõi tình trạng toàn cầu của

giá trị học thuật cơ bản này, cho thấy một xu hướng đáng lo ngại: trong thập kỷ qua, tự do học thuật đã suy giảm ở 22 quốc gia, đại diện cho hơn một nửa dân số toàn cầu, bao gồm các nền dân chủ lớn như Brazil, Ấn Độ, Vương quốc Anh và Hoa Kỳ. Báo cáo Giám sát Tự do Học thuật của Nghị viện châu Âu cũng ghi nhận mức độ tự do học thuật trên thực tế và trên lý thuyết đang giảm dần ở nhiều quốc gia thành viên Liên minh châu Âu.

Các mối đe dọa đối với tự do học thuật đến từ nhiều nguồn khác nhau, bao gồm chính phủ, lãnh đạo các tổ chức, xã hội dân sự và các tác nhân tư nhân. Những mối đe dọa này làm suy yếu cả "tự do tiêu cực" - các rào cản bên ngoài đối với nghiên cứu học thuật và "tự do tích cực", hàm ý các điều kiện cho phép tự do khám phá trí tuệ, chẳng hạn như quyền tự chủ của tổ chức hoặc các điều kiện làm việc và tài chính đầy đủ. Trong khi theo truyền thống, những người bảo vệ quyền tự do học thuật là những người đầu tiên bị tấn công thì ngày nay, các mối đe dọa đối với việc thúc đẩy quyền tự do học thuật cũng có thể nguy hiểm không kém.

### Đại học bay (flying universities)

Bên cạnh những thách thức trong nước, các cuộc khủng hoảng địa chính trị đang

đặt ra những mối đe dọa mới đối với tự do học thuật. Những diễn biến này cùng nhau đã mang đến những thách thức hiện hữu cho các trường đại học và thúc đẩy các tổ chức, nhân viên và sinh viên vượt qua biên giới.

Do đó, sự trở lại của "đại học bay", một khái niệm bắt nguồn từ Ba Lan thế kỷ XIX, nơi chúng được tạo ra để cung cấp một không gian giáo dục độc lập thay thế, không bị trả đũa chính trị. Những trường đại học này "bay" từ nơi này sang nơi khác để tránh bị phát hiện và đó chính là lý do chúng có tên gọi như vậy. Ngày nay, "đại học bay" có nhiều hình thức: đại học lưu vong (ví dụ European Humanities University), đại học vô hình (ví dụ Off University, Spring University Myanmar, Invisible University for Ukraine), các sáng kiến giáo dục cho người tị nạn (ví dụ OLIVE - Sáng kiến Học tập Mở Open Learning Initiative) và đại học bay xuyên biên giới (ví dụ Central European University). Những tổ chức này không chỉ nổi lên như những nơi trú ẩn an toàn cho việc học mà còn là trung tâm của sự phản kháng, tạo nền tảng cho tư duy phản biện, tự do học thuật và sự tiếp nối sứ mệnh của giáo dục đại học. Mặc dù mang tính cực đoan, sự trở lại của các trường đại học bay cho thấy nhu cầu về những phản ứng phi truyền thống của thể chế đối với áp lực độc tài và căng thẳng địa chính trị.

**Sự trở lại của "các trường đại học bay" cho thấy nhu cầu về những phản ứng phi truyền thống của thể chế đối với áp lực độc tài và căng thẳng địa chính trị.**

Ở cấp độ chính sách, chúng ta cũng đã chứng kiến một số sáng kiến nhằm bảo vệ và thúc đẩy tự do học thuật. Hãy xem xét các sáng kiến chính sách gần đây ở châu Âu, nơi mức độ tự do học thuật nhìn chung vẫn còn tương đối cao so với các khu vực khác trên thế giới. Trong khu vực giáo dục đại học châu Âu, Tiến trình Bologna để xuất các định nghĩa chung về các giá trị

cơ bản trong giáo dục đại học, bao gồm tự do học thuật và đang xây dựng một khuôn khổ giám sát để đảm bảo các quốc gia thành viên tôn trọng các cam kết của mình. Ủy ban châu Âu tìm cách thúc đẩy sự tôn trọng tự do học thuật để ứng phó với sự thoái trào dân chủ bằng cách đề xuất một bộ nguyên tắc chỉ đạo cho nghiên cứu khoa học. Nghị viện châu Âu đưa ra một báo cáo giám sát tự do học thuật hàng năm và tìm cách thiết lập các biện pháp bảo vệ có thể thực thi ở cấp độ Liên minh châu Âu. Hội đồng châu Âu đã khởi động dự án "Tự do Học thuật trong Hành động" để nhấn mạnh vai trò thiết yếu của giáo dục đại học trong việc hỗ trợ các giá trị và thể chế dân chủ. Thách thức nằm ở việc phối hợp các sáng kiến này để tránh những nỗ lực trùng lặp, thúc đẩy sự phối hợp giữa các chính sách, đảm bảo thực hiện trên thực tế và theo dõi sự phát triển.

### **Đoàn kết học thuật**

Việc hiểu rõ các mối đe dọa mới và tác động rộng hơn của sự xói mòn tự do học thuật là rất quan trọng đối với hành động chính sách hiệu quả. Mặc dù nghiên cứu về chủ đề này đã được mở rộng, nhưng cần có một cuộc khảo sát so sánh toàn diện giữa các khu vực và ngành học để xác định những điểm chung và khác biệt trong cách thức định hình, tranh luận và bảo vệ tự do học thuật trong các bối cảnh xã hội chính trị và thể chế khác nhau. Việc tiếp tục phát triển các công cụ phương pháp luận để đo lường và giám sát tự do học thuật trong các bối cảnh khác nhau nên là một phần của nỗ lực này. Sự trở lại của "các trường đại học bay" cũng mang đến một nền tảng màu mỡ để nghiên cứu các mô hình thay thế về sự phản kháng của thể chế và vai trò của đoàn kết học thuật trong thời kỳ căng thẳng địa chính trị. Mặc dù xu hướng dân tộc chủ nghĩa dẫn đến phi quốc tế hóa và hạn chế tính di động, nhưng các mối đe dọa đối với tự do học thuật vẫn lan rộng qua biên giới, làm nổi bật mức độ liên kết giữa các thách thức mà các tổ chức học thuật trên toàn thế giới phải đối mặt.

# Trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và vai trò của trường đại học

**Rajani Naidoo**

*Rajani Naidoo là Giáo sư về Giáo dục đại học và thay đổi xã hội, đồng thời là Phó Chủ tịch kiêm Phó Hiệu trưởng phụ trách con người và văn hóa tại Đại học Exeter, Vương quốc Anh. Bà giữ chức UNESCO Chair và Giáo sư thỉnh giảng tại Đại học Bath, Vương quốc Anh và Đại học Nelson Mandela, Port Elizabeth, Nam Phi.*

*Email: R.Naidoo@exeter.ac.uk.*

Trí tuệ nhân tạo (AI) và dữ liệu lớn đang chuyển đổi nền kinh tế, xã hội và các tổ chức giáo dục đại học, làm dấy lên những lo ngại quan trọng đối với nền dân chủ, quyền tự chủ về trí tuệ và quyền công dân toàn cầu. Mặc dù AI mang lại những lợi ích to lớn, nhưng nó cũng được giới tinh hoa công nghệ lợi dụng để củng cố quyền lực, làm xói mòn các quy định và hành động chống lại lợi ích toàn cầu. Bài viết này thảo luận về các khía cạnh chính này và phác thảo một số hướng nghiên cứu quan trọng, bao gồm việc ưu tiên nghiên cứu liên ngành về cách quyền lực chính trị và kinh tế có thể tận dụng công nghệ để khai thác hoặc ngăn chặn việc triển khai AI vì lợi ích của con người và hành tinh.

Những tiến bộ ngày càng tăng trong công nghệ, bao gồm trí tuệ nhân tạo (AI) và dữ liệu lớn, đang định hình lại nền kinh tế, xã hội và các tổ chức giáo dục đại học toàn cầu, với những tác động đáng kể đến nền dân chủ, tư duy phản biện và quyền công dân. AI đóng vai trò gì trong xã hội, và trong bối cảnh đó, những trách nhiệm lớn hơn nào đặt ra cho các trường đại học? Công nghệ mới đã mang lại những lợi ích cũng như những nguy cơ không thể tưởng tượng nổi. Ở đây, tôi tập trung vào những mối nguy hiểm và làm nổi bật các hướng đi cho nghiên cứu dựa trên thực tiễn của các trường đại học.

## AI, quyền lực và sự xói mòn dân chủ

Công nghệ tiên tiến được mô tả là trung lập về mặt chính trị, nâng cao sự tiện lợi và năng suất, đồng thời tạo ra một thế giới tốt đẹp hơn. Tuy nhiên, Julie Cohen đã nhấn mạnh cách các tập đoàn công nghệ khai thác sự giàu có tốt bậc và khoa học công nghệ để áp đặt tầm nhìn của họ lên tương lai chung của chúng ta. Công nghệ được định vị về mặt tư tưởng là nguồn gốc chính của tiến bộ, và các quy định luật lệ bị coi là kẻ thù của đổi mới. Ngoài ra, các nhà lãnh đạo chính trị như Donald Trump và những gã khổng lồ công

nghệ như Elon Musk tham gia vào các hành động phối hợp để thách thức các thể chế dân chủ, làm xói mòn nhân quyền và củng cố sự phân biệt đối xử với phụ nữ, người da màu và cộng đồng LGBTQ+. Thông qua hành động của mình, họ đang mở đường cho một chính phủ và xã hội dân sự thu hẹp, đồng thời tạo điều kiện cho việc chuyển giao quyền lực chính trị và kinh tế cho giới tinh hoa công nghệ, những kẻ muốn định hình xã hội vì lợi ích riêng của họ.

Các trường đại học, với tư cách là những tổ chức chuyên tâm vào tri thức, nghiên cứu phản biện và lợi ích công cộng, có thể đóng một vai trò quan trọng bằng cách ưu tiên nghiên cứu liên ngành về cách thức quyền lực chính trị, kinh tế và công nghệ phối hợp với nhau để khai thác hoặc ngăn chặn việc triển khai AI vì lợi ích toàn cầu. Việc Hoa Kỳ và Vương quốc Anh từ chối ký kết tuyên bố hội nghị thượng đỉnh AI Paris năm 2025, tập trung vào tính bền vững, nhân quyền, tính bao trùm và tương lai của việc làm cho thấy chúng ta cần sự sáng tạo trong việc đảm bảo không gian cho đổi mới trong các nghiên cứu do doanh nghiệp và chính phủ tài trợ để hỗ trợ tương lai của con người và hành tinh của chúng ta.

**Do đó, còn lại những câu hỏi lớn cho nghiên cứu: Tư duy là gì, ý thức là gì và con người có nghĩa là gì?**

### **Con dao hai lưỡi của AI trong giáo dục**

Việc đưa AI vào cuộc sống của người học thông qua việc học tập cá nhân hóa, hỗ trợ người khuyết tật và truy cập từ xa cho những người ở các quốc gia đang chìm trong xung đột - đang trao quyền và đóng góp vào lợi ích chung. Tuy nhiên, điều này cũng đặt ra những câu hỏi xung quanh mục tiêu của các trường đại học trong việc nuôi dưỡng sự đồng cảm và hỗ trợ sinh viên tham gia đối thoại để xây dựng xã hội dân chủ. Các nền tảng kỹ thuật số đang lợi dụng ngôn ngữ của dân chủ hóa, trong khi các thuật toán AI dự đoán mạnh mẽ lại thúc đẩy các công cụ để xuất, làm gia tăng sự chia rẽ chính trị. Ngoài ra, các nền tảng kỹ thuật số còn làm gia tăng khả năng tập trung ngắn hạn, khuyến khích sự hài lòng tức thì và cung cấp giao diện mượt mà giữa con người và máy móc để loại bỏ sự khó chịu. Nguy hiểm là sinh viên không được khuyến khích nỗ lực bền bỉ cho các nhiệm vụ phức tạp, cũng như không được trang bị để đánh giá các ý tưởng xung đột và giải quyết xung đột. Mặc dù thực tế ảo hứa hẹn cho phép sinh viên đặt mình vào vị trí của người khác để tạo điều kiện cho sự hiểu biết và đồng cảm, nhưng vẫn chưa rõ, như Yuval Noah Harari đã gợi ý, liệu mô phỏng và bắt chước nhân tạo như vậy có thực sự thúc đẩy những khuynh hướng này hay không. Cần có nghiên cứu về phương pháp sư phạm vượt ra ngoài việc dạy sinh viên về sự thiên vị thuật toán và giúp họ thực sự hiểu được tiềm năng và giới hạn của công nghệ. Điều quan trọng nữa là phải nghiên cứu cách cân bằng giữa sự phấn khích về những gì khả thi về mặt kỹ thuật với những câu hỏi đạo đức về những gì xã hội mong muốn. Cách chúng ta dạy các kỹ năng AI tạo sinh để nâng cao thay vì làm suy yếu các kỹ năng của con người và sự tương tác giữa kỹ thuật số và con người trong việc trang bị cho học sinh khả năng nắm bắt các giá trị

dân chủ và quyền công dân toàn cầu, là nền tảng cho cam kết của các thế hệ tương lai đối với công nghệ lấy con người làm trung tâm.

### **AI trong nghiên cứu khoa học: Lợi ích hay mối đe dọa cho quyền tự chủ trí tuệ?**

Các công nghệ mới như AI và dữ liệu lớn rõ ràng đã nâng cao hoạt động nghiên cứu trong giới đại học. Tại Đại học Exeter, để án Can thiệp Khí hậu Có trách nhiệm của chúng tôi kết hợp học máy và kinh tế môi trường để tối đa hóa việc cô lập carbon và hiện thực hóa lợi ích đồng thời của đa dạng sinh học và giảm thiểu rủi ro lũ lụt. Các nhà khoa học từ Đại học McMaster (Canada) và MIT (Hoa Kỳ) đã sử dụng AI để khám phá ra một loại kháng sinh mới trong một khoảng thời gian rất ngắn để điều trị một siêu vi khuẩn chết người. Tuy nhiên, niềm tin mù quáng và sự phụ thuộc quá mức vào công nghệ dẫn đến mất quyền tự chủ trí tuệ và ảo tưởng về sự lựa chọn. AI hoạt động như một nhà tiên tri, với dữ liệu lớn và công nghệ mang lại cho nó thẩm quyền không thể tranh cãi và vẻ ngoài trung lập. Như Shannon Vallor lập luận, mối nguy hiểm nằm ở chỗ các quyết định về tương lai của nhân loại sẽ dựa trên những khuôn mẫu đã được khắc sâu trong dữ liệu được ghi lại của chúng ta, mà những dữ liệu này lại dựa trên các giá trị của các nhà tài phiệt công nghệ, những người có quyền lực và nguồn lực để định hình thế giới của chúng ta, một thế giới đang hướng tới một thảm họa xã hội và khí hậu.

Cuối cùng, AI đặt ra những câu hỏi xoay quanh bản chất con người. Sự thống trị của AI đã thu hẹp tổng thể con người thành vô số điểm dữ liệu làm đầu vào cho máy móc. Đồng thời, AI lại được gán cho các thuộc tính của con người với những nhãn hiệu như "phi công phụ". Neil Postman cảnh báo rằng một nền văn hóa tìm kiếm sự ủy quyền của nó trong công nghệ sẽ khiến chúng ta tin rằng chúng ta ở trạng thái tốt nhất khi hành động như máy móc. Do đó, chúng ta còn lại những câu hỏi lớn cho nghiên cứu: Tư duy là gì, ý thức là gì và làm người nghĩa là gì?



# Kinh tế chính trị của dữ liệu hóa và nền tảng hóa: Chuyển đổi số trong giáo dục đại học

**Janja Komljenovic và Ben Williamson**

Janja Komljenovic là Giảng viên cao cấp tại University of Edinburgh, Vương quốc Anh.  
E-mail: j.komljenovic@ed.ac.uk.

Ben Williamson là Giảng viên cao cấp University of Edinburgh, Vương quốc Anh.  
E-mail: Ben.Williamson@ed.ac.uk.

Các nền tảng, dữ liệu và trí tuệ nhân tạo (AI) đang tác động đến hệ thống giáo dục đại học và các trường đại học trên toàn thế giới. Chúng đặt ra những thách thức như khiến các cơ sở bị ràng buộc vào công nghệ của các tập đoàn, thương mại hóa dữ liệu và can thiệp vào quản trị học thuật. Cần có các nghiên cứu trong tương lai để kiểm tra các tác động cụ thể của nền tảng, dữ liệu và AI trong các bối cảnh cụ thể, cũng như để hiểu rõ nền tảng chính trị - kinh tế của chúng và tác động tương lai đối với giáo dục quốc tế và các thành phần liên quan. Bài viết này xem xét một số thách thức quan trọng trong số đó.

## Nền tảng hóa (Platformization)

Các hệ thống giáo dục đại học trên toàn thế giới đã phát triển các hệ sinh thái số. Điều này bao gồm cơ sở hạ tầng kỹ thuật số, thường được cung cấp bởi các tập đoàn công nghệ lớn như Microsoft, Google và Amazon và được tổ chức thông qua các dịch vụ đám mây. Các giải pháp quản trị đại học, như hệ thống quản lý sinh viên, nhân sự hoặc dịch vụ quản lý khách hàng, được cung cấp bởi các công ty công nghệ giáo dục (EdTech) lâu đời và ở một số nơi đang được thay thế hoặc chuyển sang các nhà cung cấp đám mây. Vô số sản phẩm và dịch vụ EdTech chuyên biệt được cung cấp qua các nền tảng kỹ thuật số, chẳng hạn như môi trường học tập ảo, thư viện số và các công cụ kiểm tra đạo văn; chúng hỗ trợ cho giảng dạy và học tập, nghiên cứu và quản lý tổ chức. Nhiều nhà bình luận gọi sự chuyển đổi sâu sắc này là quá trình "nền tảng hóa" của các trường đại học.

Các trường đại học đầu tư rất nhiều công sức và nguồn lực để khiến các hạ tầng và nền tảng kỹ thuật số này có thể tương tác với nhau, đồng thời cho phép luồng dữ liệu kỹ thuật số lưu chuyển trong và

ngoài tổ chức. Các ý tưởng về giá trị của dữ liệu thúc đẩy các tưởng tượng về một trường đại học được chuyển đổi số toàn diện. Trường đại học đã được "nền tảng hóa" được cho là sẽ hưởng lợi từ hiệu quả tổ chức, tự động hóa các quy trình, cá nhân hóa học tập, phân tích dữ liệu học tập và kinh doanh, cũng như mở rộng phạm vi tiếp cận đến nhiều đối tượng hơn thông qua các hình thức kỹ thuật số như chứng chỉ vi mô (micro credentials), văn bằng dưới dạng tích lũy tín chỉ (stackable degrees), các khóa học ngắn hạn chuyên sâu (boot camps) và các hình thức tương tự.

## Dữ liệu hóa (Datafication)

Một trường đại học được chuyển đổi số và vận hành theo mô hình nền tảng sẽ cần đến dữ liệu. Điều này bao gồm việc kết hợp dữ liệu hành chính - do các trường thu thập từ sinh viên, cán bộ và các tổ chức khác - với dữ liệu người dùng số, được thu thập từ các nền tảng kỹ thuật số khi sinh viên và giảng viên tương tác với các ứng dụng và phần mềm khác nhau. Các trường đại học đang xây dựng "Trung tâm dữ liệu" (data lakes) để thu thập, tổng hợp, làm sạch, xử lý và tạo ra các đầu ra

dữ liệu khác nhau nhằm phục vụ các mục tiêu của mình. Ở cấp quốc gia, nhiều cơ quan giáo dục đại học đã tạo ra các hệ thống dữ liệu giáo dục đại học cấp quốc gia hoặc quốc tế để theo dõi chất lượng giáo dục, hỗ trợ quản lý kỹ năng tương lai và hỗ trợ hoạch định chính sách. Ở cấp độ thị trường giáo dục đại học, các công ty EdTech tổng hợp dữ liệu sinh viên và giảng viên để đổi mới sản phẩm và dịch vụ, hoặc cung cấp các phân tích và chỉ số dữ liệu, dựa trên mô hình kinh doanh và chiến lược thương mại hóa dữ liệu của họ. Vì vậy, giáo dục đại học đang bị chi phối bởi quá trình "dữ liệu hoá" - một động lực biến các hoạt động, hành vi và quy trình thành dữ liệu để phân tích và sử dụng.

**Các ràng buộc hợp đồng này cho phép các tập đoàn kiểm soát luồng dữ liệu, thiết lập các điều khoản sử dụng, và triển khai các tính năng AI mới - hầu hết đều không có sự minh bạch và giám sát công khai.**

Ngày càng xuất hiện nhiều cách mới để xác định giá trị của dữ liệu. Các nhà xuất bản học thuật gần đây đã ký thỏa thuận với các công ty AI toàn cầu để cung cấp nội dung học thuật phục vụ huấn luyện các mô hình ngôn ngữ lớn (LLM). Những hợp đồng này mang lại hàng triệu đô la cho các nhà xuất bản, trong khi các công ty AI thu được giá trị từ việc tiếp cận nội dung chuẩn hóa, chất lượng cao nhằm cải thiện hiệu suất AI và cung cấp dịch vụ mới. Điều này đặt ra các mối đe dọa nghiêm trọng đối với nghiên cứu học thuật, giảng dạy và việc học của sinh viên, khi các dịch vụ "nghiên cứu" tự động được cung cấp có thể tổng hợp tài liệu nghiên cứu, tạo ra tóm tắt và thậm chí sản xuất bài viết học thuật "gốc" hoặc ra các bài tập. Cả các công ty công nghệ lớn và EdTech đều hình dung AI sẽ được tích hợp liền mạch vào mọi hoạt động của trường đại học.

### Tác động

Quá trình nền tảng hóa, dữ liệu hoá và AI đang tạo ra những ảnh hưởng sâu rộng đến toàn bộ lĩnh vực giáo dục đại học, bao gồm các hoạt động cốt lõi cũng như sinh viên và cán bộ. Quá trình chuyển đổi số trong lĩnh vực này gắn liền với những thay đổi trong cơ chế quản trị, khi sinh viên và giảng viên buộc phải chấp nhận các điều khoản sử dụng do các nền tảng EdTech đưa ra, còn các trường đại học thì ký kết các hợp đồng dài hạn với nhà cung cấp - thường không được công khai cho các bên liên quan hoặc xã hội, do được phân loại là thông tin nhạy cảm về mặt thương mại. Các ràng buộc hợp đồng này cho phép các tập đoàn kiểm soát luồng dữ liệu, thiết lập các điều khoản sử dụng, và triển khai các tính năng AI mới - hầu hết đều không có sự minh bạch và giám sát công khai. Tổng thể, động lực này đại diện cho một quá trình tư nhân hóa mang tính cấu trúc trong lĩnh vực giáo dục, vốn bị chi phối bởi công nghệ độc quyền và được điều chỉnh thông qua hợp đồng và luật sở hữu. Trong khi các trường đại học phải đối mặt với sự ràng buộc về pháp lý, công nghệ và kinh tế, thì từng cá nhân giảng viên và sinh viên lại đối mặt với những thách thức riêng trong việc đảm bảo quyền giáo dục và quyền xã hội của họ, với ít cơ hội hơn để hành động tập thể.

### Nghiên cứu tương lai

Các nền tảng, dữ liệu và AI trong giáo dục quốc tế đòi hỏi những nghiên cứu chuyên biệt để tìm hiểu các tác động trong bối cảnh cụ thể cũng như nền tảng chính trị - kinh tế đằng sau chúng. Các nghiên cứu theo bối cảnh cần xem xét cách các nền tảng và AI đang được tích hợp vào thực tiễn giáo dục hiện tại như thế nào, theo cách phản ánh điều kiện chính trị và kinh tế nơi chúng được áp dụng. Ví dụ: AI được triển khai như thế nào trong các tổ chức giáo dục bị ảnh hưởng bởi các cuộc tấn công mang động cơ chính trị vào tự do học thuật hoặc các chính sách về đa dạng và hòa nhập? Dữ liệu lớn nào đang

được sử dụng để hỗ trợ việc ra quyết định trong các tổ chức, đặc biệt là ở những nơi đang chịu áp lực tài chính và yêu cầu hiệu quả cao?

Các nghiên cứu về chính trị - kinh tế của dữ liệu lớn và AI trong giáo dục quốc tế cũng cần làm rõ hơn cách thức thương mại hóa dữ liệu qua nền tảng, việc khai thác giá trị thông qua hợp đồng hạ tầng, các động lực chính trị - kinh tế đằng sau

AI và cách mà các hợp đồng đăng ký dài hạn có thể "khóa chặt" các tổ chức vào những thỏa thuận phục vụ lợi ích tư nhân thay vì cộng đồng. Ở cấp độ cá nhân, đối với sinh viên và giới học thuật, cần hiểu rõ cách họ lý giải và đối phó với các cơ chế quản trị giáo dục đại học mới thông qua hợp đồng và điều khoản sử dụng, cũng như ảnh hưởng của chúng đến quyền tự chủ và năng lực hành động học thuật.

## Dữ liệu lớn và nghiên cứu về nghề nghiệp học thuật: Hướng tới một chương trình nghiên cứu mới

**Marek Kwiek**

*Marek Kwiek là Giáo sư và Chủ tịch UNESCO về Nghiên cứu thể chế và Chính sách Giáo dục Đại học tại University of Poznan, Ba Lan. E mail: marek.kwiek@amu.edu.pl.*

Từ khóa cho tương lai của nghiên cứu về nghề nghiệp học thuật là tính bổ trợ. Những hiểu biết từ các khảo sát, dù quy mô lớn hay nhỏ, về bản chất khác biệt so với những gì thu được từ phỏng vấn - nhưng khi được kết hợp, chúng có thể thúc đẩy sự phát triển của lĩnh vực này cả về mặt lý thuyết lẫn thực nghiệm. Do đó, dữ liệu lớn nên đóng vai trò bổ trợ cho khảo sát và phỏng vấn, trong khi các phân tích ở cấp độ vĩ mô cũng cần đi đôi với các nghiên cứu ở cấp độ vi mô.

Tác động của quá trình ngày càng tăng của toàn cầu hóa và số hóa trong khoa học đối với lĩnh vực nghiên cứu giáo dục đại học là rất lớn. Cách tiếp cận như cũ - trong bối cảnh có nhiều cơ hội mới và các lĩnh vực cạnh tranh đang theo đuổi những chương trình nghiên cứu tương tự sẽ làm giảm sức hấp dẫn của lĩnh vực này đối với cộng đồng học thuật và hoạch định chính sách. Việc dữ liệu số về các hoạt động

học thuật ngày càng sẵn có sẽ tạo ra ảnh hưởng mạnh mẽ đối với lĩnh vực nghiên cứu này.

### Sự trỗi dậy của khoa học dữ liệu

Các nhà khoa học xã hội truyền thống hiện đang phải cạnh tranh với các nhà khoa học dữ liệu và các nhà khoa học xã hội tính toán - những người ngày càng tập trung vào các vấn đề vốn đã được nghiên

cứu từ lâu trong lĩnh vực giáo dục đại học. Để duy trì tính cạnh tranh, lĩnh vực này cần phải chấp nhận các công cụ và bộ dữ liệu mới đang nổi lên trong khoa học xã hội dựa trên dữ liệu quy mô lớn.

Áp lực ngày càng gia tăng cả từ bên trong lẫn bên ngoài giới học thuật để sử dụng các bộ dữ liệu lớn hơn nhằm đưa ra các kết luận có giá trị. Nhu cầu định lượng hóa các sự nghiệp học thuật đang tăng lên, trong khi các khảo sát học thuật quy mô nhỏ đang dần mất sức hút trong giới khoa học xã hội. Cỡ mẫu nhỏ làm hạn chế phạm vi phân tích và làm suy yếu các khuyến nghị chính sách. Số lượng quan sát thấp theo loại hình, giới tính, ngành học, loại hình thể chế, nhóm tuổi hay nhóm năng suất làm giảm sức mạnh phân tích và độ tin cậy của chính sách đưa ra. Để vượt ra khỏi các phương pháp phân tích tiêu chuẩn (đã được sử dụng trong nhiều thập kỷ) và để chứng minh rằng công cụ khảo sát vẫn có sức hấp dẫn trong nghiên cứu về nghề nghiệp học thuật, các khảo sát trong tương lai cần thu thập bảng hỏi từ số lượng lớn hơn các nhà khoa học. Đây chính là cách mà các đối thủ lớn của lĩnh vực - các nhà phân tích dữ liệu và khoa học máy tính - đang tiến hành nghiên cứu hiện nay.

#### **Cơ hội cho nghiên cứu giáo dục đại học**

Lĩnh vực nghiên cứu giáo dục đại học đang đứng trước những cơ hội đáng kể nếu hiểu được cách mà các tiến bộ liên quan đến toàn cầu hóa đã được sử dụng để cạnh tranh có được sự chú ý của giới học thuật và các nhà hoạch định chính sách. Dữ liệu số về tài trợ nghiên cứu, năng suất, hợp tác, tác động và sự dịch chuyển hiện nay có thể được khai thác ở quy mô chưa từng có và với mức độ chi tiết rất cao. Nghiên cứu về nghề nghiệp học thuật có thể được chuyển mình theo những cách chưa từng thấy trước đây.

Tuy nhiên, những cơ hội này cũng đi kèm với cái giá phải trả: Sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt. Nhiều lĩnh vực và

phân ngành hiện đang nghiên cứu về giới học thuật và các bối cảnh thể chế của họ, khiến nghiên cứu giáo dục đại học chỉ còn là một trong nhiều lĩnh vực tập trung vào các sự nghiệp học thuật. Khi vẫn chủ yếu dựa vào các phương pháp truyền thống và bộ dữ liệu nhỏ, lĩnh vực này đang đứng trước nguy cơ bị tụt lại phía sau so với các lĩnh vực đã tận dụng được sức mạnh của dữ liệu lớn - đặc biệt là các bộ dữ liệu thư mục học thuật quy mô lớn như Scopus, Web of Science hoặc OpenAlex. Câu hỏi đặt ra là trong tương lai, dữ liệu, diễn giải và tri thức về lĩnh vực học thuật sẽ được đặt ở đâu?

**Từ khóa cho tương lai của lĩnh vực này là "tính bổ trợ" (complementarity). Trong nghiên cứu về nghề nghiệp học thuật, dữ liệu lớn nên đóng vai trò bổ sung cho khảo sát và phỏng vấn; các phân tích cấp vĩ mô nên được đi kèm với nghiên cứu cấp vi mô. Những hiểu biết thu được từ khảo sát - dù là quy mô lớn hay nhỏ - có bản chất khác biệt so với dữ liệu từ phỏng vấn. Tuy nhiên, khi kết hợp với nhau, chúng có thể thúc đẩy sự phát triển của lĩnh vực cả về mặt lý thuyết lẫn thực nghiệm.**

Cụ thể hơn, nhiều vấn đề truyền thống trong nghiên cứu giáo dục đại học hiện đang ngày càng được khảo sát trong các lĩnh vực như "khoa học về khoa học" (science of science), các nghiên cứu định lượng và lĩnh vực gọi là "nghiên cứu về hệ thống nghiên cứu" (research on research). Khoa học xã hội đang bước vào thời kỳ hoàng kim, khi các nhà khoa học trong các lĩnh vực dữ liệu chuyên sâu kể trên đang sử dụng các nguồn dữ liệu lớn cùng sức mạnh tính toán và kỹ năng phân tích như một phần của cuộc cách mạng dữ liệu lớn.

Nghiên cứu về nghề nghiệp học thuật đang đối mặt với khoa học dữ liệu như



một đối thủ cạnh tranh chính. Các nghiên cứu quy mô lớn về sự nghiệp học thuật - dựa trên hàng trăm nghìn hoặc hàng triệu hồ sơ cá nhân về sự nghiệp và công bố khoa học - đang thách thức các nghiên cứu dựa trên khảo sát quy mô nhỏ cả về mặt học thuật lẫn chính sách.

Trong cuộc cạnh tranh giữa phương pháp khảo sát và phương pháp sử dụng các bộ dữ liệu số lớn, cách tiếp cận truyền thống dựa vào khảo sát nhỏ đang dần thất thế. Cuộc cạnh tranh này không chỉ giới hạn ở mức độ được đọc và trích dẫn rộng rãi hơn, mà còn liên quan đến giá trị học thuật (tạo ra uy tín và vị thế) và khả năng thu hút tài trợ (tạo ra nguồn lực). Các nghiên cứu mới từ lĩnh vực khoa học máy tính hiện đang khám phá các vấn đề như phân tầng xã hội, cấu trúc sự nghiệp học thuật và hệ thống công nhận trong các ngành và các quốc gia khác nhau.

Tuy nhiên, những nghiên cứu này lại dựa phần lớn vào các khung lý thuyết được phát triển trong lĩnh vực nghiên cứu giáo dục đại học. Các lý thuyết mà chúng ta đã xây dựng trong suốt năm thập kỷ qua vẫn là nền tảng quan trọng cho sự phát triển trong tương lai của lĩnh vực này. Ngày nay, lĩnh vực nghiên cứu giáo dục đại học cần nhận thức rõ những gì mà các lĩnh vực cạnh tranh đang mở rộng có thể mang lại cho cộng đồng học thuật và chính sách, đồng thời không đánh mất bản sắc riêng của mình. Cách tiến lên tốt nhất là duy trì trình độ lý thuyết hóa sâu sắc, đồng thời tích hợp các công cụ phương pháp mới và các bộ dữ liệu số phục vụ cho mục tiêu nghiên cứu. Điều đó có nghĩa là tiếp tục đặt ra những câu hỏi cốt lõi đã được đặt

ra trong nhiều thập kỷ - chẳng hạn như về năng suất, hợp tác, ảnh hưởng và sự dịch chuyển - cùng với những câu hỏi mới, nhưng áp dụng các phương pháp phân tích dựa trên dữ liệu chuyên sâu và nguồn dữ liệu số mà cuộc cách mạng kỹ thuật số đã mang lại.

### **Con đường phía trước.**

Các nghiên cứu trong tương lai về nghề nghiệp học thuật (và các sự nghiệp học thuật) có thể được nâng cao đáng kể nếu kết hợp hiệu quả các phân tích thư mục định lượng và các công cụ khảo sát, bộ dữ liệu và phương pháp luận để nghiên cứu toàn bộ lĩnh vực học thuật bằng cách kết hợp dữ liệu công bố và trích dẫn, khảo sát quy mô lớn, phỏng vấn số lượng lớn (có thể có hỗ trợ của trí tuệ nhân tạo), cùng với (nếu có thể) dữ liệu tiểu sử và nghề nghiệp từ các cơ sở dữ liệu quốc gia của các nhà khoa học hoặc dữ liệu thương mại về sự nghiệp học thuật. Sự kết hợp nhiều phương pháp có thể giúp chúng ta hiểu rõ hơn về những thay đổi và sự phức tạp của công việc học thuật dưới áp lực chính trị và kinh tế ngày càng gia tăng.

Từ khóa cho tương lai của lĩnh vực này là "tính bổ trợ" (complementarity). Trong nghiên cứu về nghề nghiệp học thuật, dữ liệu lớn nên đóng vai trò bổ sung cho khảo sát và phỏng vấn; các phân tích cấp vĩ mô nên được đi kèm với nghiên cứu cấp vi mô. Những hiểu biết thu được từ khảo sát - dù là quy mô lớn hay nhỏ - có bản chất khác biệt so với dữ liệu từ phỏng vấn. Tuy nhiên, khi kết hợp với nhau, chúng có thể thúc đẩy sự phát triển cả về mặt lý thuyết lẫn thực hành.

## Bảng xếp hạng trong thời đại chủ nghĩa tư bản giám sát

**Ellen Hazelkorn**

*Ellen Hazelkorn là đồng Giám đốc điều hành tại Công ty tư vấn giáo dục BH Associates và Giáo sư danh dự tại Đại học Công nghệ Dublin, Ireland. E-mail: info@bhassociates.eu.*

Xếp hạng đại học hiện nay đã trở thành một hiện tượng toàn cầu. Ban đầu được thiết kế như một công cụ minh bạch và nâng cao trách nhiệm giải trình, xếp hạng đã dần biến đổi thành chỉ số thể hiện năng lực cạnh tranh toàn cầu về tri thức, nhân tài và cuối cùng đã chuyển hóa từ một công cụ thông tin đơn giản thành một ngành công nghiệp trí tuệ toàn cầu phức tạp.

**T**rong thời đại hiện nay, khi dữ liệu trở thành trung tâm, các khái niệm như "độc quyền tri thức", "bất cân xứng thông tin" và "chủ nghĩa tư bản giám sát" có thể giúp chúng ta hiểu rõ hơn cách mà sự kết hợp giữa dữ liệu và chủ nghĩa tư bản đang ảnh hưởng và định hình tương lai của chính sách, thực hành và nghiên cứu trong giáo dục đại học.

Các khái niệm "độc quyền tri thức" và "bất cân xứng thông tin" mô tả những điều kiện mà trong đó quyền truy cập hoặc kiểm soát thông tin gắn liền với các mối quan hệ quyền lực, dẫn đến tình trạng một nhóm người có được nhiều hoặc tốt hơn thông tin so với nhóm khác. Tri thức không đồng đều dẫn đến sự tập trung quyền lực. Lý thuyết về "chủ nghĩa tư bản giám sát" đưa kịch bản này đi xa hơn, khi mô tả một trật tự kinh tế mới trong đó trải nghiệm con người trở thành "nguyên liệu thô miễn phí cho các thực hành thương mại ẩn giấu về khai thác, dự đoán và mua bán", còn dữ liệu trở thành "biên giới quyền lực mới".

### Điều này liên quan gì đến xếp hạng?

Xếp hạng toàn cầu bắt đầu nổi lên như một hiện tượng vào năm 2003 với sự công bố của Xếp hạng Học thuật các Đại học Thế giới (ARWU) - được biết đến rộng rãi hơn với tên gọi Xếp hạng Thượng Hải (Shanghai Rankings). Tầm quan trọng của dữ liệu đối với việc đo lường và so sánh không phải là điều mới mẻ, nó đã có từ cuối thế kỷ XIX. Trong thế kỷ 20, ngày càng có nhiều lời kêu

gọi tăng cường trách nhiệm giải trình và cải cách khu vực công. UNESCO và OECD đã bắt đầu thu thập thông tin thống kê từ những năm 1960, tiếp theo là các bảng xếp hạng quốc gia như U.S. News and World Report (USNWR) vào những năm 1980. Tuy nhiên, xếp hạng toàn cầu đã đánh dấu một bước ngoặt quan trọng.

Đối với nhiều người, xếp hạng được xem là công cụ minh bạch và trách nhiệm giải trình nhằm tăng cường khả năng lựa chọn của sinh viên. Điểm đổi mới then chốt của chúng là sự đơn giản trong khuôn khổ so sánh quốc tế. Xếp hạng hoàn toàn tương phản với các phương pháp học thuật truyền thống như đảm bảo chất lượng, vốn dựa trên các chuẩn mực đánh giá đồng cấp. Bằng cách phản chiếu lại hình ảnh của các trường đại học và quốc gia, xếp hạng đã thách thức các giả định lâu đời hoặc các tuyên bố tự khẳng định về chất lượng, vị thế và danh tiếng theo cách đơn giản nhưng đầy kịch tính.

Xếp hạng toàn cầu nhanh chóng mang một chiều kích mới đầy sức mạnh - so sánh chuẩn mực nghiên cứu (benchmarking) trở thành công cụ thúc đẩy mục tiêu trở thành "đẳng cấp thế giới". Trong bối cảnh tri thức và nhân tài trở thành đồng tiền cốt lõi của kỷ nguyên toàn cầu, các trường đại học và hoạt động nghiên cứu đã chuyển mình từ các thể chế quốc gia sang các công cụ của địa chính trị và địa kinh tế. Xếp hạng mô tả một ván cờ toàn cầu, nơi các

trường đại học và quốc gia không ngừng cạnh tranh để giành vị trí.

Tuy nhiên, xếp hạng không chỉ đơn thuần là một "bảng điểm". Chúng đã mở rộng phạm vi địa lý và củng cố vị thế như những nhà cung cấp thông tin và phân tích toàn diện về các trường đại học và nghiên cứu. Giờ đây, xếp hạng là nền tảng của một ngành kinh doanh trí tuệ toàn cầu phức tạp. Các bảng xếp hạng toàn cầu chính - ARWU, Times Higher Education (THE), QS và USNWR - đều thuộc các tập đoàn vì lợi nhuận, cung cấp một loạt dịch vụ. Để chế của THE đang không ngừng mở rộng, gần đây đã mua lại Diễn đàn Giáo dục Thế giới (Education World Forum).

**Lý thuyết về "chủ nghĩa tư bản giám sát" mô tả một trật tự kinh tế mới, trong đó trải nghiệm của con người trở thành "nguyên liệu thô miễn phí" cho các hoạt động thương mại ẩn giấu liên quan đến khai thác, dự đoán và bán hàng" và dữ liệu trở thành biên giới quyền lực mới.**

Xếp hạng đại học cũng là một trung tâm lợi nhuận - một cơ chế thu thập và lưu trữ dữ liệu, đồng thời là nền tảng cho các công cụ phân tích tinh vi và dịch vụ tư vấn liên quan. Đây mới là nơi tiền bạc và quyền lực thực sự tập trung. Như một người làm xếp hạng từng chia sẻ riêng: "Như bạn biết, bản thân các bảng xếp hạng không thể tạo ra tiền; người ta phải tìm nguồn tài trợ hoặc tạo ra doanh thu để duy trì hoạt động xếp hạng - điều đó không hề dễ dàng".

Điều này đã thúc đẩy sự tích hợp, hợp nhất và tập trung hóa giữa các lĩnh vực xếp hạng, xuất bản và dữ liệu lớn, tạo nên một ngành công nghiệp tổng thể khép kín về thu thập tri thức, lưu trữ và phân tích. Trong một thế giới địa chính trị đầy cạnh tranh, việc nổi bật và được chú ý là điều then chốt. Không có dữ liệu, các chính phủ hay cơ sở

giáo dục không thể điều hành, định hướng, phát triển hay giám sát hệ thống/cơ quan của mình, cũng như không thể đạt được các mục tiêu đã đề ra. Họ trở thành con mồi dễ bị tổn thương, cung cấp lượng lớn dữ liệu để tham gia cuộc chơi xếp hạng, rồi lại phải tìm đến dịch vụ tư vấn để duy trì vị thế, điều này dẫn đến những hệ lụy đối với chủ quyền quốc gia và quyền tự chủ của các cơ sở giáo dục.

Có một mô hình "thu hút và dẫn dắt" quen thuộc, bắt đầu bằng việc tạo ra một bảng xếp hạng nhằm vào một khu vực cụ thể, chẳng hạn như châu Phi, Trung Á hoặc Trung Đông. Điều này khiến các trường đại học và chính phủ trong khu vực vừa phấn khích vừa lo lắng, như được minh họa trong một bài báo của University World News (UWN). Sau đó, một hội thảo được tổ chức, trong đó trường đại học hoặc chính phủ sẽ chi trả toàn bộ chi phí, tiếp theo là các dịch vụ tư vấn - ví dụ như được công bố trong một "bản tin" của Times Higher Education.

**Làm thế nào để hiểu rõ hơn những động lực này?**

Làm thế nào nghiên cứu có thể giúp chúng ta hiểu rõ hơn những động lực này, đồng thời hỗ trợ các chính phủ và tổ chức giáo dục đưa ra phản ứng phù hợp hơn trước các thách thức?

Trong 20 năm qua, chúng ta đã phân tích các bảng xếp hạng như một mô hình nội sinh, tập trung vào phương pháp luận, các chỉ số và tác động của chúng đối với giáo dục đại học. Tuy nhiên, nhiều điều đã thay đổi. Xếp hạng hiện là một phần trong quá trình chuyển đổi rộng lớn hơn đang tác động mạnh đến giáo dục đại học. Những khái niệm như "độc quyền tri thức," "bất cân xứng thông tin," và "chủ nghĩa tư bản giám sát" có thể rất hữu ích để hiểu vai trò của xếp hạng và các công cụ tương tự, cũng như những thách thức liên quan đến đạo đức, quyền sở hữu và quản trị trong một thế giới bị dẫn dắt bởi công nghệ và dữ liệu.

Chúng ta cần đặt ra những câu hỏi như: Việc kết hợp giữa dữ liệu và chủ nghĩa tư bản đang ảnh hưởng và định hình giáo dục đại học và nghiên cứu ra sao? Chúng ta còn có thể tìm hiểu thêm điều gì về mô hình kinh doanh của ngành xếp hạng? Mức độ mà các bảng xếp hạng khuyến khích các chính sách và thực tiễn làm suy yếu mục tiêu giáo dục đại học đại chúng là bao nhiêu? Và trong bối cảnh niềm tin của công

chúng đang suy giảm, liệu phản ứng chậm chạp của chính giáo dục đại học trước những yêu cầu chính đáng về trách nhiệm giải trình và minh bạch trong việc chứng minh giá trị và đóng góp cho cá nhân cũng như xã hội, có phải đã vô tình mở đường cho sự nổi lên của các bảng xếp hạng và quá trình tư nhân hóa dữ liệu công?

## Quốc tế hóa năm 2025 và xa hơn: Mang quốc tế hóa đến cho dân chúng

**Laura E. Rumbley**

*Laura E. Rumbley là Giám đốc phát triển tri thức và nghiên cứu tại Hiệp hội Giáo dục Quốc tế châu Âu (EAIE - European Association for International Education).*

*E-mail: rumbley@eaie.org.*

Trật tự xã hội và chính trị của nhiều nền dân chủ tự do ngày nay, đặc biệt là Hoa Kỳ và các nước phương Tây đang có những biến động lớn. Điều này đang gây ra áp lực nặng nề cho hoạt động quốc tế hóa trong giáo dục đại học. Để vượt qua giai đoạn khó khăn này, chúng ta cần làm hai việc: nghiên cứu kỹ hơn về lợi ích mà quốc tế hóa mang lại cho xã hội và tìm cách tốt hơn để nói cho mọi người biết về những lợi ích đó.

Chúng ta đang ở năm 2025 và tình hình chính trị ở nhiều nước vốn được xem là dân chủ và ổn định đang có những dấu hiệu rạn nứt lớn. Nước Mỹ dưới thời ông Trump nhiệm kỳ hai có thể là ví dụ rõ ràng nhất, nhưng xu hướng tương tự cũng đang xảy ra ở châu Âu và nhiều nơi khác. Lịch sử đã cho thấy việc đóng cửa biên giới và tư duy hẹp hòi thường chẳng mang lại kết quả tốt đẹp. Chủ nghĩa dân tộc cực đoan, bài ngoại và độc đoán luôn gây ra tàn phá.

Vậy mà giờ đây, chúng ta lại phải đối mặt với chúng một lần nữa. Trong bối cảnh đó, những người ủng hộ quốc tế hóa - vốn tin rằng việc kết nối thế giới sẽ giúp mọi người sống tốt hơn - đang phải tự hỏi: Tại sao mọi chuyện lại ra nông nổi này và làm sao để sửa chữa tình hình?

Khi giải quyết những câu hỏi cốt lõi này, hai vấn đề (đã tồn tại từ lâu) nổi lên rõ rệt.



**Nghiên cứu về quốc tế hóa hiện nay:  
Manh mún và ít được biết đến**

Thứ nhất, dù có rất nhiều nghiên cứu về quốc tế hóa, chúng ta vẫn thiếu những kiến thức quan trọng. Chúng ta không có những bằng chứng quy mô lớn, chất lượng cao và được theo dõi trong thời gian dài để chỉ ra một cách rõ ràng những ảnh hưởng (tích cực, tiêu cực và trung tính) của quốc tế hóa. Những dữ liệu hiện có tuy cho thấy một vài dấu hiệu tích cực, nhưng chúng rất chắp vá và không đủ sức thuyết phục các nhà làm chính sách và người dân. Vấn đề thứ hai là hầu hết mọi người không trực tiếp tham gia nên họ không biết hoặc không quan tâm đến quốc tế hóa trong giáo dục và những lợi ích của nó. Vì sao vậy? Một là, rất nhiều người không học đại học, nên họ thấy chuyện này chẳng liên quan đến mình. Hai là, người ta thường quan tâm đến các vấn đề trong nước hơn là những chuyện bị cho là "bên ngoài". Thực tế là, dù các hoạt động quốc tế hóa (như trao đổi sinh viên, hợp tác nghiên cứu) đã phát triển mạnh mẽ, đa số giảng viên và sinh viên, chứ đừng nói đến người dân, đều không thực sự tham gia vào.

**Củng cố nền tảng nghiên cứu về tác động xã hội của quốc tế hóa và cải thiện phương pháp phổ biến các kết quả nghiên cứu là những ưu tiên sống còn cho những năm tới.**

Nói tóm lại, đa số người dân không biết hoặc không quan tâm đến những lợi ích mà quốc tế hóa có thể mang lại. Cùng lúc đó, chính chúng ta cũng chưa có đủ bằng chứng thuyết phục về những lợi ích đó.

Đây là những thực tế đáng lo ngại. May mắn thay, các nghiên cứu và phân tích trước đây đã đưa ra những tín hiệu rõ ràng cho một con đường phía trước.

**Cần nghiêm túc hơn trong việc ghi nhận  
và phổ biến tác động xã hội**

Mười năm trước, một nghiên cứu của Nghị viện châu Âu đã nói rằng quốc tế hóa phải "đóng góp ý nghĩa cho xã hội". Đến năm 2019, một sáng kiến khác - Quốc tế hóa Giáo dục Đại học cho Xã hội (IHES - Internationalisation in Higher Education for Society) đã thúc đẩy ý tưởng này đi xa hơn, tìm cách thu hút sự tham gia của các bên ngoài trường đại học. Tuy nhiên, bây giờ là năm 2025, và quốc tế hóa đang bị đe dọa thật sự. Việc chỉ ra cho các nhà lãnh đạo và người dân thấy quốc tế hóa có thể giúp ích cho xã hội như thế nào đã trở nên cấp bách hơn bao giờ hết.

Để làm được điều này, chúng ta cần tập trung vào một hướng nghiên cứu quan trọng. Cụ thể là phải trả lời được những câu hỏi về lợi ích xã hội mà các nhà lãnh đạo và người dân thật sự quan tâm. Các nhà nghiên cứu trên thế giới phải đưa ra những bằng chứng rõ ràng hơn (và luôn cập nhật) về ảnh hưởng của quốc tế hóa trong giáo dục đại học đối với kinh tế, phúc lợi xã hội, an ninh và chất lượng cuộc sống của chúng ta.

Đồng thời, chúng ta cần phải hợp tác ngay với các chuyên gia truyền thông và các chiến dịch cộng đồng. Giới nghiên cứu phải tìm những cách thức mới và năng động hơn để trò chuyện với công chúng, để các nhà lãnh đạo và người dân bình thường có thể tham gia vào những cuộc thảo luận thẳng thắn dựa trên sự thật về quốc tế hóa.

Nhiều học giả uyên bác từ lâu đã nói rằng bản thân quốc tế hóa không tốt cũng không xấu. Tuy nhiên, nó đang bị tác động bởi những thế lực chính trị - xã hội đưa ra quyết định mà không dựa trên dữ liệu đầy đủ và đáng tin cậy. Củng cố nền tảng dữ liệu nghiên cứu về tác động xã hội của quốc tế hóa và cải thiện phương pháp phổ biến các kết quả nghiên cứu là những ưu tiên sống còn cho những năm tới.

## Nhìn nhận lại quốc tế hóa giáo dục đại học: Một trải nghiệm giáo dục có sức mạnh biến đổi

**Betty Leask**

*Betty Leask là Giáo sư danh dự tại Đại học La Trobe, Úc.*

*E-mail: b.leask@latrobe.edu.au.*

Trong thế giới đầy kết nối nhưng cũng nhiều bất ổn hiện nay, việc quốc tế hóa giáo dục đại học lại càng trở nên quan trọng. Bài viết này cho rằng, để hoạt động này thật sự có ý nghĩa, chúng ta phải xem nó như một trải nghiệm có thể thay đổi mọi sinh viên, chứ không chỉ một nhóm nhỏ. Bài viết cũng đề xuất một số cách làm thực tế và hướng nghiên cứu để thực hiện điều này.

Quốc tế hóa giáo dục đại học (IoHE - Internationalization of Higher Education) có thể giúp thế giới tốt đẹp hơn, nhưng chỉ khi mọi sinh viên đều có cơ hội tham gia một cách công bằng. Trong 20 năm qua, người ta đã nói nhiều về hai hướng chính: một là "Quốc tế hóa chương trình giảng dạy" (IoC - Internationalization of the Curriculum), hai là "Quốc tế hóa tại chỗ" (IaH - Internationalization at Home). Cả hai đều được xem là quan trọng cho sự phát triển của sinh viên cả về mặt con người, xã hội và kinh tế. Nhưng chúng thường được thực hiện một cách riêng rẽ. Bài viết này đề xuất kết hợp cả hai thành một khái niệm mới: "Quốc tế hóa chương trình giảng dạy tại chỗ" (IoCaH - Internationalization of the Curriculum at Home). Cách tiếp cận này sẽ biến IoHE thành một trải nghiệm có sức mạnh thay đổi thật sự, trong đó giảng viên và nhân viên nhà trường đóng vai trò then chốt. Tuy nhiên, để làm được điều này, chúng ta phải thay đổi hoàn toàn cách làm truyền thống.

### **Quốc tế hóa Chương trình giảng dạy tại chỗ (IoCaH)**

Việc kết hợp IoC và IaH là một bước đi thông minh. Cả hai đều nhận ra rằng quốc tế hóa liên quan đến chất lượng chương

trình học và các hoạt động ngoại khóa. Chúng đã hỗ trợ lẫn nhau suốt 20 năm, nhưng khi hợp nhất, sức mạnh của chúng sẽ lớn hơn rất nhiều. Tuy nhiên, để IoCaH được áp dụng rộng rãi, nhà trường cần có chiến lược và hành động cụ thể. Đây là một việc phức tạp, đòi hỏi phải có nguồn lực để đổi mới chương trình học. Việc này bao gồm cả việc giải quyết các vấn đề gai góc như làm sao để chương trình học bớt lệ thuộc vào tư duy phương Tây, đảm bảo sự công bằng về tri thức và đưa các mục tiêu phát triển bền vững của UNESCO vào bài giảng cho mọi sinh viên.

Trọng tâm của IoCaH là lên kế hoạch và cải cách một cách có chủ đích, áp dụng cho cả các môn học chính khóa có tính điểm và các hoạt động ngoại khóa trong trường cũng như ngoài cộng đồng. Mục đích cuối cùng là giúp mọi sinh viên phát triển góc nhìn quốc tế, liên văn hóa, toàn cầu và rèn luyện các kỹ năng "mềm" (như tư duy phản biện, giải quyết vấn đề) để họ có thể cùng nhau hành động vì các vấn đề của địa phương và thế giới. IoCaH sẽ kết hợp những điểm mạnh nhất của các nghiên cứu về hai lĩnh vực này, đồng thời mở ra những hướng nghiên cứu mới đầy hứa hẹn.

**Việc kết hợp IoC và IaH là một bước đi thông minh. Cả hai đều nhận ra rằng quốc tế hóa liên quan đến chất lượng chương trình học và các hoạt động ngoại khóa. Chúng đã hỗ trợ lẫn nhau suốt 20 năm, nhưng khi hợp nhất, sức mạnh của chúng sẽ lớn hơn rất nhiều.**

### **Nhu cầu đào tạo và phát triển về IoCaH**

Các nghiên cứu trước đây đã chỉ ra rằng để thành công, những người trực tiếp giảng dạy và hỗ trợ sinh viên phải được đào tạo và tạo điều kiện phát triển. Ví dụ, giảng viên và người thiết kế chương trình học cần phải là người đi đầu trong việc thay đổi những cách làm cũ. Nhưng nhiều người có thể cảm thấy họ chưa được trang bị đủ để làm việc này. Công việc của họ gặp nhiều rào cản, chẳng hạn như chính sách của trường không đề cập đến việc thay đổi chương trình học, chương trình quá cứng nhắc, giảng viên không có đủ thời gian và nguồn lực để điều chỉnh nội dung bài giảng.

Kinh nghiệm cho thấy có một số yếu tố giúp giảng viên trở thành người tiên phong cho IoCaH. Đó là những người cởi mở với ý tưởng mới, sẵn sàng học hỏi những kiến thức ngoài khuôn khổ phương Tây và thích trao đổi liên ngành. Những đặc điểm này có thể đến từ kinh nghiệm sống, chuyên môn và sự tự tin để thách thức các quan điểm của đồng nghiệp về cách chúng ta biết và hiểu thế giới (quan điểm nhận thức luận và bản thể luận). Đây là những vấn đề cần được nghiên cứu thêm.

Một nghiên cứu gần đây ở châu Mỹ Latinh đã nhấn mạnh sự cần thiết của các chương trình đào tạo chuyên biệt. Nghiên cứu này chỉ ra rằng việc đào tạo phải là một quá trình liên tục, là trách nhiệm

chung của cả nhà trường và mỗi cá nhân. Cụ thể, việc đào tạo nên: (1) kéo dài suốt sự nghiệp và do cá nhân tự định hướng; (2) tập trung vào nhu cầu và thực tế công việc; (3) có tính liên ngành, liên chuyên môn và tương tác cao; và (4) đề cao sự hợp tác và tích hợp. Mô hình này là một gợi ý hành động quý giá cho các trường và là nền tảng tốt cho nghiên cứu sau này.

Tất nhiên, nhu cầu đào tạo của mỗi người sẽ thay đổi theo thời gian và khác nhau giữa các trường. Nhưng chúng ta có thể áp dụng những mô hình tương tự. Ví dụ, việc sử dụng các "cộng đồng thực hành" (nơi mọi người cùng chia sẻ kinh nghiệm) để hỗ trợ giảng viên đã được chứng minh là rất hiệu quả. Nội dung thảo luận trong các cộng đồng này có thể khác nhau, nhưng cách thức hỗ trợ để thành lập và duy trì chúng thì có thể giống nhau. Những tài liệu và phương pháp đã có sẵn có thể được thử nghiệm và điều chỉnh cho phù hợp với từng nơi, mở ra nhiều cơ hội nghiên cứu thú vị.

Việc hỗ trợ phát triển chuyên môn cho giảng viên là yếu tố sống còn để biến quốc tế hóa giáo dục thành một trải nghiệm có sức mạnh thay đổi. Những cách làm truyền thống, như tổ chức các hoạt động riêng lẻ không gắn với công việc hằng ngày, là không đủ để đảm bảo mọi sinh viên đều nhận được một nền giáo dục quốc tế hóa chất lượng. Điều chúng ta cần là một phương pháp tiếp cận toàn diện, dựa trên bằng chứng, và được đầu tư đầy đủ nguồn lực. Trong đó, việc đào tạo được xem là một quá trình liên tục, năng động, có tính tương tác và gắn liền với thực tiễn. Cụ thể với IoCaH, điều này có nghĩa là phải có các chương trình được thiết kế riêng để hỗ trợ đội ngũ nhân viên trở thành những người dẫn dắt hoạt động quốc tế hóa, không chỉ trong trường đại học mà còn trong cả cộng đồng.

# Cơn sóng trở lại: Chính trị hóa và tương lai của giáo dục đại học quốc tế

**Santiago Castiello-Gutiérrez**

*Santiago Castiello-Gutiérrez là Trợ lý Giáo sư về giáo dục đại học tại Đại học Seton Hall, New Jersey, Hoa Kỳ. E-mail: santiago.castiello@shu.edu.*

Việc giáo dục quốc tế bị chính trị ảnh hưởng không phải là chuyện mới, mà là một quy luật cứ lặp đi lặp lại theo những thay đổi của thế giới. Bài viết này nhìn lại các cuộc tranh luận trong 30 năm qua được ghi nhận bởi tạp chí International Higher Education. Qua đó, ta sẽ thấy các thách thức trong quá khứ - như chủ nghĩa dân tộc, áp lực kinh tế, hay lo ngại về an ninh - giống hệt những gì chúng ta đang bàn luận ngày nay. Bằng cách hiểu rõ các vòng lặp này, chúng ta có thể tìm ra cách để không chỉ đối phó tình thế, mà còn xây dựng một nền giáo dục quốc tế hóa có mục đích và bền vững hơn.

Người ta hay nói: Lịch sử có thể không lặp lại, nhưng nó thường tạo vẩn. Chúng ta thường nghĩ rằng thời đại mình đang sống là khó khăn nhất, chưa từng có tiền lệ. Nhưng nếu nhìn kỹ lại, nhiều vấn đề hiện nay chỉ là tiếng vọng của quá khứ. Rất may là tạp chí International Higher Education (IHE) đã ghi lại những cuộc thảo luận này suốt 30 năm, giúp chúng ta thấy rõ tính lặp lại của hoạt động quốc tế hóa. Trong bài này, tôi sẽ thử hình dung 30 năm tới sẽ ra sao bằng cách xem quá khứ đã ảnh hưởng đến hiện tại thế nào và từ đó đoán xem tương lai nào đang chờ đợi.

Nhìn lại kho lưu trữ của IHE, có thể thấy một vài chủ đề lớn. Cách chúng ta hiểu và định nghĩa về quốc tế hóa đã thay đổi, cũng như những lý do để các trường tham gia. Tuy nhiên, các yếu tố chính trị và kinh tế vẫn luôn là mối quan tâm hàng đầu, bên cạnh mong muốn biến quốc tế hóa thành một sức mạnh để tạo ra thay đổi tốt đẹp.

## Quốc tế hóa qua các chu kỳ và những cơn sóng

Ví dụ, vào năm 1996, bà Barbara Burn đã lo ngại rằng cuộc bầu cử năm 1994 ở Hoa Kỳ sẽ làm chính phủ cắt giảm hỗ trợ cho giáo dục quốc tế. 20 năm sau, khi Brexit

xảy ra và ông Trump đắc cử, nỗi lo này lại quay trở lại. Chủ nghĩa dân tộc và các chính sách bảo hộ lại một lần nữa nhắm vào giáo dục quốc tế, cho thấy lĩnh vực này dễ bị ảnh hưởng lặp đi lặp lại bởi các thay đổi chính trị.

Bài viết năm 1999 của Hans de Wit cũng chỉ ra sự thay đổi trong các lý do thúc đẩy quốc tế hóa. Ông cho rằng lý do chính trị đang dần bị thay thế bởi lý do kinh tế để chạy theo xu hướng toàn cầu hóa. Ngày nay, các cuộc tranh luận lại kêu gọi điều ngược lại: hãy vượt qua lý do kinh tế và quay về với chính trị, với một "niềm tin lạc quan rằng giáo dục quốc tế là sức mạnh vì hòa bình". Nhưng chính bài viết năm 1999 đó đã cảnh báo về sự nguy hiểm của việc này qua các câu hỏi: "Hòa bình theo khái niệm của ai và thế giới theo cách hiểu của ai sẽ được phục vụ? Liệu các nước khác có bao giờ được bình đẳng với Hoa Kỳ và châu Âu trong việc đưa ra quan điểm của riêng mình không?".

**Tương lai của giáo dục quốc tế phụ thuộc vào việc chúng ta có biết học hỏi từ quá khứ, thích ứng với hiện tại và chủ động kiến tạo tương lai hay không.**



Những câu hỏi này đến nay vẫn còn nguyên giá trị. Chúng ta nghe rất nhiều lời kêu gọi hãy quốc tế hóa một cách "thông minh hơn", "có mục đích hơn", "có tính phản biện hơn" và "đoàn kết hơn". Tuy nhiên, việc gần đây người ta nhấn mạnh vào "quốc tế hóa có trách nhiệm" lại cho thấy một xu hướng đáng lo: đó là sự (tái) chính trị hóa trong một thế giới đa cực. Nếu không hiểu rõ lịch sử và các mối quan hệ quyền lực, chúng ta có nguy cơ chỉ lặp lại một vòng quay cũ.

Năm 2004, sau các chính sách siết chặt an ninh của Hoa Kỳ sau vụ khủng bố 11/9, ông Philip Altbach đã tuyên bố "sự kết thúc của ngoại giao công dân và giáo dục quốc tế".

Những suy ngẫm của ông bao gồm: "Người ta đang rỉ tai nhau từ Mumbai đến Montevideo rằng Hoa Kỳ không còn chào đón người nước ngoài nữa... [Hoa Kỳ] vẫn là điểm đến yêu thích... nhưng [người nước ngoài] cảm thấy việc đến Hoa Kỳ giờ quá khó khăn hoặc không đáng để cố gắng... Vẫn còn đó sự ủng hộ dành cho giáo dục và văn hóa Hoa Kỳ... nhưng nó đang cạn kiệt rất nhanh".

Điều đáng nói là, từ năm 2004 đến nay, số lượng sinh viên và học giả quốc tế ở Hoa Kỳ đã tăng hơn gấp đôi. Thực tế, từ năm 2005, chỉ có dịch COVID-19 mới ngăn được đà tăng trưởng này. Thế nhưng,

những lời của ông Altbach năm 2004 lại đúng đến lạ kỳ với Hoa Kỳ vào cuộc bầu cử năm 2016 và những lập luận y hệt như vậy đang quay trở lại trong thời kỳ Trump thứ hai này.

Những ví dụ trên đặt ra một câu hỏi lớn: Liệu chúng ta có thể phá vỡ vòng lặp này không? Hay chúng ta cứ phải tranh cãi đi tranh cãi lại cùng một vấn đề sau mỗi thập kỷ? Dù tôi không hề muốn xem nhẹ những thách thức to lớn hiện tại, tôi vẫn muốn (và cần phải) giữ một sự lạc quan thận trọng. Tương lai của quốc tế hóa phụ thuộc vào việc chúng ta có biết học hỏi từ quá khứ, thích ứng với hiện tại và chủ động kiến tạo tương lai hay không.

### **Vạch ra một lộ trình cho tương lai**

Nếu quá khứ có dạy chúng ta điều gì, thì đó là: Một khi chúng ta hết hoảng loạn và bắt đầu chuyển từ than phiền sang hành động và đổi mới, chúng ta sẽ có cơ hội tốt hơn để xây dựng một nền quốc tế hóa công bằng, ý nghĩa và hiệu quả hơn - điều mà chúng ta đã luôn viết về suốt 30 năm qua. Giáo dục, với những giá trị dân chủ, tự do và đạo đức vốn có, vẫn luôn là một sức mạnh to lớn để thay đổi thế giới theo hướng tốt đẹp hơn. Đó là một sức mạnh đáng để ta đấu tranh bảo vệ. Và nếu được dẫn lối bởi những bài học quá khứ, sức mạnh ấy có thể giúp chúng ta xây dựng một tương lai công bằng và kết nối hơn.

## Thay đổi cách nghiên cứu về sinh viên quốc tế từ ghi nhận trải nghiệm sang chuyển đổi thực tiễn

**Jenna Mittelmeier**

*Jenna Mittelmeier là Giảng viên cao cấp về giáo dục quốc tế tại Đại học Manchester, Vương quốc Anh. Email: Jenna.mittelmeier@manchester.ac.uk.*

Bài viết suy ngẫm một cách có phê phán việc nghiên cứu về sinh viên quốc tế trong giáo dục đại học và nổi ám ảnh kéo dài với phương pháp ghi nhận "trải nghiệm". Một nền tảng tri thức đồ sộ đã được xây dựng xoay quanh khái niệm "trải nghiệm sinh viên" khá rộng và chưa được định nghĩa rõ ràng, thường dẫn đến các kết quả nghiên cứu lặp lại. Bài viết đề xuất một cách tiếp cận thay thế: thay vì tiếp tục ghi nhận trải nghiệm cá nhân, nên chuyển sang đánh giá và đưa ra bằng chứng về những thực tiễn mang tính cấu trúc, từ đó khuyến khích giới học giả xét lại xem công trình của họ có thể góp phần tháo gỡ và giải quyết những thách thức đã biết như thế nào, thay vì chỉ đơn thuần ghi nhận lại những điều đó.

Nghiên cứu chuyên sâu về sinh viên quốc tế đã tồn tại trong ba thập kỷ qua. Lĩnh vực nghiên cứu đang nở rộ này đã dẫn chúng tôi đến việc xuất bản cuốn sách: *Research with International Students: Critical Conceptual and Methodological Considerations* (Nghiên cứu về sinh viên quốc tế: Xem xét phản biện về khái niệm và phương pháp luận), nhằm đánh giá và phê phán thực tiễn nghiên cứu hiện có. Trong cuốn sách đó, sự tự vấn mang tính phê phán về lĩnh vực này được xác định là một "cuộc đối thoại đang tiếp diễn" và bài viết này phản ánh hướng phát triển tiếp theo của cuộc đối thoại đó.

Đã có hàng nghìn bài báo được xuất bản về chủ đề này và thách thức đặt ra là các nhà nghiên cứu có thể bổ sung điều gì cho nền tảng tri thức vốn đã tồn tại vững chắc đó. Một trong những phê phán đang phổ biến là lĩnh vực này thường cho ra các phát hiện lặp lại, đặc biệt là do quá bận tâm với việc ghi nhận "trải nghiệm của sinh viên quốc tế".

Một mặt, việc ưu tiên "trải nghiệm của sinh viên quốc tế" phản ánh cách tiếp cận gần đây của lĩnh vực là lấy con người làm trung tâm. Các nghiên cứu ban đầu thường mang tính

thực chứng, tập trung vào việc đánh giá mức độ căng thẳng và cơ chế đối phó qua lăng kính tâm lý học. Phát triển nghiên cứu đặt trọng tâm vào tiếng nói sinh viên là một sự chuyển dịch có ý thức khỏi lối nghiên cứu trích xuất, coi sinh viên quốc tế là đối tượng nghiên cứu chứ không phải là đối tác nghiên cứu.

Mặt khác, mối bận tâm chung với việc ghi nhận trải nghiệm là một điểm yếu quan trọng của lĩnh vực này. Khái niệm "trải nghiệm" thường không được định nghĩa rõ ràng và thiếu nền tảng lý luận (điều này đã được Andrew Deuchar phân tích thuyết phục), thường xuyên mang tính quá vĩ mô và mơ hồ. Hệ quả là các phát hiện trở nên dễ đoán, với những thách thức cốt lõi đã được ghi nhận rất rõ ràng nhưng gần như không thay đổi trong nhiều thập kỷ. Ví dụ, đã có hàng trăm bài viết về việc sinh viên quốc tế gặp khó khăn với ngôn ngữ, làm quen với thực hành học thuật mới, đối mặt với phân biệt chủng tộc và bài ngoại, hoặc xây dựng mạng lưới bạn bè hỗ trợ. Trong suốt hơn 30 năm, các nghiên cứu thường xác định những hiện tượng lặp lại, dù được đặt trong các bối cảnh và phân nhóm khác nhau.

### Chu kỳ nghiên cứu lặp

Nghiên cứu về sinh viên quốc tế thường là một chu kỳ liên tục của những lập luận tương tự, được khám phá lại và tái đóng gói như những điều mới mẻ. Sự tập trung dai dẳng vào "trải nghiệm" thường được trình bày như là khoảng trống nghiên cứu - "chưa ai từng ghi nhận trải nghiệm của nhóm X trong bối cảnh Y" - mặc dù các phát hiện sau đó phần lớn trùng khớp với hiểu biết hiện có: vẫn là các khó khăn quen thuộc, không gian hạn chế để thể hiện tính chủ thể, và nhu cầu hỗ trợ nhiều hơn.

**Vậy thì câu hỏi quan trọng không phải là làm thế nào để ghi nhận thêm trải nghiệm, mà là làm thế nào để tháo gỡ bất bình đẳng và bất công mà công trình của chúng ta liên tục chỉ ra?**

Vậy thì câu hỏi quan trọng không phải là làm thế nào để ghi nhận thêm trải nghiệm, mà là làm thế nào để tháo gỡ bất bình đẳng và bất công mà công trình của chúng ta liên tục chỉ ra? Ghi nhận trải nghiệm là điểm khởi đầu hữu ích, nhất là khi nhiều vấn đề quan trọng trước đây từng bị phớt lờ trong thực tiễn, nhưng chúng ta khó lòng xóa bỏ bất bình đẳng nếu chỉ dừng ở việc đặt tên cho chúng. Lĩnh vực này cần một điều gì đó sâu sắc hơn. Nếu không, mười năm nữa chúng ta vẫn sẽ lại tiếp tục đưa ra những lập luận như cũ về sự bất công trong cấu trúc đang tồn tại.

Do đó, cần phải điều chỉnh chương trình nghị sự nghiên cứu: Thoát khỏi việc ghi nhận tĩnh tại, chuyển sang đánh giá các thực hành dựa trên bằng chứng nhằm cải biến thực tiễn và cấu trúc hiện hữu. Điều này đòi hỏi phải tập trung đổi mới vào các hoạt động cụ thể và được gọi tên rõ ràng, nhằm chuyển từ việc ghi nhận đơn thuần sang thay đổi bền vững và chuyển hóa. Thách thức mà tôi nêu ra với lĩnh vực này là nếu chúng ta đã có hàng thập kỷ nghiên cứu khẳng định rằng vấn đề tồn tại, vậy chúng ta sẽ làm gì để giải quyết chúng?

### Định hướng nghiên cứu cho tương lai

Điểm khởi đầu là đa dạng hóa đối tượng nghiên cứu, bổ sung cho hướng tiếp cận vào tiếng nói sinh viên bằng việc đặt trọng tâm vào những người và những quy trình làm cho trải nghiệm bất bình đẳng của họ khó chấm dứt. Điều này đồng nghĩa với việc cần đánh giá lại các cấu trúc cụ thể: chính sách, phương pháp sư phạm, chương trình đào tạo, không gian ngoại khóa, hệ thống hỗ trợ và các không gian khác mà ở đó vẫn còn bất công. Ví dụ, việc khẳng định rằng sinh viên quốc tế trải nghiệm khó khăn về ngôn ngữ là chưa đủ. Chúng ta cần chuyển hướng sang phân tích kỹ lưỡng những cấu trúc cụ thể đã khiến năng lực ngôn ngữ sẵn có của họ bị vô hình hóa và không hỗ trợ hiệu quả quá trình chuyển tiếp sang một môi trường ngôn ngữ mới. Một lĩnh vực nghiên cứu mạnh hơn là lĩnh vực có thể đánh giá rõ ràng các bất bình đẳng cấu trúc, thay vì gán lỗi cho thiếu hụt cá nhân.

Việc chuyển hướng sang thực tiễn cũng giúp các nhà nghiên cứu xây dựng bằng chứng cho các hành động tạo ra thay đổi bằng cách cho thấy tác động rõ ràng lên kết quả và trải nghiệm của sinh viên. Hiện nay, nghiên cứu thực hành dựa trên bằng chứng vẫn còn hạn chế về phạm vi, thường chỉ đánh giá trong một bối cảnh đơn lẻ và xoay quanh lớp học của chính nhà nghiên cứu. Cách tiếp cận rời rạc này gây trở ngại cho việc xây dựng hiểu biết tổng thể về những gì hiệu quả trong các bối cảnh, ngành học và môi trường khác nhau. Do đó, cần một cách tiếp cận nghiên cứu mang tính liên kết hơn, thông qua các hợp tác liên ngành, liên bối cảnh và quốc tế nhằm chất vấn các cấu trúc và thực hành.

Tổng thể, lĩnh vực này đang đứng trước ngã rẽ và hàng thập kỷ nghiên cứu hiện có đặt ra câu hỏi: Điều gì sẽ đến tiếp theo? Làm thế nào để chúng ta chuyển từ một lĩnh vực bị ám ảnh bởi những phát hiện lặp lại về các "trải nghiệm" rộng, sang một lĩnh vực thúc đẩy các thực hành cải biến cụ thể xoay quanh các vấn đề mà chúng ta vốn đã biết rõ?

## Đón nhận sự phức tạp: Những chuyển biến của xu hướng du học quốc tế trong bối cảnh bất ổn toàn cầu

*Liz Shchepetylnykova và Sevgi Kaya-Kaşıkçı*

*Liz Shchepetylnykova, là đồng nghiệp của Hans de Wit, cùng công tác tại Trung tâm Giáo dục Đại học Quốc tế, Boston College, Hoa Kỳ. E-mail: shchepei@bc.edu.*

*Sevgi Kaya-Kaşıkçı là Nghiên cứu viên sau Tiến sĩ tại trường Đại học Kỹ thuật Trung Đông, Ankara, Türkiye. Email: maygikaya@gmail.com.*

Mặc dù nghiên cứu học thuật về xu hướng du học quốc tế đã phát triển rộng khắp, bối cảnh du học quốc tế đang không ngừng biến đổi với các lý do, chủ thể và hình thức ngày càng đa dạng, đòi hỏi dữ liệu và cách tiếp cận mới để thấu hiểu. Bài này phản ánh những diễn biến mới của du học quốc tế trong bối cảnh hậu đại dịch và bất ổn địa chính trị. Kết thúc bài viết, chúng tôi kêu gọi các học giả tham gia phản biện sâu sắc về những lý thuyết và khái niệm chủ đạo đang chi phối cách hiểu của chúng ta về du học.

**T**rong ba thập kỷ qua, du học quốc tế đã trải qua một cuộc chuyển mình, dần chủ hóa giáo dục đại học xuyên biên giới khi số lượng sinh viên du học đạt mức kỷ lục là bảy triệu. Các chủ thể ngày càng đa dạng, gồm cả chính phủ các nước thuộc vùng ngoại vi của hệ thống giáo dục đại học toàn cầu, đang làm lung lay trật tự quyền lực từng được củng cố qua các dòng dịch chuyển người học toàn cầu. Các quốc gia ngoại vi này đang dần nắm giữ vai trò chủ động, chấp nhận các lý do đa dạng và công nghệ mới để điều hướng luồng du học quốc tế. Trong bối cảnh đó, chúng tôi phản ánh về các chuyển hóa cốt lõi của du học quốc tế nhằm xác định các hướng nghiên cứu then chốt trong tương lai.

### **Sự chuyển biến sâu sắc của du học quốc tế**

Mặc dù du học quốc tế đã là trọng tâm chú ý của các nhà nghiên cứu trong nhiều năm, nhưng nghiên cứu hiện tại còn có hiểu biết hạn chế về mối quan hệ giữa các động lực khác nhau của việc du học. Ngoài những cặp khái niệm đối lập hoàn toàn (ví dụ, các yếu tố đẩy và kéo), ít thấy sự đồng thuận về mối liên hệ giữa các cơ sở lý luận của du học quốc tế (chính trị, kinh tế, học thuật, xã hội văn hóa và nhân đạo), với các học

giả thường coi chúng là độc lập, phân cấp và thậm chí là hội tụ. Tuy nhiên, tính phức tạp ngày càng tăng giữa các động lực này đang trở nên rõ ràng hơn với sự xuất hiện những trung tâm khu vực mới bên ngoài các quốc gia đích đến thuộc khối Anh ngữ truyền thống. Gần đây, bối cảnh du học quốc tế đã trở nên đa cực, với cấu trúc mạng lưới dày đặc hơn, kết nối hơn nhưng đa dạng hơn, vượt ra ngoài các nước phát triển giữ vị trí trung tâm trong hệ thống toàn cầu, vì sinh viên quốc tế chấp nhận các cơ hội học tập gần nhà hơn. Các luồng chuyển dịch này đã tạo điều kiện cho sự thay đổi về quy mô và cấu trúc của du học quốc tế, thu hút những sinh viên trước đây bị gạt ra ngoài đi du học.

Ngoài những người tự nguyện du học quốc tế hay có mục tiêu, cuộc khủng hoảng người tị nạn lớn nhất sau Thế chiến II buộc những người học bị di dời phải tham gia vào việc học xuyên quốc gia. Trải nghiệm du học quốc tế đã trở thành con đường cho những người học bị di dời, bất chấp nhiều hạn chế về chính trị và pháp lý ở cấp quốc gia và quốc tế. Không giống như những sinh viên du học truyền thống, những người tị nạn chạy trốn khỏi các cuộc xung

đột bạo lực và thiên tai thường phải đối mặt với những lựa chọn hạn chế về điểm đến học tập và có thể bị buộc phải đăng ký vào các khoa không nằm trong sở thích của họ hoặc tại các trường đại học mới thành lập. Hơn nữa, các chính sách quốc gia và chế độ thị thực làm hạn chế cơ hội di chuyển tự do của nhóm người bị di dời. Tuy nhiên, các chính phủ và trường đại học đã tăng cường nỗ lực và từng bước xây dựng lại chính sách của mình để mở rộng quyền tiếp cận và hỗ trợ cho người tị nạn trong giáo dục đại học.

**Sự chuyển biến sâu sắc của du học quốc tế đòi hỏi phải hình dung lại chính định nghĩa về du học. Vốn được định nghĩa một cách truyền thống là học sinh vượt biên giới để đi học, du học quốc tế hiện nay mở rộng ra ngoài khuôn khổ thông thường này.**

Ý nghĩa của du học quốc tế đang thay đổi khi việc học liên văn hóa trở nên dễ tiếp cận hơn trong lớp học. Vốn là điều cần thiết trong đại dịch COVID-19 trước đây, du học ảo nay đã trở thành một cơ hội trong "trạng thái bình thường mới" với sự tích hợp ngày càng tăng của công nghệ giáo dục. Sự phong phú của các cơ hội học tập ảo cho phép sinh viên không chỉ tham gia các cuộc trao đổi ngắn hạn mà còn hoàn thành các chương trình cấp bằng trực tuyến. Du học ảo phù hợp với mục tiêu giảm phát thải carbon để giải quyết cuộc khủng hoảng khí hậu đang gia tăng. Các nhà nghiên cứu, nhà hoạch định chính sách và quản trị viên có thể tận dụng ưu thế của những phát triển này để tích hợp du học quốc tế hiệu quả hơn với các mục tiêu phát triển bền vững toàn cầu.

Sự chuyển biến sâu sắc của du học quốc tế đòi hỏi phải hình dung lại chính định nghĩa về du học. Vốn được định nghĩa một cách truyền thống là học sinh vượt biên giới để đi học, du học quốc tế hiện nay mở rộng

ra ngoài khuôn khổ thông thường này. Các xu hướng gần đây chứng minh khả năng hạn chế của định nghĩa này trong việc tích hợp các phương thức và trải nghiệm mới của những người học bị di dời. Sự đan xen phức tạp của du học quốc tế với các cuộc cạnh tranh địa chính trị, tiến bộ công nghệ và quan điểm khu vực đa dạng đòi hỏi phải phân tích toàn diện những cơ sở lý luận ở cấp độ vĩ mô, trung và vi mô thúc đẩy tham gia vào du học quốc tế.

### **Hướng nghiên cứu trong tương lai**

Để hiểu rõ hơn về sự phức tạp của du học quốc tế, nghiên cứu học thuật nên tìm cách cung cấp các phương pháp tiếp cận lý thuyết tinh tế và bao trùm hơn, nắm bắt sự đa dạng của các quan điểm và kinh nghiệm. Các lý thuyết và định nghĩa đã được thiết lập có những giới hạn nhất định. Thứ nhất, chúng đưa ra những giải thích hạn chế về cách thức mà các tác nhân, cơ sở lý luận và phương thức du học quốc tế tương tác và định hình lẫn nhau. Thứ hai, chúng được dùng chủ yếu để giải thích du học quốc tế thông qua khung lý thuyết trung tâm - ngoại vi, nên không giải thích được động lực khu vực. Chúng tôi coi thách thức này là cơ hội để nghiên cứu trong tương lai để chấp nhận các phương pháp luận đưa nhiều bên liên quan tham gia vào quá trình đồng sáng tạo tri thức để phân tích rõ các khía cạnh đan xen của dòng dịch chuyển sinh viên quốc tế.

Khi phong trào sinh viên ngày càng chịu ảnh hưởng của sự bất an, nghiên cứu học thuật cần chuyển sự chú ý sang việc nắm bắt mối quan hệ giữa địa chính trị, công nghệ và tác nhân con người trong du học quốc tế. Các cuộc khủng hoảng tị nạn và khí hậu, cùng với trật tự thế giới đang thay đổi, định hình lại kỳ vọng và ý nghĩa của xã hội đối với du học quốc tế. Vào buổi bình minh của cách mạng trí tuệ nhân tạo, một số học giả đã thảo luận về kịch bản thế giới lưỡng cực, nhưng lịch sử hiếm khi lặp lại. Do đó, chúng tôi đề xuất giữ thái độ phê



phán đối với tư duy phân cực bằng cách khảo sát các biến động có thể xảy ra trong trật tự thế giới và tác động tiềm tàng của chúng đến xu hướng cũng như cấu trúc dịch chuyển toàn cầu.

Nhìn chung, xu hướng, dòng chảy và quỹ đạo du học quốc tế đang trải qua quá trình chuyển đổi liên tục, vì hệ sinh thái xung

quanh nó được định hình bởi động lực địa chính trị, quan hệ quốc tế, chính sách cấp quốc gia và năng lực chủ thể đa dạng của sinh viên. Trong bối cảnh đó, bắt buộc phải nghiên cứu sâu hơn để hiểu được tác động tiềm tàng của các yếu tố vĩ mô đến trải nghiệm của từng sinh viên.

## Giá trị du học vượt ngoài lợi ích thị trường lao động

**Georgiana Mihut**

*Georgiana Mihut là Phó Giáo sư tại Đại học Warwick, Vương quốc Anh.*

*Email: Georgiana.Mihut@warwick.ac.uk.*

Khi sinh viên đi du học, họ có được sự hiểu biết sâu sắc hơn về người khác và đóng góp vào lợi ích công cộng. Tuy nhiên, giá trị của việc du học thường được biện minh không phải từ khía cạnh chấp nhận sự khác biệt, mà từ những lợi ích mà nó mang lại cho thị trường lao động. Nhưng nghịch lý là ngày càng có nhiều nghiên cứu cho thấy lợi ích nghề nghiệp ít hơn đối với những người đi du học. Điều này đặt ra câu hỏi về cách chúng ta đánh giá, quảng bá và thúc đẩy giá trị của việc du học và về các kế hoạch nghiên cứu liên quan.

**V**iệc nhấn mạnh vào lợi ích nghề nghiệp để minh chứng cho giá trị của việc du học - thay vì lợi ích công - có ba ưu thế: tính nhất quán, tính bổ sung và được chấp nhận rộng rãi bất kể khác biệt về tư tưởng. Trước tiên, lập luận này phù hợp với diễn ngôn về vốn con người và khả năng tìm việc làm mà các bên liên quan trong giáo dục đại học vẫn thường nghe: Người tốt nghiệp đại học được thị trường lao động đánh giá cao và được trả lương cao hơn. Việc khẳng định rằng du học

được đánh giá cao bởi nhà tuyển dụng, do đó được thị trường lao động tưởng thưởng dễ dàng phù hợp với hệ thống lý luận sẵn có về lợi ích (cá nhân) của giáo dục đại học.

Thứ hai, lập luận về khả năng tìm việc cũng cho phép du học trở nên khác biệt so với giáo dục trong nước, bởi nó đem lại cho sinh viên những kỹ năng và dấu hiệu đặc thù. Những kỹ năng bổ sung mà sinh viên du học đạt được bao gồm

năng lực giao thoa văn hóa và khả năng sử dụng ngôn ngữ nước ngoài. Bản thân trải nghiệm du học cũng có thể được xem là một dấu hiệu bổ sung giúp ứng viên nổi bật trong quá trình tuyển dụng giữa nhiều ứng viên có trình độ tương đương. Chính các kỹ năng và dấu hiệu này được xem là cơ chế mang lại giá trị gia tăng về mặt nghề nghiệp cho những người du học.

Cuối cùng, việc biện minh cho du học trên cơ sở lợi ích thị trường lao động có khả năng thu hút sự đồng thuận từ nhiều hệ tư tưởng khác nhau về mặt chính sách. Cách tiếp cận này cho phép các chính phủ với các định hướng khác như Trung Quốc, Na Uy, Ả Rập Saudi và Vương quốc Anh - tài trợ cho các chương trình du học. Tất nhiên, ở cấp độ chính sách, lý do đi du học phức tạp hơn nhiều, bao gồm cả yếu tố kinh tế - xã hội và địa chính trị, và khác nhau tùy theo quốc gia. Một số chính phủ tài trợ cho cả sinh viên quốc tế đến và sinh viên trong nước đi du học (ví dụ: Trung Quốc, Na Uy, xứ Wales và Liên minh châu Âu thông qua chương trình Erasmus+), trong khi các nước khác chỉ tập trung hỗ trợ sinh viên trong nước ra nước ngoài (ví dụ: Vương quốc Anh, sau khi triển khai chương trình Turing).

Ngay cả đối với các chính phủ đang tích cực thu hút sinh viên quốc tế (như Trung Quốc, Rumani và xứ Wales), một phần mục tiêu vẫn là thu hút nhân tài để phục vụ cho thị trường lao động trong nước.

**Tuy nhiên, để tiếp tục bảo vệ giá trị của du học - trong bối cảnh lợi ích nghề nghiệp không rõ ràng - chúng ta cần nhấn mạnh lại vai trò đóng góp của việc du học cho lợi ích công.**

#### Vấn đề là gì?

Có hai mối quan ngại chính khi biện

minh cho giá trị của du học dựa trên tác động tới thị trường lao động. Thứ nhất, cách tiếp cận này làm lu mờ giá trị chuyển hóa và lợi ích công mà du học có thể mang lại. Thứ hai - trọng tâm của bài viết này - là cách biện minh đó có phần sai lệch. Các nghiên cứu nghiêm ngặt gần đây, bao gồm một số bài tổng quan hệ thống, cho thấy lợi ích nghề nghiệp nhỏ và không rõ ràng của việc du học. Khi tính đến sự khác biệt về đặc điểm cá nhân giữa sinh viên chọn đi du học và sinh viên không đi du học, hiệu ứng tích cực lại càng giảm đi. Lợi ích nghề nghiệp kết hợp chủ yếu chỉ thấy ở những người tốt nghiệp làm việc cho các công ty đa quốc gia lớn và sinh viên ở một nhóm quốc gia. Cũng có vẻ là các nhà sử dụng lao động không thực sự ưu ái ứng viên đã học ở nước ngoài trong quá trình tuyển dụng. Những khoảng trống vẫn còn tồn tại trong hiểu biết của chúng ta về lợi ích của thị trường lao động liên quan tới việc du học, đặc biệt là ở các quốc gia có thu nhập thấp và trung bình. Vì vậy nói rằng du học sẽ dẫn đến những cơ hội việc làm tốt hơn cho sinh viên là thiếu cơ sở. Do đó, cần thiết phải biện minh cho giá trị của du học từ những nền tảng phi thị trường lao động.

#### Giá trị của du học là gì?

Bên cạnh các lợi ích cá nhân, giá trị của du học nằm ở khả năng đóng góp cho lợi ích chung, như xây dựng lòng tin giữa con người với nhau và thúc đẩy tinh thần công dân toàn cầu. Cách tiếp cận tập trung vào lợi ích công cũng cho phép làm nổi bật các lợi ích cá nhân phi tài chính, như hạnh phúc, học hỏi và trải nghiệm biến đổi bản thân. Khi nhấn mạnh đến giá trị vì lợi ích công, chúng ta cũng có thể tạo ra nhiều hơn những cơ hội và trải nghiệm du học thực sự mang lại lợi ích cho xã hội.

#### Việc nghiên cứu có thể hỗ trợ tầm nhìn này như thế nào?

Một số bằng chứng cho thấy du học có thể

thúc đẩy lòng tin, sự tham gia chính trị và cảm giác hạnh phúc, từ đó đóng góp cho lợi ích công. Tuy nhiên, vẫn còn rất ít nghiên cứu đặt ưu tiên vào hướng nghiên cứu này. Cần có thêm nghiên cứu để hiểu rõ hơn việc du học có đóng góp gì và như thế nào cho lợi ích công. Đồng thời, cũng cần can thiệp để kiểm nghiệm những cách thức tạo ra được nhiều kết quả công ích hơn từ việc du học. Khi nghiên cứu về chủ đề này, chúng ta cần xét đến thực tế rằng sự bất bình đẳng vẫn tồn tại trong việc tiếp cận đến, trải nghiệm trong và kết quả sau du học. Vì vậy, khi đánh giá tác động của du học, cần sử dụng các phương pháp

nghiên cứu bán thực nghiệm để kiểm soát yếu tố tự lựa chọn của sinh viên.

Khi chủ nghĩa dân tộc, xu hướng bài quốc tế và sự phi nhân hóa ngày càng gia tăng cả trong và giữa các quốc gia, tầm quan trọng của du học càng trở nên rõ rệt. Tuy nhiên, để tiếp tục bảo vệ giá trị của du học - trong bối cảnh lợi ích nghề nghiệp không rõ ràng - chúng ta cần nhấn mạnh lại vai trò đóng góp của việc du học cho lợi ích công. Một chương trình nghiên cứu nghiêm túc là điều cần thiết để hiểu rõ và thúc đẩy vai trò này.

## Giáo dục đại học đang bị chỉ trích: Chính sách công bằng trong một thế giới phân cực

**Jamil Salmi**

*Jamil Salmi là Giáo sư danh dự về chính sách giáo dục đại học tại Đại học Diego Portales, Santiago, Chile. E-mail: jsalmi@tertiaryeducation.org.*

Các trường đại học đã phải đối mặt với làn sóng phản ứng dữ dội đặc biệt chống lại việc thúc đẩy công bằng trong tiếp cận và thành công trong giáo dục đại học trong những năm gần đây, ngay cả ở các quốc gia có truyền thống dân chủ lâu đời. Bài viết này phân tích các hình thức và hậu quả của phản ứng dữ dội này và phác thảo loại hình nghiên cứu cần thiết để theo dõi tác động của các biện pháp và hành động nhằm tiếp tục thúc đẩy công bằng và hòa nhập trong giáo dục đại học.

**T**rên khắp thế giới, nhiều người trẻ phải đối mặt với những hoàn cảnh khó khăn ngoài tầm kiểm soát của chính họ do bị phân biệt đối xử về mặt chủng tộc, giới tính, khuynh hướng tính dục, nguồn gốc địa lý, hoàn cảnh kinh tế xã hội hoặc các thuộc tính khác, làm ảnh

hưởng nghiêm trọng đến cơ hội giáo dục của họ. Ở cấp độ đại học, họ phải đối mặt thêm với những rào cản liên quan đến chi phí học tập, thiếu vốn xã hội, hành trang học thuật chưa đầy đủ, động lực thấp và không tiếp cận được tới thông tin về triển vọng thị trường lao động.

Sau nhiều thập kỷ nỗ lực không ngừng nghỉ để cải thiện sự công bằng trong việc tiếp cận và thành công trong giáo dục đại học, các trường đại học đột nhiên bị chỉ trích. Năm 2022, chính quyền Afghanistan do Taliban lãnh đạo đã cấm tất cả sinh viên nữ tiếp cận giáo dục đại học. Tại Hungary, chính phủ đã thu hồi việc kiểm định các chương trình nghiên cứu về giới tại tất cả các trường đại học vào năm 2018 và ngừng tài trợ cho các chương trình này. Từ năm 2022, tiểu bang Florida của Hoa Kỳ đã thông qua các dự luật cấm các trường đại học và cao đẳng công lập chi tiền cho các chương trình công bằng và hòa nhập, hạn chế quyền tự do học thuật và xóa bỏ các chương trình xã hội học, lịch sử người da đen và nghiên cứu về giới. Các biện pháp này đã dẫn đến việc kiểm duyệt sách giáo khoa và cấm hàng trăm cuốn sách trong thư viện.

Đây chỉ là ba ví dụ minh họa cho làn sóng phản ứng dữ dội đặc biệt đối với các chương trình công bằng trong giáo dục đại học trong những năm gần đây, ngay cả ở những quốc gia có truyền thống dân chủ lâu đời. Trong khi Hoa Kỳ là trường hợp rõ ràng nhất, đặc biệt là sau khi Tòa án Tối cao bãi bỏ hoàn toàn chính sách ưu tiên tuyển sinh dựa trên sắc tộc vào tháng 6/2023 và phá bỏ một cách có hệ thống các chương trình đa dạng, công bằng và hòa nhập, đầu tiên là ở các tiểu bang Cộng hòa và hiện nay là trên toàn quốc sau khi Trump tái đắc cử, thì sự thù địch chính trị đối với chương trình nghị sự về công bằng và hòa nhập đã lan rộng đến nhiều nơi trên thế giới.

Sự đảo ngược chống lại các chính sách thúc đẩy công bằng đã diễn ra dưới nhiều hình thức: loại trừ các nhóm mục tiêu (phụ nữ, LGBTIQ+, thành viên các nhóm dân tộc thiểu số và sinh viên thu nhập thấp), xóa bỏ các biện pháp thúc đẩy công bằng, cấm các khóa học, kiểm duyệt và cấm sách. Tương tự như cách mà Thượng nghị sĩ McCarthy sử dụng

mối đe dọa của chủ nghĩa cộng sản để thanh lọc các trường đại học ở Hoa Kỳ khỏi những người bị nghi là cộng sản vào đầu những năm 1950, thuật ngữ "thức tỉnh" đã trở thành một khẩu hiệu tiêu cực biện minh cho việc loại bỏ các cơ hội dành cho sinh viên từ các nhóm thiệt thòi và việc lên án những học giả đang nghiên cứu các vấn đề công lý xã hội không chỉ ở Hoa Kỳ mà còn ở Úc, Pháp, Đức, Hungary, Ba Lan và Vương quốc Anh.

**Có lẽ chiến lược phù hợp nhất để ngăn chặn phản ứng dữ dội chống lại các chính sách công bằng là xây dựng và phổ biến một tập hợp bằng chứng mạnh mẽ để giải thích vì sao công bằng và hòa nhập là điều không thể thiếu để duy trì các trường đại học chất lượng cao trong các xã hội dân chủ.**

Mặc dù phạm vi và mức độ nghiêm trọng của các hạn chế rất khác nhau giữa các quốc gia, nhưng thật khó hiểu khi chứng kiến sự hội tụ của các chính sách giáo dục đại học được theo đuổi bởi Taliban ở Afghanistan, các giáo sĩ Hồi giáo ở Iran, thủ tướng Hungary và đảng Cộng hòa ở Hoa Kỳ với các đảng viên ngưỡng mộ Viktor Orbán một cách không giấu diếm. Có sự liên kết rõ ràng giữa các hành động nhắm vào các trường đại học ở Hungary và luật của Thống đốc DeSantis chống lại việc thúc đẩy công bằng ở Florida. Cũng có thể tìm thấy một mối liên hệ trực tiếp giữa chính sách chống người đồng tính của một số quốc gia châu Phi và ảnh hưởng của các nhà thờ truyền giáo từ Hoa Kỳ, những người đã hỗ trợ họ hàng triệu đô la, cùng với Chính phủ Nga.

Bên cạnh bản chất loại trừ của các biện pháp được áp dụng để chống lại các chương trình thúc đẩy công bằng cho các nhóm bị ảnh hưởng trực tiếp, phản ứng dữ dội này còn tác động tiêu cực đến

giáo dục đại học dưới hình thức tấn công vào quyền tự do học thuật, giảm quyền tự chủ của tổ chức, mất tính độc lập của các cơ quan kiểm định, bầu không khí sợ hãi trong cộng đồng học thuật và sự thù địch vô độ của các chính trị gia đối với các trường đại học.

Nhìn về phía trước, điều quan trọng là phải theo dõi xem các hệ thống và tổ chức giáo dục đại học phục hồi như thế nào sau phản ứng dữ dội hiện nay đối với các chính sách thúc đẩy công bằng. Ở những quốc gia vẫn được quản lý theo pháp quyền, việc sử dụng các quy trình dân chủ là cách hiệu quả nhất để đảo ngược hậu quả tiêu cực của phản ứng dữ dội chống lại công bằng. Những thay đổi của Chính phủ năm 2023 ở Brazil và Ba Lan có nghĩa là các chương trình nghị sự chống LGBT và phản đối nghiên cứu giới đã bị từ bỏ. Một lựa chọn khác là yêu cầu tuân thủ các cam kết về luật pháp quốc tế và tuân thủ các nguyên tắc dân chủ làm nền tảng cho các chính sách thúc đẩy công bằng. Các trường đại học cũng có thể tìm ra những cách gián tiếp để vượt qua các rào cản tiếp cận khi chính sách ưu tiên tuyển sinh dựa trên sắc tộc bị cấm, ví dụ như bằng cách sử dụng các biện pháp thay thế như thu nhập và các dấu hiệu phục hồi để xác định và hỗ trợ những sinh viên kém may mắn.

Có lẽ chiến lược phù hợp nhất để ngăn chặn phản ứng dữ dội chống lại các chính sách công bằng là xây dựng và phổ biến một tập hợp bằng chứng mạnh mẽ để giải thích vì sao công bằng và hòa nhập là điều không thể thiếu để duy trì các trường đại học chất lượng cao trong các xã hội dân chủ. Trong khi các cuộc tấn công chống lại công bằng là mang tính ý thức hệ và thường dựa vào sự trình bày sai lệch và không chính xác, nghiên cứu học thuật về tác động của các chương trình thúc đẩy công bằng phải giữ thái độ khách quan để chứng minh những nỗ lực này có thể sửa chữa những bất công trong quá khứ và xóa bỏ sự chênh lệch hiện tại trong khả năng tiếp cận và thành công như thế nào.

Các quốc gia dân chủ đã cho phép "cảnh sát tư tưởng" can thiệp vào quyền tự do học thuật và đặt ra các hạn chế đối với các chương trình thúc đẩy công bằng trong giáo dục đại học nên suy ngẫm về nhận định sâu sắc mà Bertrand Russell đã từng đưa ra khi ông được hỏi chủ nghĩa phát xít bắt đầu như thế nào: "Đầu tiên, họ mê hoặc những kẻ ngốc. Sau đó, họ bịt miệng những người thông minh".



## Công bằng trong giáo dục đại học: Một công trình chưa hoàn thành

N.V. Varghese

N.V. Varghese là Giáo sư thỉnh giảng danh dự tại Viện Công nghệ Bombay và nguyên Giám đốc Học viện Kế hoạch và Quản lý Giáo dục Quốc gia (NIEPA), New Delhi, Ấn Độ. Email: nv.varghese@niepa.ac.in.

Công bằng là mối quan tâm toàn cầu và là cam kết quốc gia. Nhiều chính sách công bằng đã thành công trong việc cải thiện khả năng tiếp cận giáo dục đại học cho các nhóm yếu thế, nhưng hiệu quả của chúng trong việc nâng cao chất lượng học tập và kết quả tốt nghiệp cần được kiểm chứng thực nghiệm. Thách thức nằm ở việc đảm bảo cho các chiến lược của trường mở rộng việc hỗ trợ học thuật và đưa ra sáng kiến phát triển các khuôn viên hòa nhập. Những thay đổi chính sách gần đây cho thấy cuộc chiến vì công bằng trong giáo dục đại học cần phải kiên quyết và bền bỉ hơn.

Sự bất bình đẳng đã trở thành mối quan tâm chính trong các cuộc thảo luận về chính sách công trong những thập kỷ gần đây. Mặc dù trước đây, các cuộc thảo luận thường tập trung vào bất bình đẳng thu nhập, nhưng trọng tâm đã dần dần và đều đặn chuyển sang bất bình đẳng xã hội.

Nghiên cứu thực nghiệm đã chỉ ra mối quan hệ chông chéo giữa thu nhập và giáo dục. Trên thực tế, giáo dục đã nổi lên như một biến số quan trọng nhất giải thích cho sự chênh lệch tiền lương giữa các cá nhân. Người ta cũng thấy giáo dục có tác động lâu dài đến thu nhập, sự dịch chuyển giữa các thế hệ, sự thiệt thòi tích lũy và bất bình đẳng dai dẳng giữa các thế hệ. Do đó, chống lại nghèo đói về giáo dục đã trở thành một lĩnh vực ưu tiên để đảm bảo công bằng. Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDG) 4 và 10 của Liên Hợp Quốc, cùng với cam kết toàn cầu “không bỏ ai lại phía sau”, đã trở thành lời hứa cốt lõi mang tính chuyển đổi của chương trình nghị sự 2030.

### Mở rộng, đa dạng hóa và công bằng

Việc mở rộng giáo dục đại học mang lại lợi ích cho người nghèo về mặt tiếp cận

giáo dục đại học. Tuy nhiên, mở rộng mà không kèm theo các chính sách công bằng có mục tiêu có thể không có lợi cho những người kém may mắn. Việc đại chúng hóa lĩnh vực này đã làm giảm các chỉ số bất bình đẳng ở bất kỳ nơi nào có chính sách công bằng. Tương tự như vậy, việc đa dạng hóa hệ thống cũng mang lại lợi ích cho những người kém may mắn. Nhiều quốc gia có thu nhập cao đã thành công trong việc đa dạng hóa hệ thống và giảm bất bình đẳng trong tiếp cận giáo dục đại học. Các hệ thống giáo dục đại học ở châu Âu và Hoa Kỳ đã đa dạng hóa trong những năm 1960 và 1970, mang lại lợi ích cho các nhóm yếu thế. Tuy nhiên, lĩnh vực giáo dục đại học ở các nước kém phát triển vẫn kém đa dạng và tương đối mang tính tinh hoa trong những giai đoạn này.

### Chính sách công bằng giữa các quốc gia

Các chiến lược phổ biến nhất được sử dụng để thúc đẩy công bằng là ưu tiên dựa trên hạn ngạch và phân bổ nguồn lực không đồng đều theo hướng có lợi cho những người yếu thế. Chính sách công bằng giữa các quốc gia có thể được phân loại thành ba loại. Loại thứ nhất,

chính sách công bằng dựa trên các tiêu chí xã hội. Các quốc gia có sự đa dạng xã hội rộng rãi thường áp dụng các chính sách tuyển sinh có lợi cho các nhóm yếu thế. Ví dụ, nhiều quốc gia ở châu Á và châu Phi đã tuân theo các tiêu chí xã hội làm cơ sở cho các chính sách công bằng. Loại thứ hai, chính sách công bằng dựa trên các tiêu chí kinh tế. Các quốc gia có chỉ số phân hóa xã hội/ sắc tộc tương đối thấp có xu hướng tuân theo các tiêu chí kinh tế làm cơ sở để thúc đẩy công bằng. Loại thứ ba, chính sách công bằng dựa trên các tiêu chí khu vực. Các quốc gia có mức độ chênh lệch khu vực cao thường tuân theo hạn ngạch địa lý làm cơ sở cho việc tuyển sinh, cũng như thành lập các trường mới.

**Các chính sách công bằng đã thành công trong việc mở rộng giáo dục đại học cho các nhóm yếu thế và giảm bất bình đẳng trong tiếp cận. Tuy nhiên, do thiếu các chương trình hỗ trợ học thuật đầy đủ và các chiến lược thể chế toàn diện, thành công trong tiếp cận vẫn chưa chuyển hóa hoàn toàn thành thành công trong học tập và đầu ra cho thị trường lao động.**

Đôi khi, các quốc gia áp dụng kết hợp các tiêu chí này. Ví dụ, nhiều quốc gia châu Phi có chương trình tài trợ cho sinh viên. Nhiều quốc gia có thu nhập trung bình và cao, cũng như các quốc gia đang trong quá trình chuyển đổi, hỗ trợ sinh viên có hoàn cảnh khó khăn thông qua các khoản tài trợ đặc biệt. Một số quốc gia đã thành lập các tổ chức dành riêng cho các nhóm dân tộc thiểu số và nhóm yếu thế.

Các chính sách công bằng đã thành công trong việc cải thiện khả năng tiếp cận giáo dục đại học cho các nhóm yếu thế.

Tuy nhiên, liệu các chính sách này có tiếp tục thành công khi mở rộng sang lĩnh vực học tập và kết quả tốt nghiệp hay không thì vẫn còn là vấn đề gây tranh cãi.

### **Những thách thức đối với vấn đề công bằng trong giáo dục đại học**

Một số thách thức đã hạn chế tiềm năng của các chính sách công bằng trong việc đạt được những mục tiêu bổ sung nhưng cũng quan trọng không kém này.

Thứ nhất, chủ nghĩa tinh hoa trong giáo dục đại học cản trở sự tiến bộ. Bản chất vị thế của giáo dục đại học khiến cho công bằng và bình đẳng khó mà đạt được. Các trường đại học tinh hoa không mặn mà với việc mở rộng tuyển sinh. Trên thực tế, sinh viên cạnh tranh để giành suất vào những trường tốt nhất và các trường đại học tinh hoa cạnh tranh để giành được những sinh viên giỏi nhất. Tuyển sinh là cuộc cạnh tranh giữa các trường đại học tinh hoa và sinh viên tinh hoa, bỏ lại đằng sau những sinh viên thuộc nhóm yếu thế. Các trường đại học tinh hoa ở Hoa Kỳ và Vương quốc Anh thu hút một bộ phận lớn sinh viên đến từ các nhóm xã hội cao và nhóm thu nhập hàng đầu.

Thứ hai, việc đảm bảo công bằng trong kết quả học tập của sinh viên vẫn còn nhiều thách thức. Nghiên cứu đã chỉ ra tỷ lệ bỏ học cao, kết quả học tập thấp và đầu ra cho thị trường lao động kém ở sinh viên thuộc các nhóm yếu thế. Đường như thành công của các chính sách công bằng nhằm cải thiện khả năng tiếp cận vẫn chưa chuyển thành kết quả học tập tốt hơn. Thách thức trong việc phát triển các chiến lược của trường nhằm cung cấp hỗ trợ học tập và phát triển khuôn viên hòa nhập vẫn là một nhiệm vụ chưa hoàn thành.

Cuối cùng, các chính sách công bằng đã bị đảo ngược trong nhiều bối cảnh, làm

suy yếu phần lớn những tiến bộ đã đạt được cho đến nay. Phán quyết của Tòa án Tối cao Hoa Kỳ vào tháng 6 năm 2023 rằng việc sử dụng yếu tố chủng tộc trong quá trình tuyển sinh là vi hiến - một luật mới được ban hành chống lại các chương trình đa dạng hóa, công bằng và hòa nhập ở Hoa Kỳ và việc hạn chế trợ cấp và hỗ trợ tài chính ở một số quốc gia khác, đều là những ví dụ gây tổn hại đến các chính sách công bằng nhắm vào các nhóm yếu thế.

### **Kết luận**

Các chính sách công bằng đã thành công trong việc mở rộng giáo dục đại học cho các nhóm yếu thế và giảm bất bình đẳng

trong tiếp cận. Tuy nhiên, do thiếu các chương trình hỗ trợ học thuật đầy đủ và các chiến lược thể chế toàn diện, thành công trong tiếp cận vẫn chưa chuyển hóa hoàn toàn thành thành công trong học tập và đầu ra cho thị trường lao động. Hơn nữa, những thay đổi chính sách trong những năm gần đây có thể cản trở những tiến bộ đã đạt được trong lĩnh vực công bằng cho đến nay. Cuộc chiến cải thiện công bằng và xây dựng một hệ thống giáo dục đại học toàn diện cần phải kiên quyết và bền bỉ hơn.

# Hỗ trợ tài chính sinh viên: Một kích cỡ không thể phù hợp cho tất cả

*Ariane de Gayardon*

*Ariane de Gayardon là Trợ lý Giáo sư tại Trung tâm Nghiên cứu Chính sách Giáo dục Đại học (CHEPS), Khoa Tri thức, Chuyển đổi và Xã hội (KiTeS), Đại học Twente, Hà Lan. Email: A.degayardon@utwente.nl.*

Giáo dục đại học đang phải đối mặt với áp lực tài chính do chi phí tăng cao và nguồn ngân sách công hạn hẹp. Mặc dù các khoản trợ cấp và khoản vay sinh viên là những công cụ hỗ trợ tài chính quan trọng, nhưng không một hình thức nào đủ để hỗ trợ sinh viên một cách hiệu quả. Các khoản trợ cấp hỗ trợ sinh viên có thu nhập thấp nhưng lại tốn kém cho chính phủ, trong khi các khoản vay mang tính bền vững nhưng lại gây lo ngại về gánh nặng nợ nần. Hỗ trợ tài chính hiệu quả đòi hỏi sự kết hợp có mục tiêu giữa các khoản vay và khoản trợ cấp. Nghiên cứu trong tương lai nên tìm hiểu cách tối ưu hóa phân bổ việc hỗ trợ, đảm bảo khả năng tiếp cận đồng thời đáp ứng các nhu cầu đa dạng của sinh viên.

Thời thế đang rất khó khăn đối với các cơ sở giáo dục đại học trên toàn thế giới. Chi phí tăng cao do lạm phát, các cuộc khủng hoảng đa dạng và các ưu tiên quốc gia cạnh tranh đã hạn chế nguồn tài trợ công cho giáo dục đại học. Đây là một vấn đề nan giải trong một lĩnh vực vốn từ trước đến nay, và đối với hầu hết các quốc gia vẫn phụ thuộc phần lớn vào nguồn tài trợ công. Bất chấp những cuộc thảo luận về sự khác biệt, hoạt động từ thiện và tinh thần khởi nghiệp, cùng nhiều chủ đề khác, thực tế vẫn rất khắc nghiệt. Ngoài nguồn tài trợ công, nguồn thu đáng tin cậy và bền vững nhất cho giáo dục đại học chính là học phí sinh viên. Do đó, câu chuyện gần đây về tài trợ giáo dục đại học bị chi phối bởi các cuộc tranh luận xoay quanh việc tăng chia sẻ chi phí, tăng học phí và quan niệm giáo dục đại học như là một loại hàng hóa tư nhân.

## Tầm quan trọng ngày càng tăng của việc hỗ trợ sinh viên

Đằng sau tất cả những điều này, một thực tế khác hiện ra: Những người 18 tuổi không thể chi trả hàng ngàn đô la cho việc học và họ không có tài sản riêng. Việc cộng thêm học phí vào chi phí sinh

hoạt vốn đã cao liên quan đến học hành và việc tri hoãn gia nhập (hoàn toàn) vào thị trường lao động tạo ra những bất cân bằng lớn dựa trên nguồn lực gia đình. Chính phủ cần can thiệp bằng cách nào đó để đảm bảo công bằng trong việc tiếp cận và thành công trong giáo dục đại học. Hỗ trợ tài chính cho sinh viên chính là câu trả lời cho những lo ngại này.

Hỗ trợ sinh viên có nhiều hình thức, hai hình thức chính là trợ cấp và tín dụng sinh viên. Trợ cấp là một hình thức hỗ trợ lâu đời. Khoản này không cần trả lại và chủ yếu được trao dựa vào thành tích hoặc nhu cầu. Trợ cấp được ca ngợi là công cụ tài chính đưa ra tín hiệu rõ ràng cho sinh viên, dễ hiểu và hấp dẫn tất cả mọi người. Vì những phẩm chất này, trợ cấp dựa trên nhu cầu có lẽ là công cụ tài chính tốt nhất đối với việc tiếp cận và công bằng, giúp sinh viên có hoàn cảnh kinh tế xã hội thấp có đủ khả năng chi trả cho giáo dục đại học. Tuy nhiên, cái giá trực tiếp của các khoản trợ cấp đối với chính phủ có nghĩa là, ở nhiều quốc gia, các khoản trợ cấp đã không theo kịp chi phí và không còn đủ để trang trải toàn bộ chi phí học tập của sinh viên. Trợ cấp dựa trên thành tích cũng có

thể bị chỉ trích vì chúng có xu hướng được trao cho sinh viên có hoàn cảnh kinh tế xã hội cao, những người được cho là không cần chúng.

Mặt khác, các khoản vay sinh viên lại hấp dẫn các chính phủ vì có triển vọng thu hồi được một phần chi phí phát sinh. Các khoản vay có thể được cung cấp rộng rãi hơn so với các khoản tài trợ với ít mục tiêu và việc trả nợ dựa trên thu nhập được coi là một giải pháp tích cực để giảm bớt gánh nặng cho sinh viên tốt nghiệp. Tuy nhiên, những cuộc thảo luận liên tục về khủng hoảng nợ sinh viên và nỗ lực ở một số quốc gia nhằm giảm nợ và thiết kế lại hệ thống cho vay cho thấy những vấn đề phổ biến liên quan đến các khoản vay sinh viên.

**Một hệ thống hỗ trợ tài chính hiệu quả là một hành động cân bằng, hướng đến mục tiêu và tối đa hóa giá trị. Hệ thống này cần hỗ trợ tài chính toàn diện cho những sinh viên nghèo nhất mà không ngăn cản họ khỏi cơ hội giáo dục đại học.**

**Hướng tới một hệ thống hỗ trợ tài chính cân bằng**  
Vấn đề là một hệ thống hỗ trợ tài chính tốt không thể là kiểu một cỡ mà phù hợp với tất cả mọi người được. Một hệ thống hỗ trợ tài chính hiệu quả là một hành động cân bằng, hướng đến mục tiêu và tối đa hóa giá trị. Hệ thống này cần hỗ trợ tài chính toàn diện cho những sinh viên nghèo nhất mà không ngăn cản họ khỏi cơ hội giáo dục đại học. Hệ thống nên hỗ trợ một phần cho sinh viên thuộc tầng lớp trung lưu, bổ sung vào khả năng đóng góp của gia đình họ, đồng thời cho phép sinh viên thuộc các hoàn cảnh kinh tế xã hội cao chi trả học phí, mang lại nguồn thu

cần thiết cho các trường. Đồng thời, hệ thống này không nên là một công cụ tài chính quá phức tạp đến mức tổn kém chi phí công liên quan đến việc quản lý. Hơn nữa, hệ thống này cũng cần dễ hiểu đối với những sinh viên tương lai đang cân nhắc các lựa chọn của mình.

**Hướng nghiên cứu**  
Nghiên cứu về hỗ trợ tài chính cho sinh viên nên giúp xác định sự cân bằng này. Thay vì so sánh các công cụ hỗ trợ tài chính và đặt các khoản trợ cấp và khoản vay sinh viên cạnh tranh với nhau, cần xem xét chúng như những phần bổ sung cho nhau của một hệ thống hiệu quả. Các khoản trợ cấp và khoản vay sinh viên nên được nghiên cứu cùng nhau, với nhận thức rằng các công cụ hỗ trợ tài chính này không hướng đến cùng một nhóm sinh viên và không phục vụ cùng một mục đích trong toàn bộ hệ thống giáo dục đại học. Hệ thống và sự kết hợp các công cụ này nên cố gắng đáp ứng nhu cầu cụ thể của các sinh viên đang theo học đại học hiện nay.

Một phần quan trọng của nghiên cứu này sẽ là xác định những gì có thể chấp nhận được với các nhóm sinh viên tương lai khác nhau. Liệu các khoản vay sinh viên có hấp dẫn đối với sinh viên thuộc tầng lớp trung lưu như một cách tiếp cận giáo dục đại học với chi phí phải chăng không? Liệu sinh viên xuất thân từ hoàn cảnh kinh tế xã hội thấp có chấp nhận vay tiền để trang trải học phí nhưng để được tiếp nhận trợ cấp chi phí sinh hoạt hơn không? Tất nhiên, vẫn cần phải xác định cách thức quyết định cho sinh viên nào được nhận khoản gì và mức độ cá nhân hóa của các phương pháp tiếp cận hỗ trợ tài chính. Điều này đòi hỏi sự hiểu biết sâu sắc hơn về mối quan hệ giữa gia đình và giáo dục đại học.



## Trung tâm dịch chuyển: Vai trò mới nổi của Nam bán cầu trong tương lai giáo dục đại học

**Marcelo Knobel**

*Marcelo Knobel là Giám đốc điều hành của Học viện Khoa học Thế giới vì sự Tiến bộ của Khoa học ở các nước đang phát triển (TWAS-UNESCO), Trieste, Ý và là Giáo sư tại Đại học Bang Campinas (Unicamp), Brazil. Email: mknobel@twas.org.*

Những quan điểm trong bài viết là của cá nhân tác giả và không nhất thiết phản ánh lập trường của UNESCO.

Bài viết này phân tích sự dịch chuyển của nhân khẩu học và thay đổi trong mô hình sản xuất tri thức đang định vị lại Nam bán cầu - từ vị thế bên lề trở thành trung tâm của giáo dục đại học trong tương lai. Gia tăng dân số trẻ ở châu Phi cùng với sự phát triển của các mạng lưới nghiên cứu tại các nước phương Nam đang làm thay đổi động lực Bắc - Nam truyền thống. Để duy trì sự phù hợp trong bối cảnh dịch chuyển này, các cơ sở giáo dục đại học cần xây dựng những khuôn khổ mới nhằm công nhận và phát huy thế mạnh ngày càng rõ nét của Nam bán cầu.

Các thay đổi về nhân khẩu học, địa chính trị và phương thức sản xuất tri thức đưa giáo dục đại học quốc tế vào một bước ngoặt quan trọng. Hướng đến giữa thế kỷ XXI, có thể thấy rõ động lực Bắc - Nam truyền thống đang chuyển dịch sâu sắc, đòi hỏi sự quan tâm khẩn cấp của lãnh đạo các trường đại học, các nhà hoạch định chính sách và giới nghiên cứu.

### Ý nghĩa của thay đổi nhân khẩu học

Một trong những yếu tố định hình tương lai giáo dục đại học quan trọng nhất hiện nay chính là sự dịch chuyển về nhân khẩu học toàn cầu. Dự báo đến năm 2050, riêng châu Phi sẽ chiếm gần 40% dân số trẻ toàn cầu, trong khi nhiều nước ở phương Bắc đang đối mặt với tình trạng già hóa dân số và tỷ lệ tuyển sinh đại học sụt giảm. Sự dịch chuyển này đang tái cấu trúc nguồn nhân lực cho nền kinh tế tri thức tương lai.

Các trường đại học hàng đầu cần nhận thức rằng nhu cầu và tiềm năng của nhân tài ở Nam bán cầu sẽ là trung tâm của tương lai giáo dục đại học toàn cầu. Các hệ tri thức đa dạng và năng lực đổi mới hiện có tại khu vực này cần được tiếp cận bằng những khuôn khổ linh hoạt, thay vì áp

dụng những mô hình chuyển giao tri thức truyền thống - vốn ngày càng trở nên lỗi thời.

### Chuyển đổi trong sản xuất tri thức

Nam bán cầu ngày nay đã trở thành một lực lượng quan trọng trong hoạt động nghiên cứu và đổi mới toàn cầu. Các quốc gia như Brazil, Ấn Độ, Nigeria và Nam Phi đang triển khai các chương trình nghiên cứu quy mô lớn và tiên phong trong việc phát triển hướng tiếp cận đổi mới để giải quyết các thách thức toàn cầu. Đặc biệt trong các lĩnh vực như thích ứng với biến đổi khí hậu, phát triển bền vững và sức khỏe cộng đồng, các học giả phương Nam cung cấp những góc nhìn mới, có giá trị, trước đây ít được công nhận trong giới học thuật.

Sự phát triển của các mạng lưới nghiên cứu tập trung Nam bán cầu, cùng với làn sóng hợp tác Nam - Nam đang tăng mạnh, đang thách thức các thước đo truyền thống trong đánh giá học thuật. Các trường và viện nghiên cứu hàng đầu cần xem xét lại cách họ đánh giá chất lượng và tác động nghiên cứu, thay vì chỉ dựa vào chỉ số trích dẫn vốn thường thiên vị các quan điểm và ấn phẩm từ Bắc bán cầu.

Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại những rào cản đáng kể: thiếu nguồn tài trợ, hạ tầng nghiên cứu hạn chế và khả năng tiếp cận giới hạn tới các mạng lưới nghiên cứu toàn cầu. Để khắc phục, cần thúc đẩy các hình thức hợp tác có ý nghĩa nhằm đảm bảo rằng tri thức được tạo ra tại Nam bán cầu được công nhận và có cơ hội đóng góp vào hệ tri thức toàn cầu.

**Những trường đại học biết cách lắng nghe và hợp tác hiệu quả với các đối tác phương Nam sẽ có lợi thế trong việc duy trì sự phù hợp và ảnh hưởng trên phạm vi toàn cầu.**

#### **Tăng cường khả năng chống chịu trong bối cảnh bất ổn địa chính trị**

Bối cảnh địa chính trị hiện tại đang gây ảnh hưởng trực tiếp đến giáo dục đại học. Nhiều trường đại học danh tiếng đang chịu áp lực chính trị và ý thức hệ, làm tổn hại đến quyền tự do học thuật, tính tự chủ của trường đại học và cả các giá trị của khoa học. Ở một số quốc gia, các cơ sở giáo dục và giới nghiên cứu đang đối mặt với việc cắt giảm ngân sách, can thiệp chính trị và các hình thức kiểm soát ngày càng gia tăng. Bên cạnh đó, các hình thức dịch chuyển học thuật và hợp tác quốc tế truyền thống cũng đang bị gián đoạn bởi các quy định thị thực mới, cơ chế tài trợ thay đổi và các yếu tố liên kết chính trị phức tạp.

Những thách thức này đòi hỏi sự ứng phó mang tính toàn cầu và phối hợp chặt chẽ, vượt ra ngoài ranh giới địa lý hay thể chế. Đối với các trường đại học mong muốn duy trì vị thế toàn cầu, xây dựng khả năng chống chịu trở nên thiết yếu. Điều này đòi hỏi đa dạng hóa hợp tác quốc tế, tăng cường bảo vệ tự do học thuật và chủ động kết nối với các trung tâm sản xuất tri thức đang nổi lên tại Nam bán cầu.

#### **Hướng nghiên cứu trong tương lai**

Nhìn về phía trước, có bốn hướng nghiên

cứu trọng tâm cần được ưu tiên. Trước tiên, cần phân tích sâu hơn các mô hình sản xuất và lưu chuyển tri thức ở Nam bán cầu để hiểu rõ hơn cách các hệ tri thức khác nhau tương tác và đóng góp vào hệ sinh thái tri thức toàn cầu. Thứ hai, nghiên cứu cách xây dựng quan hệ đối tác công bằng và hiệu quả, giải quyết bất cân xứng quyền lực và thúc đẩy lợi ích chung. Điều này bao gồm việc nghiên cứu các mô hình hợp tác Nam - Nam thành công và rút ra bài học cho giáo dục đại học toàn cầu. Thứ ba, hiểu rõ hơn về tác động của dịch chuyển nhân khẩu học đối với luồng sinh viên quốc tế, phát triển chương trình đào tạo, phương pháp sư phạm, cũng như tiềm năng của công nghệ số trong việc tạo nên các mô hình giáo dục toàn diện và dễ tiếp cận hơn. Và cuối cùng, xác định cách thức duy trì tính toàn vẹn và tự do học thuật trong bối cảnh chịu nhiều áp lực chính trị, đồng thời vẫn đáp ứng được nhu cầu và ưu tiên ở cấp địa phương và khu vực.

#### **Kết luận: Phương Nam là trung tâm, không còn là vùng ngoại vi**

Tương lai của các cơ sở giáo dục đại học sẽ phụ thuộc vào khả năng thích ứng với các thực tế đang thay đổi và năng lực tương tác hiệu quả với các trung tâm tri thức mới. Thành công sẽ đòi hỏi nhiều hơn một chiến lược hợp tác quốc tế truyền thống - các tổ chức cần phát triển những khung hợp tác mới, dựa trên sự công nhận và học hỏi từ Nam bán cầu.

Những trường đại học biết cách lắng nghe và hợp tác hiệu quả với các đối tác phương Nam sẽ có lợi thế trong việc duy trì sự phù hợp và ảnh hưởng trên phạm vi toàn cầu. Tương lai của giáo dục đại học quốc tế sẽ nằm ở khả năng xây dựng các quan hệ đối tác bình đẳng, thực sự tận dụng và tôn vinh sức mạnh đa dạng của mọi bên tham gia. Giáo dục đại học toàn cầu không còn xoay quanh một trục duy nhất - Nam bán cầu đã chuyển từ ngoại vi tiến thẳng vào trung tâm của bức tranh tương lai.

## Hai thách thức đối với giáo dục đại học ở các quốc gia thu nhập thấp và trung bình

**Roberta Malee Bassett và Koen Geven**

*Roberta Malee Bassett là Trưởng nhóm toàn cầu về giáo dục đại học, Ngân hàng Thế giới, Washington DC, Hoa Kỳ. E-mail: rbassett@worldbank.org.*

*Koen Geven là Chuyên gia tư vấn cao cấp về giáo dục đại học, Ngân hàng Thế giới, Washington DC, Hoa Kỳ. E-mail: kgeven@worldbank.org.*

Các nội dung và dữ liệu trong bài viết này trích từ báo cáo giáo dục đại học sắp công bố của Ngân hàng Thế giới.

Từ đầu thế kỷ XXI, số lượng sinh viên theo học đại học đã tăng vọt trên toàn cầu, đặc biệt tại các quốc gia có thu nhập thấp và trung bình. Nhu cầu ngày càng cao đối với giáo dục đại học đặt ra hai thách thức quan trọng cho các nhà hoạch định chính sách: quản lý áp lực gia tăng lên chất lượng đào tạo, sự phù hợp, năng lực quản trị và khả năng tiếp cận công bằng và quản lý tài chính hiệu quả cho toàn ngành. Các giải pháp hiệu quả đòi hỏi đầu tư đáng kể vào cơ sở hạ tầng, đội ngũ giảng dạy, đa dạng hóa hình thức dịch vụ giáo dục, cùng với những cải cách quy định phù hợp.

Từ đầu thế kỷ này, cơ hội tiếp cận giáo dục đại học đã gia tăng mạnh mẽ trên toàn cầu, đặc biệt ở các nước có thu nhập thấp và trung bình. Năm 1990, thế giới có khoảng 52 triệu sinh viên đại học, trong đó 34 triệu (65%) ở những quốc gia thu nhập thấp và trung bình. Đến năm 2020, con số này đã tăng lên 228 triệu, trong đó 173 triệu (76%) đến từ cùng nhóm quốc gia. Dựa trên các xu hướng nhân khẩu học, dự báo đến năm 2040 sẽ có khoảng 447 triệu sinh viên đại học trên toàn cầu, với 365 triệu (82%) ở các quốc gia thu nhập thấp và trung bình.

Sự mở rộng toàn cầu của giáo dục đại học đang tái hiện xu hướng đã từng xảy ra với giáo dục tiểu học và trung học - nay đã gần như phổ cập toàn cầu - và nhiều khả năng sẽ tiếp tục do nhu cầu ngày càng tăng. Giống như ở các quốc gia phát triển, giáo dục đại học tại các nước thu nhập thấp và trung bình cũng thường gắn liền với cơ hội việc làm tốt hơn, mức thu nhập cao hơn, triển vọng hôn nhân tốt hơn và thành tựu học tập cao hơn cho con cái của họ.

### **Hai thách thức quan trọng: Mở rộng và tài chính**

Hai thách thức chính đang và sẽ định hình làn sóng cải cách giáo dục đại học gồm: quản lý sự mở rộng tất yếu của hệ thống và kiểm soát chi phí tài chính phát sinh từ quá trình này.

Về mở rộng, các nhà hoạch định chính sách phải giải quyết hàng loạt áp lực mới liên quan đến chất lượng, sự phù hợp chương trình, năng lực quản trị và tiếp cận công bằng - đặc biệt trong bối cảnh tài nguyên hạn chế. Tình trạng lớp học quá tải, thiếu cơ sở vật chất và đội ngũ giảng dạy quá tải là những thách thức phổ biến mà các trường đại học phải vượt qua để duy trì chất lượng và tính phù hợp trong đào tạo. Đồng thời, sự mở rộng này thường kéo theo các yêu cầu chính trị mới đối với hệ thống giáo dục đại học - vốn có thể buộc các nhà hoạch định phải đưa ra những quyết định đánh đổi khó khăn.

Về tài chính, thách thức nằm ở việc xác định mức độ đầu tư công, phân bổ nguồn lực hiệu quả, và thiết kế cơ chế chia sẻ

chi phí hợp lý giữa nhà nước, sinh viên và gia đình. Hiện nay, các chính phủ ở nhóm nước thu nhập thấp và trung bình đang chi hơn 1.000 tỷ USD (theo sức mua ngang giá năm 2017) cho giáo dục đại học. Nếu tiếp tục duy trì mức chi bình quân đầu sinh viên như hiện tại, ngân sách sẽ phải tăng thêm gần 945 tỷ USD để đáp ứng nhu cầu mở rộng trong tương lai. Và đây là con số ước tính thấp chưa tính đến lạm phát hay các chi phí đầu tư phát sinh. Trong trường hợp chính phủ không thể hoặc không sẵn lòng chi trả phần tăng thêm này, gánh nặng tài chính sẽ chuyển sang các hộ gia đình - kéo theo nhiều hệ lụy về khả năng chi trả và công bằng xã hội.

**Quản lý hiệu quả các vấn đề này - cả về chất lượng lẫn chi phí - có lẽ sẽ là những nhiệm vụ cải cách giáo dục đại học thách thức nhất trong hai thập kỷ tới.**

Giải pháp cho các thách thức trên sẽ không có một công thức chung, mà cần được điều chỉnh linh hoạt tùy theo điều kiện kinh tế, chính trị và xã hội của từng quốc gia. Nhiều nước sẽ cần đầu tư lớn vào cơ sở vật chất như giảng đường, phòng thí nghiệm, thư viện số, cũng như vào đào tạo và tuyển dụng giảng viên. Những cải cách hiệu quả cũng cần điều chỉnh quy định liên quan đến học phí, chính sách hỗ trợ tài chính, và tạo điều kiện cho các nhà cung cấp giáo dục đa dạng tham gia hoặc rút lui khỏi thị trường. Trong tương lai gần, có thể xuất hiện nhiều thử nghiệm về các mô hình tài chính như: học phí miễn phí có mục tiêu, cho vay theo thu nhập và cơ chế hoàn trả linh hoạt. Bên cạnh đó, xu hướng mở rộng vai trò của khu vực giáo dục tư thực nhằm đáp ứng nhu cầu và giảm tải gánh nặng ngân sách công cũng có khả năng sẽ gia tăng. Quản lý hiệu quả các vấn đề này cả về chất lượng lẫn chi phí, có lẽ sẽ là những nhiệm vụ cải cách

giáo dục đại học thách thức nhất trong hai thập kỷ tới.

### **Cần những giải pháp giàu tính bối cảnh**

Điều quan trọng là chúng ta cần tiếp cận những thách thức này với sự cẩn trọng. Dù đã hiểu rõ vấn đề, chúng ta vẫn chưa có đủ bằng chứng để xác định những "phương thuốc" tối ưu. Có nhiều câu hỏi chưa có lời giải đáp mà nghiên cứu, đặc biệt là nghiên cứu chính sách và kinh tế có thể đóng vai trò then chốt trong việc giải quyết.

Về chính sách, cần hiểu sâu hơn về cấu trúc và đặc thù của hệ thống giáo dục đại học tại các nước thu nhập thấp và trung bình. Việc thiết kế cải cách chính sách hiệu quả đòi hỏi dữ liệu tốt và đầy đủ, sự sáng tạo và khả năng thích ứng để đảm bảo phù hợp với từng bối cảnh cụ thể. Ví dụ, cần xác định năng lực thể chế cần thiết để triển khai các mô hình như cho vay theo thu nhập, hoặc phân tích các quy định đối với khu vực giáo dục tư và cách thức họ có thể thoát ra (hoặc không thoát ra) khỏi ảnh hưởng của giáo dục công lập tinh hoa hoặc các cơ sở tư nhân chất lượng thấp.

Về kinh tế, còn nhiều khoảng trống cần lấp đầy. Các nhà kinh tế có thể đóng góp bằng cách nghiên cứu sâu hơn về động lực thị trường giáo dục đại học: làm thế nào nguồn cung có thể thích ứng với nhu cầu ngày càng đa dạng và mở rộng. Ngoài ra, cần phân tích tác động của chính sách học phí và khả năng chi trả đối với các nhóm sinh viên yếu thế, điều này có thể rất khác so với bối cảnh ở các nước giàu.

Bằng cách đặt ra những câu hỏi đúng và đi sâu vào từng bối cảnh cụ thể, chúng ta có thể mở rộng đáng kể hiểu biết hiện tại về giáo dục đại học. Cuối cùng, cần nhớ rằng phần lớn sinh viên đại học trên thế giới hiện đang học trong những hệ thống và cơ sở mà giới nghiên cứu vẫn còn biết rất ít.

## Tương lai tài chính bấp bênh của giáo dục đại học tại Nam bán cầu

**Rebecca Schendel**

*Rebecca Schendel là Phó Giáo sư thực hành và Giám đốc điều hành Trung tâm Giáo dục Đại học Quốc tế, Boston College. E-mail: schendel@bc.edu.*

Nguồn tài trợ bên ngoài từ lâu đã đóng vai trò quan trọng trong việc vận hành hệ thống giáo dục đại học ở nhiều quốc gia có thu nhập thấp và trung bình. Trong bối cảnh nhiều quốc gia đang rút lui khỏi các cam kết viện trợ phát triển - đáng chú ý nhất là Hoa Kỳ - các chính phủ và cơ sở giáo dục hiện đang chịu áp lực lớn trong việc tìm kiếm những nguồn tài chính mới, bền vững hơn. Tuy nhiên, cách thức thực hiện điều này trên thực tế vẫn còn nhiều điều chưa rõ ràng. Việc theo dõi cẩn trọng những tác động của các thay đổi này, cả ngắn hạn lẫn dài hạn, sẽ vô cùng cần thiết.

Tài trợ quốc tế từ lâu đã đóng vai trò thiết yếu trong hệ thống giáo dục đại học ở Nam bán cầu. Sau nhiều năm bị các tổ chức quốc tế và các nhà tài trợ song phương thờ ơ, giáo dục đại học hiện đã trở thành ưu tiên trong hầu hết các chiến lược phát triển quốc gia và nhận được hỗ trợ từ nhiều nguồn tài trợ đa phương, song phương cũng như từ khu vực tư nhân. Trong thời gian gần đây, hình thức tài trợ cho giáo dục đại học cũng trở nên đa cực và phức tạp hơn, với sự xuất hiện của các quốc gia từng là bên nhận viện trợ và các nhà tài trợ tư nhân (như Quỹ MasterCard) trong vai trò mới, ngày càng có ảnh hưởng trong lĩnh vực này.

Nguồn tài trợ bên ngoài hỗ trợ nhiều khía cạnh khác nhau của giáo dục đại học ở các quốc gia có thu nhập thấp và trung bình, với nhiều hình thức: từ học bổng cho sinh viên, đến các chương trình tăng cường năng lực cấp quốc gia hoặc khu vực, cũng như tài trợ hợp tác cho các cơ sở giáo dục thực hiện nghiên cứu chung. Dù xét về tỷ lệ thì tài trợ cho giáo dục đại học chỉ chiếm một phần nhỏ trong tổng thể viện trợ phát triển toàn cầu, nhưng với nhiều quốc gia, đây là nguồn lực đặc biệt quan trọng do khó khăn trong việc huy động ngân sách công, nhất là trong bối cảnh hệ thống giáo dục đại học đang mở rộng nhanh chóng.

Tuy nhiên, hệ sinh thái tài trợ cho giáo dục đại học tại các quốc gia có thu nhập thấp lại rất không đồng đều, với một số nhà tài trợ đóng vai trò vượt trội. Các tổ chức quốc tế và siêu quốc gia như Ngân hàng Thế giới và Liên minh châu Âu có ảnh hưởng đặc biệt lớn, cùng với một số ít nhà tài trợ song phương và tư nhân khác, đang cung cấp tài chính đáng kể cho các cơ sở giáo dục đại học ở châu Phi, Nam Á và Đông Nam Á. Trong những năm gần đây, Hoa Kỳ - cùng với Đức và Nhật Bản - là những quốc gia đóng góp viện trợ song phương lớn nhất cho các cơ sở giáo dục ở Nam bán cầu. Do đó, quyết định của chính quyền Trump vào tháng 01/2025 về việc đóng băng gần như toàn bộ viện trợ phát triển của Hoa Kỳ chắc chắn sẽ tạo ra những tác động sâu rộng đến các hệ thống và cơ sở giáo dục đại học trên toàn thế giới.

Việc viện trợ của Hoa Kỳ đột ngột biến mất đã bộc lộ sự mong manh của ngân sách quốc gia và của các cơ sở giáo dục vốn phụ thuộc quá mức vào viện trợ quốc tế. Nhiều người đã đúng khi cho rằng đây là cơ hội để các hệ thống giáo dục đại học ở Nam bán cầu dần thoát khỏi tình trạng lệ thuộc và có thể chủ động xác định các ưu tiên riêng của mình. Tuy nhiên, thực tế cho thấy các nguồn thay thế cũng không phải không có những hạn chế và thách thức riêng và cũng không có gì đảm bảo



rằng chúng sẽ xuất hiện một cách kịp thời và hiệu quả.

**Việc viện trợ của Hoa Kỳ đột ngột biến mất đã bộc lộ sự mong manh của ngân sách quốc gia và của các cơ sở giáo dục vốn phụ thuộc quá mức vào viện trợ quốc tế.**

Một số tổ chức đa phương có thể sẽ cố gắng lấp đầy phần nào khoảng trống mà Hoa Kỳ để lại, nhưng điều này không chắc chắn, nhất là khi các khoản đóng góp của Hoa Kỳ cho chính các tổ chức quốc tế này cũng đang bị đe dọa trong ít nhất bốn năm tới. Khả năng các tổ chức châu Âu, như Ủy ban châu Âu, đứng ra hỗ trợ cũng không mấy khả quan, do làn sóng dân túy gia tăng trong khu vực và nhu cầu chi tiêu ngày càng lớn ở các lĩnh vực khác - chẳng hạn như quốc phòng. Nếu có bất kỳ khoản hỗ trợ nào mới được triển khai, khả năng cao chúng sẽ đến từ các quốc gia tài trợ mới nổi như Trung Quốc, hoặc từ khu vực tư nhân. Câu hỏi đặt ra là: Các khoản hỗ trợ đó sẽ được thiết kế dưới hình thức nào và các chính phủ/ cơ sở giáo dục nhận viện trợ sẽ có vai trò gì trong việc quyết định cách sử dụng các nguồn lực đó?

Hiển nhiên, giải pháp dài hạn và bền vững nhất vẫn là việc các chính phủ dần giảm phụ thuộc vào viện trợ nước ngoài để phát triển giáo dục đại học. Tuy nhiên, điều này nói dễ hơn làm. Việc tăng chi tiêu công cho giáo dục đại học là một viễn cảnh khó xảy ra ở nhiều nước có thu nhập thấp -

đặc biệt là khi việc Hoa Kỳ đóng băng viện trợ sẽ khiến tổng ngân sách quốc gia của các nước này chịu ảnh hưởng đáng kể. Trong bối cảnh không còn nguồn hỗ trợ từ bên ngoài lẫn ngân sách công, các cơ sở giáo dục đại học sẽ buộc phải tự tìm cách tăng doanh thu - thông qua việc tăng học phí hoặc các hoạt động thương mại hóa - hoặc buộc phải cắt giảm chi phí vận hành, chẳng hạn như giảm hỗ trợ cho các hoạt động ngoài giảng dạy, hoặc tận dụng công nghệ để giảm chi phí quản lý. Dù lựa chọn theo hướng nào, hệ quả đều có thể gây tổn hại nghiêm trọng đến tính công bằng, chất lượng học tập của sinh viên, cũng như năng lực nghiên cứu - những yếu tố then chốt cho sự phát triển dài hạn của quốc gia.

Điều tích cực, nếu có, là hiện nay chúng ta có hiểu biết sâu rộng hơn bao giờ hết về các mô hình tài chính cho giáo dục đại học, nhờ vào làn sóng nghiên cứu phát triển giáo dục đại học trong vài thập kỷ gần đây trên toàn cầu. Kho tri thức này mang đến cho các nhà hoạch định chính sách một cơ hội quý giá để đưa ra các quyết định có căn cứ khi đối mặt với khủng hoảng hiện tại. Tuy nhiên, liệu cơ hội này có được nắm bắt hay không vẫn là một câu hỏi lớn trong thời gian tới. Dù kết quả ra sao, các nhà nghiên cứu vẫn cần tiếp tục theo dõi kỹ lưỡng những thay đổi trong dòng chảy viện trợ quốc tế cho giáo dục đại học. Điều chắc chắn sẽ còn tiếp diễn và đánh giá tác động của chúng đối với các chính phủ và cơ sở giáo dục trên toàn thế giới.

## Xu hướng quốc tế về giáo dục đại học và phát triển bền vững

*Tristan McCowan*

*Tristan McCowan là Giáo sư giáo dục quốc tế, Viện Giáo dục, University College London. E-mail: t.mccowan@ucl.ac.uk.*

Phát triển bền vững đã trở thành một trong những từ khóa nổi bật trong giáo dục đại học những năm gần đây, thúc đẩy hàng loạt chiến lược, sáng kiến và thậm chí là các bảng xếp hạng mới. Tuy nhiên, nền tảng tri thức trong lĩnh vực này vẫn còn nhiều khoảng trống đáng kể. Phần lớn các nghiên cứu hiện nay tập trung vào cải cách chương trình giảng dạy và vận hành cơ sở vật chất, trong khi nhiều thay đổi trong thực tiễn lại mang tính bề mặt. Để giáo dục đại học thực sự phát huy vai trò trong việc ứng phó với khủng hoảng xã hội - môi trường, cần có một sự chuyển đổi sâu sắc hơn trong vai trò tri thức của đại học và trong mối quan hệ của nó với xã hội.

### Một xu thế phát triển với không ít mâu thuẫn

Từ đầu thiên niên kỷ, phát triển bền vững đã trở thành một trong những trục chính chi phối thực tiễn và nghiên cứu giáo dục đại học. Ngày càng nhiều trường đại học sử dụng khung phát triển bền vững - đặc biệt là bộ các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs) của Liên Hợp Quốc được thông qua năm 2015 - như một định hướng cho các hoạt động của mình: từ rà soát hiện trạng, xây dựng sáng kiến mới đến đánh giá tác động. Các bảng xếp hạng và công cụ đánh giá mới như GreenMetric, Bảng xếp hạng Bền vững của QS hay Bảng xếp hạng Tác động (Impact Ranking) của Times Higher Education đã góp phần thúc đẩy xu thế này. Bên cạnh đó, các mạng lưới quốc tế như Sustainable Development Solutions Network và University Leaders for a Sustainable Future cũng đang tích cực thúc đẩy phát triển bền vững trong giáo dục đại học.

Tuy nhiên, xu hướng này không phải không gây tranh cãi. Thuật ngữ "phát triển bền vững" vốn mơ hồ và có thể bị sử dụng theo những cách đi ngược với tinh thần ban đầu - chẳng hạn "phát triển tài chính bền vững" của một tập đoàn hủy hoại môi

trường. Nhiều cơ sở giáo dục cũng bị chỉ trích vì hành vi "tẩy xanh" - quảng bá hình ảnh thân thiện với môi trường nhằm thu hút sinh viên và nâng cao vị thế, thay vì cam kết thực chất. Ngược lại, cũng có những người bác bỏ hoàn toàn chương trình nghị sự này, cho rằng nó mang màu sắc chính trị không phù hợp với một thiết chế học thuật trung lập, rằng đó chỉ là trào lưu nhất thời, hoặc thậm chí là rằng các mối lo ngại về biến đổi khí hậu và những đe dọa sinh thái liên quan đã bị phóng đại quá mức.

### Kho tri thức đang mở rộng, nhưng vẫn thiên lệch

Nghiên cứu trong lĩnh vực này đang gia tăng cùng với mức độ quan tâm trong thực tiễn. Một tổng quan hệ thống do dự án Climate-U thực hiện cho thấy số lượng bài báo đăng trên các tạp chí thuộc Web of Science về phản ứng của đại học trước khủng hoảng khí hậu đã tăng từ chỉ 1 bài/năm (2003-2004) lên 24 bài/năm (2018-2019). Tạp chí quốc tế Sustainability in Higher Education hiện nay cũng dành riêng cho chủ đề này.

Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu vẫn tập trung vào tích hợp phát triển bền

vững vào chương trình giảng dạy và vận hành cơ sở vật chất. Với chương trình học, các bài viết thường mang tính mô tả, ca ngợi những ví dụ truyền cảm hứng quy mô nhỏ, song lại thiếu phân tích sâu về tác động thực tế hoặc điều kiện để nhân rộng. Với vận hành cơ sở, nghiên cứu chủ yếu tập trung vào việc giảm khí thải carbon, rút vốn khỏi ngành nhiên liệu hóa thạch và xây dựng "khuôn viên xanh". Trong khi đó, các khía cạnh quan trọng khác như định hình chương trình nghiên cứu, đóng góp vào diễn ngôn công cộng, hay kết nối với cộng đồng bên ngoài - những phần thiết yếu trong đóng góp của đại học đối với khủng hoảng môi trường - lại ít được quan tâm hơn.

**Hệ thống giáo dục đại học cần đóng vai trò không chỉ là người thể hiện hay thực hiện, mà còn là người kiến tạo và phản biện: tái hình dung lại khái niệm và cách triển khai phát triển bền vững. Đại học cần đi đầu trong các cuộc thảo luận công khai về tương lai của SDGs sau năm 2030, và về các hình thái tổ chức xã hội mới có thể giúp nhân loại cùng sống và phát triển bền vững.**

Hệ thống giáo dục đại học cần đóng vai trò không chỉ là người thể hiện hay thực hiện, mà còn là người kiến tạo và phản biện: tái hình dung lại khái niệm và cách triển khai phát triển bền vững. Đại học cần đi đầu trong các cuộc thảo luận công khai về tương lai của SDGs sau năm 2030, và về các hình thái tổ chức xã hội mới có thể giúp nhân loại cùng sống và phát triển bền vững.

**Định hướng tương lai**

Tóm lại, cả hành động thực tiễn lẫn nghiên cứu về phát triển bền vững trong giáo dục đại học đều đang tăng nhanh. Tuy nhiên, sự chuyển đổi của các cơ sở giáo dục vẫn

còn rất nông. Có năm lĩnh vực cần được chú trọng hơn trong thời gian tới.

Một là, kết nối nội tại: cần hiểu rõ hơn mối liên hệ giữa các hoạt động trong trường đại học - từ giảng dạy, nghiên cứu, vận hành đến kết nối cộng đồng - nhằm tạo ra sự cộng hưởng trong quá trình chuyển đổi. Việc học của sinh viên về phát triển bền vững cần được kết nối với quá trình "học" của chính nhà trường trên hành trình trở thành đại học bền vững.

Hai là, tác động từ môi trường đến đại học: các phân tích hiện nay đều giả định rằng chỉ có tác động từ đại học đến môi trường. Nhưng thực tế, khủng hoảng môi trường ngày càng ảnh hưởng ngược trở lại: từ cháy rừng, lũ lụt, nước biển dâng, thời tiết cực đoan đến những áp lực tài chính.

Thứ ba là, cách tiếp cận nghiên cứu: cần chuyển đổi phương pháp nghiên cứu về khí hậu theo hướng đa ngành, liên ngành và xuyên ngành, với sự đồng kiến tạo tri thức giữa giới học thuật và cộng đồng, đặc biệt là qua đối thoại giữa tri thức khoa học và tri thức bản địa, địa phương.

Thứ tư là, đa dạng hóa tiếng nói toàn cầu: cần thúc đẩy sự đa dạng về tiếng nói, đóng góp và góc nhìn từ các vùng địa lý khác nhau. Khủng hoảng khí hậu và các thách thức phát triển bền vững chỉ có thể được giải quyết thông qua một hệ thống giáo dục đại học mạnh mẽ ở mọi quốc gia và sự hợp tác giữa các hệ thống đó.

Và cuối cùng là vai trò định hình tương lai: đại học cần có vai trò tích cực trong việc phản biện và hình dung lại ý nghĩa và cách triển khai phát triển bền vững. Ngành giáo dục đại học nên đóng vai trò trung tâm trong các cuộc đối thoại toàn cầu về tương lai của SDGs và về các mô hình xã hội giúp loài người tồn tại và phát triển hài hòa với hành tinh.

## Định hình giáo dục đại học châu Phi: Những hướng nghiên cứu trong tương lai

**Wondwosen Tamrat**

*Wondwosen Tamrat là Phó Giáo sư về Giáo dục Đại học, Hiệu trưởng sáng lập Đại học St. Mary's, Ethiopia. Ông điều phối nhóm giáo dục đại học tư thục tại châu Phi dưới sự bảo trợ của Chiến lược giáo dục lục địa của Liên minh châu Phi, CESA, 2016 - 2025.*

*Email: preswond@smuc.edu.et hoặc wondwosentamrat@gmail.com.*

Các mục tiêu phát triển của giáo dục đại học châu Phi nhấn mạnh nhu cầu cần cải cách toàn diện ở nhiều lĩnh vực: từ mở rộng cơ hội tiếp cận, đảm bảo công bằng và chất lượng, đến tài chính, quản trị, hợp tác quốc tế, nghiên cứu - đổi mới sáng tạo và gắn kết cộng đồng. Những thay đổi và định hướng nghiên cứu trong các lĩnh vực trọng yếu này sẽ tạo điều kiện để các trường đại học ở châu Phi đóng góp tích cực vào tiến trình chuyển mình của châu lục, sánh ngang với các khu vực khác trên thế giới.

Giáo dục đại học là chìa khóa trong công cuộc xóa đói giảm nghèo, thúc đẩy khoa học công nghệ và phát triển kinh tế xã hội của châu Phi. Hệ thống này có tiềm năng chuyển đổi lực lượng dân số trẻ đang gia tăng nhanh chóng của lục địa thành một "lợi tức dân số", đồng thời giúp giải quyết hàng loạt thách thức đa dạng mà châu lục đang đối mặt.

Tầm nhìn chung này được phản ánh rõ trong Chương trình nghị sự 2063 của Liên minh châu Phi, với mục tiêu xây dựng một châu lục thịnh vượng, hội nhập và hòa bình - nơi "mọi công dân được giáo dục đầy đủ và có kỹ năng, dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới". Trong tầm nhìn đó, giáo dục đại học giữ vị trí trung tâm của sự chuyển đổi và phát triển. Với hơn 60% dân số là người trẻ, các trường đại học ở châu Phi đóng vai trò quan trọng trong sản xuất tri thức, phát triển kinh tế, chuyển hóa xã hội và tăng cường năng lực cạnh tranh toàn cầu.

### Thực trạng và những thách thức hiện nay

Trong quá khứ, cơ hội tiếp cận giáo dục đại học ở châu Phi chủ yếu giới hạn trong tầng lớp tinh hoa, còn đa số người dân nông thôn, phụ nữ, người khuyết tật và các nhóm thiểu số bị gạt ra ngoài lề. Mặc dù tỷ lệ nhập học đã cải thiện trong ba

thập kỷ qua, nhưng quá trình mở rộng nhanh chóng cũng kéo theo sự xuống cấp về chất lượng đào tạo. Hơn nữa, gia tăng số lượng trường tư và xu hướng tư nhân hóa giáo dục đại học ở nhiều quốc gia châu Phi cũng gây tranh cãi, làm dấy lên lo ngại về thương mại hóa giáo dục và những tác động tiêu cực đi kèm.

Một vấn đề nổi cộm khác là chương trình đào tạo lỗi thời, thiếu gắn kết với thị trường lao động và xã hội. Do vậy, nhiều trường đại học không đào tạo được những sinh viên có tư duy đổi mới, có kỹ năng nghề nghiệp và tinh thần công dân. Các khía cạnh như năng lực việc làm hay tri thức bản địa vẫn chưa được chú trọng đúng mức. Dù đã có một số cải cách chương trình đào tạo và cơ chế đảm bảo chất lượng cấp quốc gia và khu vực, các vấn đề về tiếp cận, công bằng, tính phù hợp của chương trình và chất lượng giảng dạy vẫn là bài toán lớn.

Về mặt quản trị, nhiều trường đại học châu Phi thiếu tự chủ học thuật và quyền tự quyết về tổ chức. Sự can thiệp chính trị, tham nhũng và hệ thống quản trị yếu kém khiến các trường khó hoạt động hiệu quả và kìm hãm tiến bộ trong giảng dạy, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng.

**Tương lai của châu Phi phụ thuộc vào một hệ thống giáo dục đại học có khả năng thích ứng, bao trùm và định hướng đổi mới. Nghiên cứu đóng vai trò trung tâm trong việc mở rộng giới hạn tri thức, cung cấp bằng chứng, xác định giải pháp và định hướng chính sách.**

Ngoài ra, đầu tư vào nghiên cứu và đổi mới sáng tạo của châu Phi còn rất hạn chế - chỉ chiếm khoảng 0,78% GDP, thấp hơn nhiều so với mức trung bình toàn cầu là 1,93%, và chỉ đóng góp chưa tới 1% tổng sản lượng nghiên cứu toàn cầu.

Một vấn đề ngày càng quan trọng là quốc tế hóa và hợp tác học thuật. Tuy nhiên, nhiều mô hình hợp tác hiện nay lại dẫn đến sự lệ thuộc và tái hiện chủ nghĩa thực dân học thuật. Thêm vào đó, tình trạng chảy máu chất xám tiếp tục làm suy giảm nguồn lực nhân lực chất lượng cao trong khu vực.

Đa số các vấn đề nêu trên đều bắt nguồn từ tình trạng thiếu hụt nguồn lực và hạ tầng cơ sở: thiếu giảng viên được đào tạo bài bản, thiếu lớp học, thư viện số, phòng thí nghiệm, nền tảng trực tuyến và đặc biệt là thiếu kinh phí.

### Hướng ưu tiên nghiên cứu

Để duy trì đà tiến bộ và đảm bảo sự phát triển của giáo dục đại học châu Phi, cần ưu tiên nghiên cứu những lĩnh vực có thể củng cố vai trò chuyển hóa và phát triển của hệ thống này đối với toàn châu lục.

Tiếp cận, đa dạng và công bằng sẽ tiếp tục là các chủ đề nghiên cứu cốt lõi. Nghiên cứu cần tập trung vào các giải pháp thu hẹp khoảng cách giới, tăng cường hòa nhập ở nhiều khía cạnh, loại bỏ các rào cản đối với việc học tập, cũng như thúc đẩy giáo dục suốt đời và công nhận kết quả học tập. Điều này không chỉ góp phần mở rộng tiếp cận, mà còn hỗ trợ cho tính linh hoạt và khả năng dịch chuyển học thuật.

Về nội dung đào tạo, cần nghiên cứu các cơ chế cải tiến chương trình, tăng cường kết nối giữa nhà trường và doanh nghiệp, đảm bảo đào tạo gắn với nhu cầu thị trường lao động, đồng thời tích hợp các hệ thống tri thức bản địa vào chương trình học.

Về quản trị và tài chính, cần ưu tiên nghiên cứu tự do học thuật và quyền tự chủ, các mô hình phân cấp, cơ chế tài chính bền vững, và các công cụ nâng cao hiệu quả quản trị và trách nhiệm giải trình. Ngoài ra, cần mở rộng nghiên cứu về vai trò của lãnh đạo đạo đức trong phòng chống tham nhũng.

Liên ngành và phục vụ cộng đồng cũng là trọng tâm quan trọng. Các trường cần thúc đẩy nghiên cứu liên ngành, nghiên cứu ứng dụng gắn kết với cộng đồng để cùng giải quyết các vấn đề toàn cầu như nghèo đói, thất nghiệp, biến đổi khí hậu, khủng hoảng y tế và phát triển bền vững.

Cuối cùng, cần tăng cường nghiên cứu về: tài trợ và hạ tầng cho nghiên cứu; ứng dụng công nghệ mới (AI, học trực tuyến...); đào tạo tiến sĩ và hỗ trợ học giả trẻ; hợp tác trong và ngoài khu vực; dịch chuyển sinh viên, giảng viên và cơ sở đào tạo; hài hòa hóa hệ thống văn bằng và kiểm định chất lượng.

### Kết luận

Tương lai của châu Phi phụ thuộc vào một hệ thống giáo dục đại học có khả năng thích ứng, bao trùm và định hướng đổi mới. Nghiên cứu đóng vai trò trung tâm trong việc mở rộng giới hạn tri thức, cung cấp bằng chứng, xác định giải pháp và định hướng chính sách. Việc giải quyết các ưu tiên nghiên cứu nêu trên là thiết yếu để đảm bảo rằng các trường đại học ở châu Phi vẫn giữ được tính thích ứng, chất lượng và năng lực dẫn dắt các thay đổi xã hội, kinh tế và môi trường trên toàn châu lục.



## Giáo dục đại học tư thực: Mở rộng tri thức

**Daniel C. Levy**

*Daniel C. Levy là Giáo sư xuất sắc tại Khoa Chính sách & Lãnh đạo Giáo dục, State University of New York tại Albany, Hoa Kỳ; Giám đốc PROPHE - Chương trình Nghiên cứu về Giáo dục Đại học Tư thực; tác giả của A World of Private Higher Education (Levy, Oxford University Press). E-mail: dlevy@albany.edu.*

Sự bùng nổ toàn cầu của giáo dục đại học tư thực (PHE - Private Higher Education), với hơn 80 triệu sinh viên - chiếm khoảng một phần ba tổng số sinh viên bậc đại học và gần như hiện diện tại mọi quốc gia, đã tạo nên sự đa dạng và phức tạp vượt bậc trong cấu trúc giáo dục đại học toàn cầu cũng như trong mối quan hệ giữa các bên liên quan. Các nghiên cứu hiện nay đã hé lộ những khía cạnh quan trọng của sự đa dạng này, bao gồm sự so sánh giữa hệ thống công - tư và giữa các cơ sở tư thực với nhau. Bên cạnh việc phổ biến các phát hiện này, việc mở rộng tri thức trong tương lai sẽ phụ thuộc phần lớn vào việc phát triển trực tiếp từ những tiến bộ đã đạt được.

Ngay từ khi International Higher Education ra mắt cách đây 30 năm, giáo dục đại học tư thực đã trở thành một bộ phận đáng kể trong hệ thống giáo dục toàn cầu đang tăng trưởng nhanh chóng, với sự hiện diện ở tất cả các khu vực. Trong ba thập kỷ qua, quy mô của PHE đã tăng vọt lên hơn 80 triệu sinh viên, duy trì tỷ lệ xấp xỉ  $\frac{1}{3}$  tổng số người học đại học trên toàn thế giới và xuất hiện ở hầu hết các quốc gia có từ 10 ngàn sinh viên trở lên. May mắn thay, nghiên cứu đã và đang làm sáng tỏ ngày càng nhiều khía cạnh của thực tế phát triển này.

### Những gì đã được khám phá

Sự phát triển ngoạn mục của giáo dục đại học tư thực chủ yếu diễn ra ở các quốc gia thu nhập thấp và trung bình. Trong khi châu Phi và khu vực Ả Rập có thể vẫn đang trong giai đoạn cất cánh, thì châu Á và Mỹ Latinh là hai khu vực đóng vai trò trọng yếu. Chỉ riêng Ấn Độ đã có tới 23 triệu sinh viên tư thực - so với 5 triệu ở Hoa Kỳ, nơi từng dẫn đầu và hiện đã tụt xuống vị trí thứ tư sau cả Brazil và Trung Quốc. Trong 30 năm qua, giáo dục tư thực cũng tăng trưởng đáng kể ở Tây Âu - từ 1,5 triệu sinh viên (chiếm 12%) lên gần 4 triệu (20%). Hơn nữa, giáo dục tư thực không

ngừng biến đổi về cấu trúc và chức năng. Các nghiên cứu gần đây cho thấy nhiều hình thức mới đã xuất hiện, khác biệt rõ rệt so với các chu kỳ lịch sử chỉ có tính cải tiến.

Tuy có nhiều điểm tương đồng với giáo dục công - chẳng hạn sao chép mô hình cho nhanh và dễ hợp pháp hóa - nhưng giáo dục tư thực vẫn giữ những đặc trưng riêng (như sở hữu bởi tổ chức tôn giáo hoặc gia đình). Ranh giới giữa công - tư cũng bắt đầu mờ nhạt, như học phí tại đại học công hay quy định chặt chẽ áp dụng cho trường tư. Tuy vậy, sự khác biệt về bản chất vẫn rất lớn: từ chương trình đào tạo, phân bổ nguồn lực giữa giảng dạy - nghiên cứu - phục vụ cộng đồng, quan hệ với doanh nghiệp và chính phủ, cơ cấu quản trị, mức độ thể tục hóa, cho đến mô hình tài chính. Rõ nhất là: Đại học công phụ thuộc lớn vào ngân sách nhà nước, trong khi các cơ sở tư thực phụ thuộc nhiều hơn vào nguồn tài chính tư nhân.

**Rõ nhất là: Đại học công phụ thuộc lớn vào ngân sách nhà nước, trong khi các cơ sở tư thực phụ thuộc nhiều hơn vào nguồn tài chính tư nhân.**

Những khác biệt - cũng như điểm giao thoa giữa hai khu vực - được sáng tỏ hơn khi đi sâu vào phân tích bên trong từng hệ thống. Nhờ đó, so sánh công - tư càng trở nên có giá trị. Ví dụ, các dữ liệu ban đầu cho thấy các cơ sở tư thực hoạt động hợp pháp theo mô hình vì lợi nhuận có xu hướng tách biệt hơn với khu vực công - đặc biệt về cơ cấu chương trình đào tạo. Một thành quả đáng kể khác là việc phân loại ngày càng chính xác các phân khúc trong hệ thống PHE vốn ngày càng đa dạng. Có thể nhận diện nhóm cơ sở "định danh" - chủ yếu mang màu sắc tôn giáo, giới tính hoặc dân tộc - cùng với các thách thức và điểm mạnh của họ. Đồng thời, các cơ sở tư thực "tinh hoa" đang trở dậy nhanh chóng, dù các đại học tư đẳng cấp thế giới đến nay vẫn gần như chỉ có ở Hoa Kỳ. Bên cạnh đó, phần lớn PHE vẫn bao gồm các cơ sở không thuộc nhóm tinh hoa, có thể chia thành những trường đơn thuần "đáp ứng nhu cầu" - đôi khi có dấu hiệu trục lợi - và những trường cung cấp chương trình tập trung vào thị trường việc làm. Chúng ta cũng đang hiểu rõ hơn khu vực nào có nhiều cơ sở dạng phi lợi nhuận hoặc vì lợi nhuận - nhất là trong nhóm không tinh hoa.

### **Định hướng nghiên cứu**

Vậy làm thế nào để nâng cao hiểu biết về giáo dục đại học tư thực? Một chương trình nghiên cứu bài bản cần bao quát nhiều khía cạnh. Ngoài nỗ lực thu thập dữ liệu tuyển sinh của các chính phủ và UNESCO, cần mở rộng thu thập dữ liệu về tài chính, quản trị, chương trình đào tạo và các chỉ số hoạt động khác. Các tổ chức khu vực - đặc biệt tại các nước đang phát triển - có thể rút ngắn khoảng cách với những tổ chức đồng cấp tại các nước phát triển.

Giới nghiên cứu xã hội nên đóng góp thêm vào lĩnh vực này bằng cách ứng dụng các

khái niệm và phương pháp của ngành mình. Các nghiên cứu về giáo dục tư cũng có thể học hỏi từ các nghiên cứu tốt nhất về giáo dục công. Các chương trình đào tạo sau đại học về khoa học xã hội và giáo dục nên khuyến khích sinh viên nghiên cứu lĩnh vực tư thực - vốn thường bị bỏ qua.

Đa số các nghiên cứu thực nghiệm đều có thể mở rộng sang lĩnh vực chính sách và đề xuất giải pháp. Tất cả những bước đi này - cùng với vô số hướng nghiên cứu khác - đều có thể đóng góp thiết thực vào việc mở rộng tri thức về giáo dục đại học tư thực.

Tuy nhiên, giữa vô vàn cơ hội, có một chuẩn mực học thuật căn bản cần được nhấn mạnh - nhưng lại thường bị bỏ qua khi nói đến PHE: đọc trước khi viết. Như đã trình bày, trong 30 năm qua, nhiều điều quan trọng đã được phát hiện. Các xu hướng chung đã được xác định, bên cạnh những ngoại lệ. Các khái niệm đã được xây dựng và ứng dụng ở nhiều bối cảnh khác nhau, tạo thuận lợi cho nghiên cứu so sánh. Ít nhất về mặt dữ liệu tuyển sinh, chúng ta đã có những bộ dữ liệu toàn cầu và khu vực tương đối vững chắc.

Điều này không đồng nghĩa với việc rập khuôn cách tiếp cận cũ, nhưng nó cho thấy tầm quan trọng của việc kế thừa tri thức đã có: hiểu, mở rộng, phê bình, tranh luận và điều chỉnh khi cần thiết. Những nghiên cứu có chiều sâu như vậy có thể không phổ biến bằng các báo cáo mô tả đơn lẻ kiểu "giáo dục đại học tư thực ở quốc gia X", nhưng chúng đang góp phần tạo ra một hệ tri thức có chiều sâu và sức lan tỏa. Một ví dụ tiêu biểu là loạt sách của Routledge có tên *The Global Realities of Private Higher Education* (Thực tiễn toàn cầu về giáo dục đại học tư thực) đang được phát hành.

## Giáo dục đại học tư thực đang làm thay đổi cục diện

**Elizabeth Buckner**

*Elizabeth Buckner là Phó Giáo sư Giáo dục Đại học, Viện Nghiên cứu Giáo dục Ontario (OISE), Đại học Toronto, Canada và là Chủ nhiệm Nghiên cứu Canada cấp độ 2 về Giáo dục Đại học vì Phát triển Bền vững Toàn cầu. Email: elizabeth.buckner@utoronto.ca*

Sự trỗi dậy của giáo dục đại học tư thực (PHE - Private Higher Education) đã làm thay đổi cục diện giáo dục đại học toàn cầu. Dù phát triển mạnh mẽ, giáo dục tư vẫn là một chủ đề gây tranh cãi - thường bị xem là kém chất lượng, thiên về lợi nhuận. Tuy nhiên, các trường đại học tư thực vẫn đang thực hiện những vai trò quan trọng ở cấp quốc gia, như mở rộng cơ hội tiếp cận, hỗ trợ sự dịch chuyển xã hội, hoặc cung cấp những mô hình giáo dục khác biệt. Bài viết này kêu gọi giới học thuật quan tâm sâu hơn đến giáo dục tư như một lăng kính để soi chiếu các cuộc tranh luận rộng lớn hơn trong hệ thống giáo dục đại học.

**T**rong bốn thập kỷ qua, giáo dục đại học tư đã phát triển mạnh mẽ, hiện chiếm khoảng 1/3 tổng số sinh viên đại học toàn cầu. Sự phát triển này đặc biệt mạnh mẽ tại các nước phương Nam, nơi tư nhân hóa góp phần thúc đẩy mở rộng quy mô. Ở những quốc gia này, các đại học tư thường khác biệt đáng kể so với đại học công lập. Mô hình phổ biến toàn cầu là những trường tư đáp ứng nhu cầu số đông, thành lập sau năm 1990, tập trung vào giảng dạy, và hoạt động vì lợi nhuận - điều này thường đồng nghĩa với tiêu chuẩn tuyển sinh và học thuật thấp hơn.

Tuy nhiên, ngoại trừ một số trường hợp ngoại lệ, giáo dục tư thực hiếm khi được công nhận là có chất lượng hay tính chính danh ngang với đại học công. Trong các tranh luận chính sách, giáo dục tư thường bị coi là "cần thiết nhưng không đáng tin cậy". Cần thiết vì nó cung cấp cơ hội học tập mà khu vực công không thể hoặc không muốn đảm nhận; nhưng không đáng tin vì thiếu sự kiểm soát và minh bạch. Khác với đại học công lập vốn được sở hữu và vận hành bởi nhà nước, nhận một phần kinh phí từ ngân sách công, các đại học tư chủ yếu dựa vào học phí và vận hành theo logic thị trường. Trong trường hợp tệ nhất, chúng trở thành sản phẩm "săn mồi" mang tính thương mại - bán tấm bằng cho bất kỳ

ai sẵn sàng trả tiền mà không cần học tập nghiêm túc. Một số còn bị coi là lừa đảo: tạo ra lợi nhuận cho nhà đầu tư, khai thác khát vọng học tập và dịch chuyển xã hội của người học, nhưng để lại cho họ những tấm bằng vô dụng và khoản nợ lớn.

### Giáo dục tư: Vùng xám giữa lý tưởng và thực tế

Thực tế, phần lớn đại học tư vận hành trong một vùng xám - không hoàn toàn tiêu cực, cũng không hoàn toàn lý tưởng như công lập. Thông thường, các trường tư nhỏ hơn, ít ngành đào tạo hơn, yêu cầu tuyển sinh thấp hơn. Giảng viên thường có ít kinh nghiệm hơn và đảm nhận nhiều giờ giảng dạy hơn. Các trường này thường tạo ra một mức lợi nhuận nhất định cho người sáng lập. Chúng hiếm khi là trung tâm nghiên cứu hàng đầu hay đào tạo tinh hoa.

**Chừng nào ta còn nhìn nhận giáo dục tư như một hình thức giáo dục "hạng hai", không thể tin tưởng trong việc phục vụ lợi ích công, ta sẽ bỏ qua vai trò thực sự mà khu vực này đang và có thể đảm nhiệm - từ phát triển kinh tế, tạo cơ hội dịch chuyển cá nhân đến duy trì đa dạng tư tưởng trong xã hội.**

Dù vậy, giáo dục tư vẫn đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ cả mục tiêu cá nhân lẫn quốc gia. Chúng giúp sinh viên có được tấm bằng và mở ra các con đường cho tương lai - như việc làm, di cư, hoặc học tiếp lên cao. Đôi khi, trường tư cung cấp các lựa chọn mà nhà nước không thể hoặc không muốn cung cấp, như giáo dục tôn giáo hoặc môi trường học tập gần gũi, gần gũi phù hợp với người học không thể thích nghi với đại học lớn. Ngoài ra, một số trường tư cũng là nơi thử nghiệm các mô hình giảng dạy mới. Ở một số quốc gia, đầu tư tư nhân còn được kêu gọi để xây dựng hạ tầng cho hệ thống giáo dục đại học. Chừng nào ta còn nhìn nhận giáo dục tư như một hình thức giáo dục "hạng hai", không thể tin tưởng trong việc phục vụ lợi ích công, ta sẽ bỏ qua vai trò thực sự mà khu vực này đang và có thể đảm nhiệm - từ phát triển kinh tế, tạo cơ hội dịch chuyển cá nhân đến duy trì đa dạng tư tưởng trong xã hội.

### **Hướng phát triển nghiên cứu cho lĩnh vực này**

Từ trước đến nay, nghiên cứu về giáo dục tư thực thường chỉ giới hạn trong các chính sách và thực hành nội bộ. Nhưng trên thực tế, các cuộc tranh luận xung quanh giáo dục tư phản ánh những câu hỏi lớn hơn của toàn hệ thống giáo dục: Đại học nên có bao nhiêu quyền tự chủ trong giảng dạy? Ai có quyền hưởng lợi từ khát vọng học tập của người học? Thế nào là "chất lượng" thực sự?

Cách mà chính phủ trả lời những câu hỏi này cũng phản ánh rõ các mục tiêu và bản chất của nhà nước cũng như xã hội mà

nó phục vụ. Vì vậy, giáo dục tư thực xứng đáng được nhìn nhận như một "cửa sổ" để quan sát những chuyển biến sâu rộng trong xã hội - ở từng thời điểm, từng bối cảnh cụ thể.

Liên quan đến điều đó, khi nhìn về tương lai của giáo dục đại học toàn cầu, ta cần nhận ra rằng nhiều giả định về giáo dục tư thực - vốn được coi là hiển nhiên suốt ba thập kỷ - đang thay đổi. Tại những quốc gia đang suy giảm dân số, các đại học tư chính là nhóm đầu tiên phải đóng cửa, kéo theo hệ lụy cho giảng viên, sinh viên và cộng đồng địa phương. Vì thế, xu hướng trong khu vực tư có thể dự báo phần nào tương lai của toàn ngành.

Mặt khác, khu vực tư đang trở nên đa dạng hơn với nhiều mô hình mới như: trường bán tinh hoa, nghiên cứu định hướng hoặc xuyên quốc gia. Ở một số quốc gia, đại học tư bắt đầu khẳng định vị thế, được xem như đối thủ cạnh tranh thực sự của khu vực công. Hiện tượng "di cư tinh hoa" từ đại học công sang tư đang diễn ra ở một số nơi - khi các gia đình trung lưu khá giả ngày càng nhận ra cơ hội việc làm tốt hơn, cộng đồng học tập chăm sóc hơn, hoặc cơ sở vật chất hiện đại hơn tại các trường tư.

Tác động của giáo dục tư đến bất bình đẳng luôn là mối lo ngại lâu dài. Nếu xu hướng dịch chuyển sang khu vực tư lan rộng, cần có sự theo dõi sát sao để tránh nguy cơ giáo dục tư làm trầm trọng thêm bất bình đẳng và làm xói mòn vai trò của giáo dục công.

## Xu hướng toàn cầu trong kiểm định và đảm bảo chất lượng: Những khả năng đầy thách thức

**Gerardo Blanco và Andrés Bernasconi**

*Gerardo Blanco là Phó Giáo sư và Giám đốc học thuật của Trung tâm Giáo dục Đại học Quốc tế, Boston College, Hoa Kỳ. Email: blancoge@bc.edu.*

*Andrés Bernasconi là Giáo sư tại Đại học Công giáo Pontifical Chile và Chủ tịch Ủy ban Kiểm định Quốc gia Chile. Email: abernasconi@uc.cl.*

Kiểm định đã trở thành cách tiếp cận được áp dụng rộng rãi nhất để đảm bảo chất lượng giáo dục đại học trên toàn thế giới. Mặc dù phương pháp này cho phép có những sự khác biệt, nó vẫn cung cấp một ngôn ngữ chung được chia sẻ bởi các hệ thống và truyền thống học thuật khác nhau. Trong khi sự hợp tác giữa các cơ quan sẽ tiếp tục tăng cường, tương lai lại có nguy cơ về sự can thiệp không phù hợp của chính phủ.

Trong ba thập kỷ qua, gần như mọi quốc gia và khu vực pháp lý trên thế giới đã áp dụng một hình thức kiểm định nào đó. Thực tiễn kiểm định đã có từ lâu hơn thế rất nhiều, được chính thức thành lập lần đầu tiên tại Hoa Kỳ vào năm 1885. Tuy nhiên, việc áp dụng gần như phổ biến chỉ bắt đầu vào giữa những năm 1990, trùng với sự hội nhập kinh tế và khu vực giữa các quốc gia, đặc biệt là ở châu Âu. Kiểm định không phải là một khối đồng nhất: Nó có thể tập trung vào các chương trình, các đơn vị học thuật (như các trường hoặc khoa), toàn bộ các cơ sở giáo dục và thậm chí cả các hệ thống có nhiều cơ sở. Các phương pháp kiểm định rất đa dạng và quan trọng là không có một khoảng thời gian tiêu chuẩn nào cho việc một chương trình hoặc cơ sở giáo dục được công nhận trước khi đến lần đánh giá tiếp theo. Các tác động về mặt chính sách của kiểm định cũng khác nhau. Đồng thời, kiểm định bao hàm một loạt các giả định. Đó là một quá trình tự nguyện nhưng có ảnh hưởng quan trọng, được thực hiện bởi các chuyên gia trong cùng lĩnh vực. Chính phủ giám sát và thường tài trợ cho các cơ quan kiểm định, nhưng các cơ quan này vẫn độc lập trong các quyết định của mình, thường hành động theo sự ủy quyền của chính phủ. Các quy trình kiểm định bao gồm

việc tự nghiên cứu, đây là một hoạt động nghiêm ngặt và dựa trên bằng chứng để chứng minh một cơ sở giáo dục hoạt động như thế nào so với một bộ tiêu chuẩn dài hạn và sứ mệnh đã nêu của chính nó. Mặc dù kết quả kiểm định mang tính tổng kết - tức là được cấp kiểm định hoặc không - trọng tâm vẫn là cải thiện những gì mà cơ sở hoặc chương trình đó đã làm tốt. Những nguyên tắc này làm cho khái niệm kiểm định trở nên mạnh mẽ và cung cấp một ngôn ngữ chung để đảm bảo chất lượng giữa các hệ thống vốn rất khác biệt.

### **Xu hướng và thách thức của kiểm định**

Ngoài việc áp dụng rộng rãi các quy trình kiểm định chung, một số lượng đáng kể các chương trình và cơ sở giáo dục hiện nay đang tìm kiếm sự công nhận từ một cơ quan bên ngoài quốc gia của họ. Việc kiểm định hoặc công nhận các chương trình chuyên nghiệp, chẳng hạn như trong y học hoặc kỹ thuật, cũng ngày càng áp dụng các tiêu chuẩn toàn cầu. Các tổ chức kiểm định thường làm việc với nhau để cải tiến thực tiễn và phát triển các giải pháp nhằm giải quyết các vấn đề cùng quan tâm, chẳng hạn như vấn đề phổ biến là xác định và đối phó với các "lò" sản xuất bằng cấp giả và các nhà cung cấp lừa đảo.



Nhìn về tương lai, chương trình nghị sự quốc tế về kiểm định đặt ra những thách thức đáng kể. Giống như việc công nhận bằng cấp, việc công nhận lẫn nhau về kết quả kiểm định giữa các quốc gia đã chứng tỏ là một vấn đề dai dẳng, mặc dù kiểm định cung cấp một sự hiểu biết chung về các nguyên tắc và thực tiễn. Kiểm định đặc biệt thách thức đối với giáo dục xuyên quốc gia. Ai nên kiểm định, một cơ sở chi nhánh hoặc các trường đại học hợp tác xuyên quốc gia, hay các chương trình trực tuyến được cung cấp trên nhiều khu vực pháp lý?

**Tính hợp pháp của kiểm định bắt nguồn từ việc nó cấu thành một quá trình đánh giá ngang hàng. Mặc dù các cơ quan kiểm định đôi khi được chính phủ tài trợ hoặc giám sát, sự độc lập của họ, vốn liên quan chặt chẽ đến quyền tự chủ của trường đại học, là tối quan trọng.**

Sự trỗi dậy của các chứng chỉ ngắn hạn (microcredentials), hầu hết được hỗ trợ bởi công nghệ blockchain và được cung cấp bởi các tổ chức bên ngoài giáo dục đại học, lại mở ra một câu hỏi khác: Liệu các tổ chức kiểm định có làm việc với những nhà cung cấp cấp chứng chỉ ngắn hạn mà không phải là cơ sở giáo dục đại học theo nghĩa truyền thống không? Một thách thức khác là sự gia tăng của các loại bên liên quan gián tiếp mà giờ đây được coi là có liên quan đến giáo dục đại học và do

đó, liên quan đến kiểm định, chẳng hạn như các hiệp hội nghề nghiệp và khoa học, công đoàn, hiệp hội ngành nghề, hoặc hệ thống trường học từ K-12. Các quan niệm về lợi ích công cộng mà giáo dục đại học phải chịu trách nhiệm cũng đang mở rộng, điều này cũng có thể tác động đến kiểm định.

Tuy nhiên, có một mối đe dọa lớn hơn đang nổi lên, đặt chính cốt lõi của kiểm định vào nguy cơ: Sự can thiệp không đáng có của chính phủ.

Tính hợp pháp của kiểm định bắt nguồn từ việc nó cấu thành một quá trình đánh giá ngang hàng. Mặc dù các cơ quan kiểm định đôi khi được chính phủ tài trợ hoặc giám sát, sự độc lập của họ, vốn liên quan chặt chẽ đến quyền tự chủ của trường đại học, là tối quan trọng. Thực tế này đang thay đổi. Hoa Kỳ có lẽ là trường hợp nổi bật nhất, nơi một sự tiếp quản thù địch đối với viện trợ nước ngoài và việc giải thể Bộ Giáo dục đang diễn ra. Tổng thống Trump đã vận động tranh cử với lời hứa sẽ "sa thải những người kiểm định cánh tả cực đoan đã cho phép các trường đại học của chúng ta bị thống trị bởi những kẻ điên rồ và cuồng loạn" trong khi Dự án 2025 kêu gọi "tấn công cartel kiểm định". Giữa những lời lẽ như vậy, cộng đồng giáo dục đại học cần đoàn kết để bảo tồn một trong những cách tiếp cận tốt nhất hiện có để đảm bảo chất lượng của các chương trình và tổ chức, đồng thời vẫn cởi mở để thay đổi nhằm đáp ứng những kỳ vọng đang thay đổi của xã hội.

## Làm rõ các giá trị nền tảng thông qua khung đảm bảo chất lượng châu Âu

**Maria Kelo**

*Maria Kelo là Giám đốc phát triển thể chế tại Hiệp hội các trường đại học châu Âu (EUA). E-mail: maria.kelo@eua.eu.*

Bài viết này mô tả các cuộc tranh luận hiện nay trong quá trình sửa đổi khung đảm bảo chất lượng châu Âu (cụ thể là Bộ Tiêu chuẩn và Hướng dẫn đảm bảo chất lượng trong khu vực giáo dục đại học châu Âu), tập trung vào những vấn đề liên quan đến việc đánh giá các giá trị học thuật nền tảng thông qua các tiêu chuẩn đảm bảo chất lượng.

**T**rong hai thập kỷ qua, hợp tác giáo dục đại học ở châu Âu đã được thúc đẩy đáng kể nhờ việc tạo ra và sử dụng một khung chung về đảm bảo chất lượng, một khung khá khác biệt so với bất kỳ khung khu vực nào khác trên thế giới. Khung này có những đặc điểm nổi bật: Do các bên liên quan xây dựng và dẫn dắt, được 49 hệ thống giáo dục đại học trên khắp châu Âu chấp nhận là khung chung và bao gồm một hệ thống quy định tự nguyện. Các thành phần chính của nó là Bộ Tiêu chuẩn và Hướng dẫn Đảm bảo Chất lượng (gọi tắt là ESG) trong khu vực giáo dục đại học châu Âu (EHEA), được thông qua vào năm 2005, sửa đổi vào năm 2015 và Tổ chức Đăng ký Đảm bảo Chất lượng châu Âu, do các cơ quan liên quan chính ở châu Âu thành lập vào năm 2007.

Bộ tiêu chuẩn ESG đã định hướng cho sự phát triển của các hệ thống đảm bảo chất lượng trên khắp châu Âu. Quan trọng hơn, nó hỗ trợ việc tạo ra một ngôn ngữ chung và một sự thấu hiểu chung về các thành phần chính cần thiết ở các cấp độ khác nhau (châu Âu, quốc gia, cơ sở giáo dục) để đảm bảo và minh chứng chất lượng một cách minh bạch, công bằng và đáng tin cậy. Vai trò mạnh mẽ của các bên liên quan trong cả việc soạn thảo lẫn triển khai ESG đã hỗ trợ xây dựng một cộng đồng các nhà thực hành và nhà nghiên cứu tin tưởng sâu sắc vào khuôn khổ này và những lợi ích mà nó mang lại.

### Những sửa đổi hiện tại

Dù các tiêu chuẩn có mạnh mẽ đến đâu, việc sửa đổi thường xuyên bất kỳ tiêu chuẩn đảm bảo chất lượng nào cũng được cho là cần thiết. Với tinh thần đó, Hội nghị cấp bộ trưởng EHEA tại Tirana, Albania, vào tháng 5/2024, đã chính thức giao nhiệm vụ cho các tác giả của ESG sửa đổi tài liệu này một lần nữa. Những thay đổi trong lĩnh vực giáo dục đại học và bối cảnh xã hội đã mang đến một danh sách dài và phức tạp các chủ đề mong muốn được giải quyết. Mặc dù các tác giả nhấn mạnh rằng không phải mọi thứ quan trọng đều có thể hoặc nên được giải quyết bởi tiêu chuẩn cấp châu Âu, một số chủ đề cụ thể xứng đáng được xem xét đưa vào bộ ESG 2027 sắp tới, chẳng hạn như phương diện xã hội của giáo dục đại học (bao gồm quyền, sự hỗ trợ và sự đa dạng của sinh viên) và số hóa.

### Tập trung vào các giá trị học thuật

Có lẽ chủ đề thú vị và phức tạp nhất đang được thảo luận là việc tích hợp một cách rõ ràng hơn các giá trị học thuật nền tảng vào bộ ESG. Các giá trị này bao gồm: tự do học thuật, trách nhiệm công của/ đối với giáo dục đại học, sự tham gia của các bên liên quan vào quản trị giáo dục đại học và liêm chính học thuật. Ngay cả trong định dạng hiện tại, bộ ESG đã gắn bó sâu sắc với các giá trị này. ESG nhấn mạnh tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và vai trò trung tâm của sinh viên

trong quá trình học tập - tất cả đều phù hợp với các giá trị cốt lõi như tự do học thuật, hòa nhập và tham gia dân chủ. Thật vậy, bằng cách đảm bảo chất lượng và thúc đẩy niềm tin, ESG giúp củng cố EHEA như một không gian được xây dựng trên sự hợp tác, công nhận lẫn nhau và các giá trị chung.

**Có lẽ chủ đề thú vị và phức tạp nhất đang được thảo luận là việc tích hợp một cách rõ ràng hơn các giá trị học thuật nền tảng vào bộ ESG. Các giá trị này bao gồm: tự do học thuật, trách nhiệm công của và đối với giáo dục đại học, sự tham gia của các bên liên quan vào quản trị giáo dục đại học và liêm chính học thuật.**

Tuy nhiên, có một cảm nhận mạnh mẽ rằng châu Âu đã thay đổi từ năm 2015. Những giá trị mà chúng ta từng coi là hiển nhiên đã bị lung lay bởi chiến tranh, chủ nghĩa dân tộc và sự hoài nghi về bằng chứng khoa học cũng như tự do học thuật. Quyền tự chủ của các trường, tự do nghiên cứu và trách nhiệm công không còn được tự động tôn trọng trên toàn EHEA. Do đó, cần phải thảo luận xem liệu và ở mức độ nào các giá trị nền tảng nên được đề cập thông qua các tiêu chuẩn và yêu cầu rõ ràng trong bộ ESG.

Mặc dù - hay đúng hơn là vì - tầm quan trọng của chủ đề này, các vấn đề kỹ thuật và khái niệm liên quan cần được thảo luận nghiêm túc. Những câu hỏi cấp bách được đặt ra: Loại tiêu chuẩn nào nên được áp dụng? Loại chỉ số và bằng chứng nào có thể được cung cấp một cách hợp lý và đáng tin cậy để đánh giá sự tuân thủ? Liệu các quy trình đảm bảo chất lượng hiện tại, vốn vẫn phụ thuộc nhiều vào các cơ quan quốc gia, có phù hợp để giám sát việc tuân thủ các giá trị nền tảng này không?

Những câu hỏi về giá trị này càng trở nên gay gắt trong bối cảnh hợp tác quốc tế. Một mặt, nhiều trường đại học châu Âu đang tham gia hợp tác quốc tế sâu rộng hơn, với sự hỗ trợ của Sáng kiến các trường đại học châu Âu và việc thành lập hơn 60 liên minh đại học châu Âu. Mặt khác, việc hợp tác với các cơ sở bên ngoài châu Âu lại cần phải giải quyết các mối quan ngại và tuân thủ các quy định liên quan đến an ninh quốc gia và việc sử dụng các kết quả nghiên cứu. Liệu việc đưa các giá trị học thuật nền tảng vào ESG có thể hỗ trợ hợp tác quốc tế không? Thật vậy, hợp tác quốc tế sẽ ra sao trong thập kỷ tới nếu không có một nền tảng vững chắc của các giá trị chung?

## Nạn tham nhũng trong đại học: Vấn đề cũ, thách thức mới

**Elena Denisova-Schmidt**

*Elena Denisova-Schmidt là Phó Giáo sư tại Đại học St. Gallen (HSG), Thụy Sĩ và là Nghiên cứu viên tại Trung tâm Giáo dục Đại học Quốc tế, Boston College, Hoa Kỳ.*

*E-mail: elena.denisova-schmidt@unisg.ch.*

Tham nhũng trong giáo dục đại học đang làm mất đi sự trong sạch trong học tập và lòng tin của xã hội đối với các trường đại học trên toàn thế giới. Các vấn nạn như nhận hối lộ, đạo văn và gian lận thi cử bằng AI ngày càng tệ hơn do áp lực tài chính và chính trị. Để giải quyết, chúng ta cần thay đổi cách quản lý, giúp mọi người hiểu rõ hơn về đạo đức và cùng nhau hợp tác trên thế giới. Điều này sẽ giúp bảo vệ sứ mệnh cốt lõi của giáo dục và giữ cho chất lượng không bị đi xuống.

Tham nhũng trong trường học không phải chuyện nhỏ. Nó là một cuộc khủng hoảng lớn, ăn sâu vào cả hệ thống và làm người ta nghi ngờ giá trị của bằng cấp đại học trên toàn cầu. Từ việc đút lót để được nhập học, các "trường ma" bán bằng, cho đến việc sao chép bài và gian lận bằng AI, tham nhũng đã len lỏi vào mọi ngóc ngách của môi trường học thuật, ở tất cả các loại trường, dù là ở nước thu nhập thấp và trung bình hay thu nhập cao. Khi các trường bị áp lực về tài chính, họ thường chạy theo xếp hạng và lợi ích chính trị thay vì giữ gìn sự trong sạch trong học thuật. Điều này tạo ra những mối quan hệ phụ thuộc không lành mạnh trong ngành giáo dục. Tham nhũng không chỉ làm giảm chất lượng dạy và học mà còn làm mọi người mất lòng tin vào các trường đại học. Đáng lẽ ra, trường đại học phải là nơi nghiên cứu, giảng dạy và phục vụ xã hội một cách trung thực.

Mọi người đang tranh cãi: Liệu tham nhũng trong trường học chỉ là một phần của tham nhũng chung trong xã hội, hay nó là một

vấn đề riêng cần cách giải quyết riêng? Một số người nói rằng tham nhũng là khó tránh khỏi, vì ngày nay ai cũng có thể vào đại học và giáo dục đang bị xem như một món hàng, chịu ảnh hưởng của tiền bạc và quyền lực. Nhưng những người khác lại cho rằng các trường phải có trách nhiệm giữ gìn sự trong sạch, vì đây là nơi đào tạo ra các nhà lãnh đạo, nhà làm chính sách và chuyên gia của tương lai. Hơn nữa, sự phát triển của AI đang làm vấn đề tồi tệ hơn, khiến các cách chống gian lận cũ trở nên vô dụng, buộc các trường và giảng viên phải tìm cách kiểm tra và ra quy định mới.

### Xác định và giảm thiểu đúng vấn đề

Các cuộc tranh luận cũng xoay quanh việc: "Thế nào thì được gọi là tham nhũng?". Ở một số nước, tham nhũng đã quá phổ biến, vì vậy những lỗi nhỏ như sinh viên quay cóp hay giảng viên mua bán tên trong bài báo khoa học đôi khi bị bỏ qua để tập trung giải quyết những vấn đề lớn hơn. Ở những nơi khác, nỗ lực chống tham nhũng lại bị chính trị can thiệp, ví dụ như đóng cửa một trường đại học bị cho là "dỏm" chỉ vì dạy những tư tưởng quá tự do, hoặc trừ điểm sinh viên vì trích dẫn những tác giả bị coi là "không phù hợp". Một vấn đề quan trọng khác là "thái độ hai mặt" của nhiều người. Vụ bê bối "Chiến dịch Varsity Blues" ở Mỹ năm 2019 là một ví dụ. Các gia đình giàu có đã chi tiền để gian lận điểm thi SAT hoặc tạo hồ sơ thể thao giả để con cái được vào các trường danh tiếng. Đây là ví dụ cho thấy thái độ hai mặt của các bậc cha mẹ: Họ biết là sai nhưng lại nghĩ rằng làm vậy là đang quan tâm và lo cho con cái. Cuối cùng, có

những hình thức tham nhũng kín đáo hơn, ít được bàn tới, nhưng rất nguy hiểm, ví dụ như việc gạ tình (sextortion) để đổi lấy điểm số, sự thăng tiến hay các lợi ích khác.

**Tham nhũng trong trường học không phải chuyện nhỏ. Nó là một cuộc khủng hoảng lớn, ăn sâu vào cả hệ thống và làm người ta nghi ngờ giá trị của bằng cấp đại học trên toàn cầu.**

Để chống tham nhũng trong trường học, chúng ta cần làm nhiều việc cùng lúc. Không chỉ thay đổi quy định, mà còn phải thay đổi cả nếp nghĩ và văn hóa trong nhà trường. Các trường phải vừa quản lý chặt chẽ hơn, vừa giáo dục cho sinh viên và cán bộ về đạo đức. Đồng thời, các nước cần hợp tác với nhau để xử lý các vụ gian lận xuyên quốc gia, bằng cấp giả và nghiên cứu thiếu trung thực. Nếu không hành động ngay, sự trong sạch trong học thuật sẽ tiếp tục bị phá hủy, tạo ra thêm bất công trên thế giới và làm hỏng mục đích cao đẹp của giáo dục.

#### **Các bước tiếp theo.**

Nghiên cứu về tham nhũng trong giáo dục là một lĩnh vực liên ngành đang phát triển rất nhanh, sử dụng nhiều góc nhìn lý thuyết

và phương pháp khác nhau. Mặc dù lĩnh vực này ngày càng phát triển, vẫn cần có một cách tiếp cận lý thuyết toàn diện và phát triển lý thuyết sâu hơn. Trong khi việc xây dựng lý thuyết là quan trọng, điều cốt yếu là phải phát triển các phương pháp sáng tạo để giảm thiểu tham nhũng ở mọi nơi, ngay cả ở những nơi mà tham nhũng đã trở thành một phần của hệ thống. Ngoài ra, chúng ta cũng cần phải nhìn lại từ bậc trung học, vì có thể những sinh viên gian lận ở đại học đã từng làm hoặc thấy bạn bè làm điều sai trái từ trước đó; giải quyết vấn đề từ sớm có thể giúp chống gian lận ở bậc đại học hiệu quả hơn. Việc theo dõi các xu hướng công nghệ mới như AI cũng rất quan trọng, vì công nghệ thay đổi quá nhanh khiến nhiều giáo viên và phụ huynh không biết hết các mánh khóe gian lận của giới trẻ. Cuối cùng, dù truyền thông hay tập trung vào sinh viên quốc tế, chúng ta phải nhớ rằng sinh viên trong nước cũng gian lận. Cần tìm hiểu xem có phải sinh viên trong nước ít bị phát hiện hơn, hay sinh viên quốc tế đang bị đối xử thiếu công bằng. Nhìn chung, để thúc đẩy việc nghiên cứu về vấn đề này, các học giả và chuyên gia trên khắp thế giới cần hợp tác chặt chẽ, và cần có nhiều hơn các nghiên cứu được công bố bằng các ngôn ngữ khác ngoài tiếng Anh.



## Định nghĩa bằng Tiến sĩ ở châu Phi: Hướng tới mục đích phù hợp với bối cảnh

**Sioux McKenna và Patrick Onyango**

*Sioux McKenna là Giáo sư nghiên cứu Giáo dục đại học tại Đại học Rhodes, Nam Phi. E-mail: s.mckenna@ru.ac.za.*

*Patrick Onyango là Giảng viên cao cấp ngành Sinh học và là Trưởng khoa Sau đại học, Đại học Maseno, Kenya. E-mail: patrick.onyango@maseno.ac.ke.*

Việc đào tạo tiến sĩ trên khắp châu Phi đang tăng lên nhanh chóng, nhưng lại thiếu các cuộc thảo luận sâu sắc về mục đích thực sự của tấm bằng này. Nhiều chính sách quốc gia ngầm hoặc công khai cho rằng bằng tiến sĩ sẽ thúc đẩy nền kinh tế tri thức. Tuy nhiên, người ta không xem xét kỹ lưỡng liệu mối liên hệ này có thật sự tồn tại hay không, cũng như không thảo luận về việc làm thế nào để bằng tiến sĩ có thể phục vụ lợi ích chung của xã hội tại các quốc gia sau thời kỳ thuộc địa.

**T**rong vài thập kỷ qua, giáo dục đại học ở châu Phi đã tăng trưởng vượt bậc. Ví dụ, số lượng trường đại học đã tăng từ 170 trường vào năm 1969 lên 2.389 trường vào năm 2023. Cùng với sự gia tăng này là lời kêu gọi cần có thêm nhiều tiến sĩ. Các tổ chức như Diễn đàn Kinh tế Thế giới chỉ ra rằng châu Phi cần thêm một triệu tiến sĩ nếu muốn tham gia một cách công bằng hơn vào cộng đồng nghiên cứu toàn cầu.

Để đáp lại những lời kêu gọi đó, chính phủ nhiều nước châu Phi đã ban hành các chính sách nhằm tăng số lượng tiến sĩ, đưa ra các quy định về hướng dẫn, yêu cầu tín chỉ, và nhiều vấn đề khác. Nhưng các chính sách này lại nói rất ít về lý do tại sao chúng ta cần thêm tiến sĩ hoặc họ sẽ phục vụ cho mục đích gì.

Điều có thể thấy rõ từ các văn bản chính sách này là nỗ lực tăng số lượng tiến sĩ chủ yếu dựa trên một niềm tin mặc định: Đào tạo tiến sĩ sẽ dẫn đến "sự phát triển" trong "nền kinh tế tri thức". Người ta ít khi xem xét tính đúng đắn của nhận định này, hay liệu bằng tiến sĩ có phải là cách tốt nhất để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế hay không. Những giả định thiên cận này đã bỏ qua lịch sử thuộc địa của bằng tiến sĩ ở châu

Phi. Điều này dẫn đến việc thiếu các cuộc thảo luận ở cấp quốc gia về ý nghĩa của bằng tiến sĩ trong bối cảnh các nước đã giành độc lập. Vì vậy, người ta ít cân nhắc đến việc nếu chỉ xem bằng tiến sĩ là công cụ tăng trưởng kinh tế, chúng ta có thể đang hạn chế tiềm năng của nó trong việc phục vụ lợi ích công, giải quyết bất công xã hội và xây dựng nền dân chủ vững mạnh.

Cho đến đầu những năm 2000, phần lớn các học giả châu Phi đều lấy bằng tiến sĩ ở các nước phương Bắc. Khi trở về, họ đã xây dựng các chương trình tiến sĩ theo đúng khuôn mẫu và mục đích của phương Bắc. Đây vẫn là hướng đi chính trong việc thiết kế chương trình đào tạo tiến sĩ ở châu Phi, dù cho lục địa này có sự đa dạng rất lớn về ngôn ngữ, văn hóa và kinh tế xã hội.

Một số quốc gia đang nỗ lực điều chỉnh chương trình đào tạo tiến sĩ để phù hợp hơn với thị trường lao động. Dù đây là một bước đi tích cực, việc xem đào tạo kỹ năng cho ngành công nghiệp là mục đích chính của giáo dục tiến sĩ có nguy cơ biến tấm bằng này thành một món hàng. Hậu quả của việc coi bằng tiến sĩ và rộng hơn là tri thức như một sản phẩm là rất lớn: Người ta chú trọng thời gian hoàn thành hơn là chất

lượng; tập trung vào việc "sản xuất" tiến sĩ thay vì bồi dưỡng một nhà nghiên cứu thực thụ và yêu cầu bắt buộc phải có bài báo khoa học như một "sản phẩm đầu ra" đã dẫn đến sự bùng nổ của các tạp chí và nhà xuất bản "sản mồi" (chất lượng thấp).

**Điều cần thiết cho việc đào tạo tiến sĩ tại các trường đại học châu Phi là tạo ra không gian để thảo luận về mục đích của bằng tiến sĩ.**

#### Điều gì là cần thiết?

Điều cần thiết cho việc đào tạo tiến sĩ tại các trường đại học châu Phi là tạo ra không gian để thảo luận về mục đích của bằng tiến sĩ. Những cuộc thảo luận này cần nhìn nhận lại một cách sâu sắc những giả định chưa từng được đặt câu hỏi ở cấp quốc gia, trong chính sách và ngay tại các trường đại học. Mục đích không phải là để gò ép bằng tiến sĩ vào một mục đích chung duy nhất, mà là để mở ra không gian suy ngẫm về những giả định vốn được coi là hiển nhiên và thường có vấn đề. Điều này sẽ cho phép áp dụng các cách tiếp cận có tính thực tiễn, có tác động và mang tính thần thoát khỏi ảnh hưởng của thời thuộc địa vào tấm bằng danh giá nhất này. Những cuộc thảo luận này phải tính đến thực tế phổ biến của việc đào tạo tiến sĩ tại châu Phi: số lượng

người hướng dẫn ít ỏi và đang giảm dần; hầu hết nghiên cứu sinh học bán thời gian; sinh viên thường lớn tuổi và đa số phải tự chi trả chi phí, chỉ một phần nhỏ nhận được tài trợ từ các nước phương Bắc.

Nếu thiếu những cuộc thảo luận ở cấp châu lục, quốc gia và nhà trường về mục đích của bằng tiến sĩ, các giả định chung chung, không phù hợp với thực tế sẽ chiếm ưu thế. Các cuộc trao đổi thẳng thắn về bản chất của tấm bằng này sẽ giúp làm rõ tầm quan trọng của bối cảnh thực tế trong việc định hình mục đích và cách thức đào tạo tiến sĩ. Đối với các trường đại học ở châu Phi, những cuộc thảo luận hướng tới tương lai này đòi hỏi một sự tự nhìn nhận nghiêm túc về di sản của thời thuộc địa.

Điều có vẻ nghịch lý là, chính việc suy ngẫm cẩn thận về bối cảnh của mình để định hình mục đích của bằng tiến sĩ lại có thể mở đường cho việc hội nhập quốc tế mạnh mẽ hơn. Khi một quốc gia, một trường đại học, một người hướng dẫn hay một nghiên cứu sinh có thể nói rõ mục đích của bằng tiến sĩ là gì và phản biện những giả định về nó, họ sẽ ở vị thế tốt hơn để chia sẻ kinh nghiệm của mình với thế giới. Nếu chúng ta biết rõ mình muốn bằng tiến sĩ ở quốc gia mình có vai trò gì, chúng ta sẽ có thể tự tin hơn khi đóng góp vào các môi trường học thuật khác.

## Đào tạo tiến sĩ: Đối mặt với những thay đổi lớn trong môi trường học thuật

**Maria Yudkevich**

*Maria Yudkevich là Giáo sư tại Khoa Giáo dục, Đại học Haifa, Israel.*

*E-mail: 2yudkevich@gmail.com.*

Bài viết này nói về những thử thách lớn nhất mà việc đào tạo tiến sĩ trên toàn thế giới đang phải đối mặt. Các thử thách đó bao gồm: Số lượng tiến sĩ ra trường không khớp với nhu cầu thực tế của các trường đại học, sự cần thiết phải xem xét lại cách thức đào tạo ở nhiều ngành và những khó khăn trong việc tuyển dụng giảng viên giỏi từ nơi khác đến.

Mỗi quốc gia có một hệ thống đại học riêng, vì vậy cách thức đào tạo tiến sĩ cũng rất đa dạng. Tuy nhiên, có một điểm chung tồn tại từ rất lâu: Mục đích chính của việc học tiến sĩ là để trở thành giảng viên, giáo sư cho các thế hệ tương lai. Người ta luôn nghĩ rằng ai có bằng tiến sĩ cũng mơ ước làm giáo sư. Nhưng xu hướng bây giờ đã thay đổi, ngày càng ít tiến sĩ chọn làm việc trong môi trường học thuật. Ví dụ, tại Mỹ vào năm 2019, trong số những người có bằng tiến sĩ và đã có việc làm (không tính các công việc sau tiến sĩ), chỉ khoảng 41% làm trong các trường đại học (con số này ở ngành kỹ thuật chỉ là 12% và ngành khoa học trái đất là 17%). Số tiến sĩ đi làm cho các công ty, doanh nghiệp bên ngoài cũng nhiều tương đương số người làm việc trong trường đại học. Có nhiều lý do cho việc này. Thứ nhất, các ngành công nghệ cao (như IT, công nghệ sinh học) đang cạnh tranh gay gắt để thu hút những người có kỹ năng nghiên cứu và phân tích giỏi. Mặc dù có những ngoại lệ, nhưng mức lương cho tiến sĩ ở các công ty thường cao hơn nhiều so với ở trường đại học, mà họ vẫn có thể tiếp tục làm nghiên cứu.

Một lý do nữa đến từ chính những thay đổi trong môi trường đại học. Cụ thể là kinh phí cho nghiên cứu bị cắt giảm (bao gồm cả tiền cho các vị trí đào tạo sau đại học) và các vị trí làm việc tạm thời sau tiến sĩ (postdoc) ngày càng nhiều. Điều này khiến con đường để có được một công việc ổn định, lâu dài (biên chế) trở nên dài hơn và khó khăn hơn, đồng thời các yêu cầu để được tuyển dụng và thăng chức cũng ngày càng khắt khe.

Nhiều người lo ngại rằng số lượng nghiên cứu sinh tiến sĩ đang giảm dần. Điều này nghe có vẻ không tệ, vì nhiều nước đang đào tạo quá nhiều tiến sĩ. Tuy nhiên, nó có thể dẫn đến một vấn đề nghiêm trọng gọi là "lựa chọn ngược": Những người tốt nghiệp xuất sắc nhất lại không chọn làm việc trong môi trường học thuật (dù là tự nguyện hay bị ép buộc). Vì vậy, một câu hỏi cũ lại trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết: Liệu các trường đại học có còn đủ sức hút để giữ chân nhân tài, hay đang thua trong cuộc đua với các công ty, doanh nghiệp? Câu hỏi này đòi hỏi chúng ta phải suy nghĩ nghiêm túc về tương lai của việc đào tạo tiến sĩ.

### Các câu hỏi để suy ngẫm

Tình trạng đào tạo thừa tiến sĩ có thể vẫn tiếp diễn ở một số ngành (ví dụ khoa học nhân văn), nơi các trường cần nghiên cứu sinh để hỗ trợ giảng dạy và nghiên cứu. Tuy nhiên, sự mất cân bằng này còn xảy ra ở cấp độ quốc gia. Trong khi một số nước như Trung Quốc và Đức đang đào tạo thừa tiến sĩ, thì các nước khác như Nhật Bản và Nam Phi lại thiếu hụt đội ngũ giảng viên. Vậy các trường đại học ở hai phía có thể làm gì để khắc phục sự mất cân bằng này? Các chương trình thu hút nhân tài có trình độ cao trở về nước cần được thiết kế ra sao để đạt hiệu quả cao nhất? Liệu chúng có thật sự hiệu quả?

**Người ta luôn nghĩ rằng ai có bằng tiến sĩ cũng mơ ước làm giáo sư. Nhưng xu hướng bây giờ đã thay đổi, ngày càng ít tiến sĩ chọn làm việc trong môi trường học thuật.**

Một câu hỏi quan trọng khác là các nghiên cứu sinh bị ảnh hưởng thế nào bởi những thay đổi trong cách vận hành của giáo dục đại học ngày nay, ví dụ như những rủi ro và thách thức đến từ việc có ít hợp đồng việc làm ổn định (biên chế), nhiều hợp đồng chỉ tập trung vào giảng dạy và các quyền lợi của người lao động bị giảm sút. Hơn nữa, chúng ta cũng chưa có những thống kê cụ thể về các thiệt hại này.

Vấn đề tài chính cũng rất quan trọng. Các trường phải tìm ra mô hình tài trợ tốt nhất trong điều kiện hiện tại, khi mà nhà nước cắt giảm hỗ trợ cho khoa học nói chung và các chương trình tiến sĩ nói riêng. Vì hiện nay các chương trình này đào tạo nhiều nhân lực cho thị trường bên ngoài hơn là cho chính giới học thuật, nên đứng từ góc độ nhà nước, việc yêu cầu các trường tự tìm thêm nguồn tài trợ từ bên ngoài là có lý.

Các câu hỏi khác lại xoay quanh chất lượng. Doanh nghiệp có thể đóng vai trò gì trong việc tài trợ cho đào tạo tiến sĩ? Mối quan hệ giữa việc tài trợ của doanh nghiệp và mối quan hệ chung giữa trường đại học - doanh nghiệp trong nền kinh tế tri thức sẽ như thế nào? Liệu trong tương lai, có phải trường đại học nào cũng đủ sức để duy trì chương trình đào tạo tiến sĩ không? Ngay từ bây giờ, tiêu

chẩn chất lượng đã là một vấn đề nhức nhối ở nhiều quốc gia. Làm thế nào các trường có thể tạo ra (hoặc duy trì) chất lượng đào tạo ở mức cao khi kinh phí ngày càng eo hẹp?

Cuối cùng, đào tạo tiến sĩ nên tập trung vào những kỹ năng nào? Hiện nay, nhiều chương trình đào tạo (như giáo dục, luật, kinh doanh) đã nhận ra rằng phần lớn sinh viên của họ sẽ không làm trong giới học thuật. Sự phân chia này sẽ dẫn đến hệ quả gì trong tương lai? Liệu chúng ta có cần những mô hình đào tạo mới cho cả các ngành khoa học truyền thống không? Làm thế nào để các mô hình này phản ánh được ranh giới ngày càng mờ đi giữa trường đại học và doanh nghiệp, cũng như giữa các ngành học với nhau? Mặc dù nghiên cứu liên ngành đang phát triển, việc đào tạo tiến sĩ hiện nay vẫn gắn liền với từng chuyên ngành riêng biệt và không khuyến khích các đề tài đột phá, có tính rủi ro cao. Việc chọn một đề tài nghiên cứu liên ngành có ảnh hưởng thế nào đến cơ hội thành công trên thị trường lao động sau này?

Trả lời được những câu hỏi này sẽ cung cấp những định hướng giá trị, giúp các chính phủ và các trường đại học trên thế giới định hình tương lai của việc đào tạo tiến sĩ.

## Cuộc đua công bố khoa học: Áp lực và hệ quả

*Yingxin Liu và Hugo Horta*

*Yingxin Liu là Giảng viên tại Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Trung Văn (Chinese University of Hong Kong), Thâm Quyển, Trung Quốc.*

*E-mail: liuyingxin@cuhk.edu.cn.*

*Hugo Horta là Phó Giáo sư tại Khoa Giáo dục, Đại học Hồng Kông, Trung Quốc.*

*E-mail: horta@hku.hk.*

Môi trường học thuật ngày nay có sự cạnh tranh vô cùng khốc liệt, nơi tầm quan trọng của các công bố khoa học không ngừng được nhấn mạnh. Trong môi trường đầy áp lực này, có một vài xu hướng nổi bật: Văn hóa "công bố hay là chết" (publish or perish) ngày càng phổ biến; có bài báo trên tạp chí quốc tế giống như có một loại "tiền tệ" để đổi lấy danh tiếng, nhưng chỉ vậy thôi thì chưa chắc đã đủ để tồn tại hay thành công; các hình thức công bố khác như viết sách lại thường bị xem nhẹ; quy trình bình duyệt (đánh giá bài báo) ngày càng quá tải và việc xin tài trợ nghiên cứu đôi khi lại trở thành mục tiêu chính, chứ không còn là phương tiện để làm khoa học nữa.

**T**rên khắp thế giới, ngành học thuật đang thay đổi và nghiên cứu khoa học được đặt lên hàng đầu. Vì vậy, việc công bố bài báo trở nên vô cùng quan trọng. Nó không chỉ giúp lan tỏa tri thức, mà còn quyết định đến việc tuyển dụng, thăng tiến, sự ổn định công việc và danh tiếng của một nhà khoa học cũng như của các tổ chức và lĩnh vực nghiên cứu. Một vài xu hướng chính đang định hình cách chúng ta tạo ra tri thức trong môi trường học thuật.

**"Công bố hay là chết" vẫn thống trị, cùng với sự trỗi dậy của "Nổi bật hoặc biến mất" (Get Visible or Vanish).**

Bây giờ, nhà khoa học phải liên tục công bố bài báo trong suốt sự nghiệp. Đây được coi là "đồng tiền" giá trị nhất để có được việc làm, sự ổn định và vị thế. Nhưng ngay cả khi đi theo con đường "chắc chắn" này là đăng bài báo chất lượng, nhiều người vẫn thấy chưa đủ. Ngày nay, bài báo của bạn phải được nhiều người "nhìn thấy". Các nhà khoa học phải tự quảng bá công trình của mình (kể cả trên mạng xã hội) để được nhiều người biết đến và trích dẫn. Cuộc đua "nổi bật hoặc biến mất" này đã thay đổi luật chơi, gây thêm áp lực và gánh nặng công việc. Giờ đây, không chỉ tạo ra tri thức là đủ, mà còn phải biết cách "quảng cáo" cho sản phẩm của mình. Giống như kinh doanh, làm ra sản phẩm tốt thôi chưa đủ, bạn còn phải biết tiếp thị và bán nó. Những xu hướng này dẫn đến hệ quả là: số lượng bài báo tăng vọt, các nghiên cứu trở nên ngắn hạn hơn để mau có kết quả, hệ thống bình duyệt quá tải và có những lo ngại rằng các đột phá khoa học thực sự đang ít đi.

**Không phải công bố nào cũng được coi trọng như nhau**

Hiện nay, khi nói đến "công bố khoa học",

người ta gần như chỉ nghĩ đến bài báo trên các tạp chí quốc tế uy tín (indexed). Việc viết sách, chương sách hay các công bố bằng ngôn ngữ của quốc gia mình thường bị xem nhẹ. Điều này gây thiệt thòi cho các ngành khoa học xã hội và nhân văn cũng như cộng đồng trong nước. Chất lượng bài báo thường bị đánh giá qua thứ hạng của tạp chí, dù cho cách làm này bị chỉ trích rất nhiều vì không chính xác.

**Để bền vững, hệ thống nào cũng cần sự cân bằng. Hệ thống nghiên cứu khoa học hiện nay đang ngày càng mất đi sự cân bằng đó.**

Dù vậy, các trường đại học vẫn dùng danh sách tạp chí để làm thước đo đánh giá nhà khoa học. Điều này khiến mọi người đổ xô đăng bài trên một số tạp chí nhất định ("sùng bái tạp chí"), làm hạn chế sự sáng tạo và cản trở nghiên cứu liên ngành. Vì mọi ưu đãi đều dành cho việc đăng bài báo, sự mất cân bằng này đã trở nên nghiêm trọng. Số lượng bài báo gửi đến các tạp chí quốc tế quá lớn làm cả biên tập viên và người phản biện đều quá tải. Hệ quả là việc phản biện trở nên chậm chạp, thiếu công bằng và mâu thuẫn. Trớ trêu là, dù việc bình duyệt rất quan trọng cho khoa học, người làm công việc này lại chẳng được ghi nhận hay khen thưởng gì. Vì vậy, không lạ khi các tạp chí "săn mồi" (thu tiền để đăng bài nhanh) mọc lên như nấm và tình trạng gian lận, như dùng AI để viết bài, ngày càng nhiều.

**Cuộc đua xin tài trợ nghiên cứu**

Nhiều xu hướng trên cũng liên quan đến việc xin tài trợ nghiên cứu, một lĩnh vực cũng ngày càng cạnh tranh. Việc này đang



dẫn biến từ phương tiện (có tiền để làm nghiên cứu) thành mục đích cuối cùng. Có được tài trợ giờ đây cũng quan trọng không kém gì việc có bài báo đăng. Và cũng giống như đăng bài, "thương hiệu" của nguồn tài trợ rất quan trọng. Xin được tiền từ các quỹ quốc tế hoặc quỹ lớn trong nước sẽ được đánh giá cao hơn. Nghịch lý là, một quỹ càng khó xin tài trợ thì lại càng được xem là danh giá. Xu hướng này diễn ra song song với các xu hướng trong việc công bố.

### Kết luận

Để bền vững, hệ thống nào cũng cần sự cân bằng. Hệ thống nghiên cứu khoa học hiện nay đang ngày càng mất đi sự cân bằng đó. Chúng ta đang quá chú trọng vào các con số như số lượng bài báo hay các chỉ số đo

lượng. Dù những con số này quan trọng, chúng không thể là tất cả. Việc đánh giá cần phải toàn diện hơn, phải công nhận rằng đóng góp của nhà khoa học cho xã hội rất đa dạng và thường là những giá trị vô hình không thể đo đếm ngay được. Một nghiên cứu hôm nay có vẻ không nổi bật nhưng có thể tạo ra tác động to lớn trong nhiều thập kỷ tới. Thật vậy, sự không chắc chắn và đúng thời điểm chính là chìa khóa của đổi mới. Khoa học cần một hệ thống đánh giá toàn diện, vì nghiên cứu khoa học vốn phức tạp và đa dạng. Vì một môi trường học thuật bền vững, cơ chế khen thưởng và sự nghiệp cần phải ghi nhận nhiều loại đóng góp khác nhau, hoặc tạo điều kiện để các nhà khoa học được chuyên môn hóa theo thể mạnh của mình.

## Kệ sách học thuật ngày càng eo hẹp

**Gregory M. Britton**

*Gregory M. Britton là Giám đốc biên tập của Nhà xuất bản Đại học Johns Hopkins, nơi ông chịu trách nhiệm mảng sách về giáo dục đại học. E-mail: gregbritton@jhu.edu.*

Sách đã từng là trung tâm của giao tiếp học thuật. Tuy nhiên, sự sụt giảm hỗ trợ từ các tổ chức và sức mua của thư viện đang định hình lại việc giao tiếp học thuật, hoạt động xuất bản học thuật và bản chất của chính công việc học thuật. Điều đang nổi lên là một bối cảnh xuất bản khác biệt và các hình thức thử nghiệm như truy cập mở và bình duyệt mở. Cùng lúc đó, nhiều học giả đang chuyển các giao tiếp của họ sang các hình thức kỹ thuật số nhanh hơn và có tính dân chủ hơn.

Nửa thế kỷ trước, sách chính là thước đo quyền lực trong giới học thuật. Tri thức được lan truyền qua những cuốn sách. Thư viện các trường đại học thì đua nhau sưu tầm sách. Giảng viên và sinh viên thì thảo luận sôi nổi về những cuốn sách hay. Văn phòng của giáo sư nào cũng đầy sách. Sinh viên thì có cả danh sách "sách phải đọc" để thi cử. Sách không chỉ để truyền đạt thông tin, mà còn là nguồn cảm hứng để người khác viết ra những bài báo và những cuốn sách mới.

Việc được thăng chức hay vào biên chế ở nhiều trường đại học thường phụ thuộc vào việc bạn có sách xuất bản hay không. Viết được một cuốn sách quan trọng sẽ giúp bạn trở nên quan trọng. Sách vừa để chia sẻ kiến thức, vừa là một cách để khẳng định uy tín và năng lực của nhà khoa học.

Vòng quay khi đó, nói đơn giản là: Trường đại học cấp tiền cho thư viện, thư viện dùng tiền đó mua sách. Tiền bán sách đủ để các nhà xuất bản hoạt động. Nhà xuất bản lại

dùng tiền đó để chọn lọc, thẩm định và in sách cho các nhà khoa học. Các trường đại học nhìn vào việc một nhà khoa học được nhà xuất bản uy tín chọn in sách để đánh giá năng lực của họ và quyết định thăng chức. Nhà xuất bản tuy không giàu nhưng cũng đủ sống.

### **Thị trường thay đổi và những cách thích ứng mới**

Khi ngân sách các trường eo hẹp hơn và chi phí tăng lên, các thư viện bắt đầu dồn tiền mua các gói tạp chí lớn thay vì mua sách lẻ. Họ cũng tìm cách dùng chung một cuốn sách cho nhiều trường. Kết quả là, sách bán được ít hơn hẳn. Khoảng 20 năm trước, một cuốn sách chuyên ngành nhân văn có thể bán được 800-1.000 bản là đủ trang trải chi phí. Ngày nay, con số đó có thể chỉ còn 300 bản, một mức quá thấp để duy trì.

Nhưng thay vì gọi đây là khủng hoảng, có thể xem nó là một sự thay đổi để thích nghi với thị trường. Các nhà xuất bản đã phản ứng như những người làm kinh doanh thông thường. Họ ngừng xuất bản những lĩnh vực sách bán chậm, tăng giá sách, và chuyển sang đầu tư vào những loại sách hấp dẫn nhiều người đọc hơn, như sách khoa học thường thức hoặc sách giáo khoa. Điều này buộc các nhà khoa học và các trường phải nghĩ lại về cách họ đánh giá chất lượng và chia sẻ kiến thức.

**Ngày nay, cách các nhà khoa học trao đổi ý tưởng đã rất khác. Sách vẫn còn đó, nhưng không còn là con đường duy nhất. Ngoài bài báo hay hội thảo, các nhà khoa học còn dùng các kênh truyền thông mới để tiếp cận công chúng như viết blog, làm webinar (hội thảo trực tuyến), podcast và các mạng xã hội khác. Những hình thức này có ưu điểm riêng so với sách: chúng rẻ, dễ truy cập và rất nhanh. Hơn nữa, chúng có thể tiếp cận cả thế giới ngay tức thì.**

Một số nhà xuất bản khác thì bắt đầu làm sách "truy cập mở", tức là cho đọc miễn phí trên mạng. Cái hay của cách này là ý tưởng

được lan tỏa khắp thế giới ngay lập tức. Nhưng vấn đề muôn thuở vẫn là: lấy tiền ở đâu để trả cho các chi phí biên tập, bình duyệt, xin phép, in ấn và quảng cáo? "Truy cập mở" chỉ thật sự hiệu quả khi có nguồn tiền ổn định để chi trả cho các khoản đó.

Vì hợp đồng xuất bản sách ngày càng khó kiếm, các nhà khoa học phải tìm hướng đi khác. Lâu nay, các ngành khoa học thường được chia làm hai loại: "ngành chuộng bài báo" và "ngành chuộng sách". Ví dụ, các ngành khoa học tự nhiên (STEM) từ lâu đã quen với việc đăng bài báo, trong khi các ngành nhân văn và xã hội lại coi sách là quan trọng hơn. Giờ đây, khi các nhà xuất bản cắt giảm in sách ở những lĩnh vực bán chậm, một số ngành vốn chuộng sách cũng bắt đầu chuyển hướng sang đăng bài báo.

### **Tương lai của giao tiếp học thuật**

Ngày nay, cách các nhà khoa học trao đổi ý tưởng đã rất khác. Sách vẫn còn đó, nhưng không còn là con đường duy nhất. Ngoài bài báo hay hội thảo, các nhà khoa học còn dùng các kênh truyền thông mới để tiếp cận công chúng như viết blog, làm webinar (hội thảo trực tuyến), podcast và các mạng xã hội khác. Những hình thức này có ưu điểm riêng so với sách: rẻ, dễ truy cập và rất nhanh. Hơn nữa, chúng có thể tiếp cận cả thế giới ngay tức thì. Tuy nhiên, chúng hiếm khi được bình duyệt hay biên tập kỹ càng và thường thiếu cách trích dẫn nguồn chuẩn mực. Đây là một cách giao tiếp học thuật hoàn toàn mới và đang ngày càng có sức ảnh hưởng.

Sự thay đổi này trong cách giao tiếp học thuật đang thách thức ngành xuất bản và đặt ra nhiều câu hỏi cho tương lai. Khi có nhiều kênh để các nhà khoa học chia sẻ kiến thức, liệu việc tiếp cận tri thức có trở nên "dân chủ" hơn không? Chúng ta sẽ đánh giá chất lượng và tầm ảnh hưởng của những công trình không qua bình duyệt như thế nào? Liệu các nhà khoa học có chấp nhận những hình thức bình duyệt mới cho các loại hình công trình mới này không? Các trường đại học sẽ đánh giá những công trình này và năng lực của người tạo ra chúng ra sao?

### **FPT hợp tác chiến lược với Hàn Quốc trong ngành bán dẫn, đào tạo nhân lực công nghệ**

*Trong khuôn khổ chuyến thăm cấp nhà nước tới Hàn Quốc của Tổng Bí thư Tô Lâm, Tập đoàn FPT đã ký kết các thỏa thuận hợp tác chiến lược với ABOV Semiconductor và Đại học Gachon nhằm thúc đẩy sự phát triển công nghệ bán dẫn, đào tạo nhân lực chất lượng cao giữa hai quốc gia.*

Hợp tác với Đại học Gachon, Tập đoàn FPT mong muốn thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động hợp tác như: trao đổi và đào tạo sinh viên (bao gồm bậc đại học và sau đại học); tổ chức các chương trình đào tạo chung; trao đổi giảng viên, học giả và chuyên gia; chia sẻ tài liệu, ấn phẩm học thuật và thông tin nghiên cứu; và các hoạt động trao đổi học thuật khác.

Thỏa thuận này kỳ vọng sẽ góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nhân lực công nghệ, thúc đẩy kết nối học thuật và trao đổi tri thức giữa Việt Nam và Hàn Quốc.



*FPT ký kết hợp tác dưới sự chứng kiến của Tổng Bí thư Tô Lâm và Thủ tướng Hàn Quốc Kim Min Seok.*

### **Toàn cảnh Hội nghị MEDES 2025 tại Trường ĐH FPT**

*Ngày 24-26/11, Hội nghị Khoa học quốc tế về Quản trị hệ sinh thái số lần thứ 17 (The International Conference on Management of Digital EcoSystems) đã diễn ra tại Trường ĐH FPT phân hiệu TP. HCM.*

Hội nghị có sự tham dự của bốn diễn giả chính từ các ĐH uy tín trên thế giới, gồm: GS. Antonio Ruiz Cortés (Đại học Sevilla, Tây Ban Nha), GS. Bernhard Mitschang (Đại học Stuttgart, Đức), GS. Kyriakos Mouratidis (Đại học Quản lý Singapore, Singapore) và GS. Yiannis Kompatsiaris (CERTH-ITI, Hy Lạp).

Sự kiện quy tụ hơn 50 chuyên gia đến từ 19 quốc gia có nền công nghệ phát triển như Mỹ, Pháp, Đức, Anh, Tây Ban Nha... Là hoạt động trao đổi học thuật quy mô quốc tế, MEDES 2025 còn có 58 công trình nghiên cứu về hệ sinh thái số từ các chuyên gia, giảng viên và sinh viên trong nước và quốc tế.

Trong số 10 báo cáo đến từ Việt Nam, Trường Đại học FPT đóng góp 8 bài, được thực hiện bởi các giảng viên, giảng viên/ nghiên cứu viên và sinh viên. Các công trình tập trung vào những chủ đề đang thu hút quan tâm trong lĩnh vực AI và hệ sinh thái số, bao gồm mô hình học sâu, phân tích dữ liệu đa phương thức, ứng dụng IoT, dự báo thông minh và hỗ trợ ra quyết định.



*Hội nghị MEDES 2025 diễn ra từ ngày 24-26/11 tại Trường ĐH FPT phân hiệu TP. HCM.*





## Giáo dục Đại học Quốc tế

### International Higher Education

#### Chịu trách nhiệm xuất bản

Philip G. Altbach  
Hans de Wit  
Rebecca Schendel  
Gerardo Blanco

#### Phát hành:

Hélène Bernot Ullero  
Tessa DeLaquil

#### Văn phòng:

Center for International Higher Education,  
Campion Hall, Boston College, Chestnut Hill, MA 02467-USA;  
Tel: +1 617 552-4236; E-mail: ihe@bc.edu  
www.internationalhighereducation.net

Hoan nghênh các thư từ, ý tưởng thể hiện qua bài viết  
và báo cáo. Xin vui lòng gửi bài viết qua e-mail tới  
ihe@bc.edu, với thông tin về vị trí công việc (sinh viên  
Đại học, Giáo sư, quản trị Giáo dục, hoạch định chính  
sách, v.v...) cùng lĩnh vực quan tâm và chuyên môn của  
bạn. Không phải trả phí.

#### ISSN:

1084-0613 (bản cứng tiếng Anh)  
2372-4501 (bản mềm tiếng Anh)  
© Center for International Higher Education

#### Chịu trách nhiệm về bản tiếng Việt

Lê Trường Tùng

#### Dịch và biên tập

Nguyễn Kim Ánh  
Trần Ngọc Tuấn  
Đỗ Thúy Uyên  
Đào Thị Thanh Lam

#### Thư ký:

Lê Thị Loan

#### Thiết kế bản in và Web

Nguyễn Thị Thu Nga  
Đặng Thị Thu Uyên  
Ngô Ngọc Trâm  
Phạm Nguyễn Phương Vy

#### Văn phòng:

Trường Đại học FPT,  
Khu Giáo dục và Đào tạo, Khu CNC Hòa Lạc, xã Hòa Lạc, Hà Nội  
E-mail: ihe@fpt.edu.vn  
http://ihe.fpt.edu.vn  
Điện thoại: 024 7300 5588  
© Trường Đại học FPT

In 1.000 bản, mỗi bản 60 trang, khổ 19x27cm, tại Công ty TNHH Thương mại - Quảng cáo và In Phứ Sỹ  
Văn phòng: C5-14, Tầng 14, Tòa nhà Golden West, 2 Lê Văn Thiêm, Thanh Xuân, Tp. Hà Nội  
Nhà máy: Km11, Xã Song Phương, Huyện Hoài Đức, Tp. Hà Nội  
Giấy phép xuất bản Đặc san số 183/GP-XBĐS ngày 31/12/2024 và công văn số 1588/BC-KTBC&TTCS ngày  
06/10/2025 về việc tăng trang Đặc san IHE số 123  
In xong và nộp lưu chiểu Quý IV năm 2025